BÁCH KHOA

8

1 THÁNG NĂM 1957

Trong số này

NGUYỄN-QUANG-LỆ .. .. *Tìm hiểu ngân-sách*

HOÀNG-MINH-TUYNH .. .. *Chế-độ dân-chủ cổ-điển*

NGUYỄN-HIẾN-LÊ .. .. *Phép dịch thơ*

PHẠM-TƯỜNG-TRINH .. .. *Góp ý-kiến về việc giáo-dục trẻ em ở cấp tiểu-học*

HÀO NGUYÊN NGUYỄN-HÓA .. .. *Tóm tắt học-thuyết khắc-kỷ*

GIOVANNI PAPINI
TRỰC - ĐỊNH dịch .. .. .. *Thánh Tôma với Chúa sống lại*

NGUYỄN-XUÂN-LAN .. .. *Lá thư Mỹ-Quốc*

T. T. K. .. .. *Chim bằng lại bay (Thơ)*

VÕ-PHIẾN .. .. *Người tù (Truyện ngắn)*

TỪ-VU
(bản dịch của Vi.Huyền.Đắc) .. .. .. *Nhất gia (Truyện dài)*

TẠP-CHÍ BÁCH-KHOA

Trong những số tới :

HUỲNH - VĂN - LANG : *Tìm hiểu cán cân chi phó.*

HOÀNG-MINH-TUYNH : *Chế-độ dân-chủ cổ-điển—Rút-Só với bộ « Dân ước-luận ».*

NGUYỄN-HUY-THANH : *Vấn-đề bảo-hiểm.*

BÙI - GIÁNG : *Hồ-xuân-Hương*

PHẠM-HOÀNG-HỘ : *Nguồn gốc đời sống và khoa-học.*

GIOVANNI PAPINI
NGUYỄN-ĐỨC-AN dịch } *Ký-ức của một người điên.*

THỂ LỆ MUA BÁO DÀI HẠN

6 tháng 12 số : **90$00** — *1 năm 24 số :* **180$**

Giá tiền trên đã tính cả cước phí.

TOÀ SOẠN : 412-414, đại-lộ Trần-Hưng-Đạo
— SAIGON —

TÌM HIỂU NGÂN-SÁCH

NGUYỄN-QUANG-LỆ

MỘT chính-khách trứ-danh Pháp đã định-nghĩa cai-trị là tiên-liệu (gouverner, c'est prévoir). Sự tiên-liệu ấy thể-hiện trong ngân-sách qua những con số, số thu đã đành mà nhất là số chi. Ngân-sách tức là lối đi các Chính-phủ, và cũng là bờ lũy chận đường Chính-phủ vì Chính-phủ chỉ hành-động trong phạm-vi ngân-sách.

Đối với chúng ta vừa xây-dựng nền dân-chủ, bàn đến ngân-sách cũng là tự hỏi thế nào là quyền-hạn người công-dân trước tiền-đồ xứ-sở ? Quả vậy, vấn-đề ngân-sách trong quá-khứ và nhất là hiện-thời, thường tình đem đến cho các Chính-phủ rất nhiều lo-âu : qua Quốc-Hội, người dân có quyền xem-xét ngân-sách và có phận-sự kiểm-soát hoạt-động chính-quyền.

NGÂN-SÁCH, PHẢN-ẢNH HOẠT-ĐỘNG CHÍNH-PHỦ

Ngân-sách có thể ví với một mặt gương phản-chiếu cách trung-tín cho dân-chúng mọi hành-vi và dự-định của chính-quyền.

Theo định-nghĩa thông-thường thì ngân-sách là một kế-hoạch về những hoạt-động Chính-phủ trong định-hạn một năm, trình-bày dưới hình-thức tài-chính và thiết-lập do một thể-chế riêng. Hoạt-động toàn-diện của Chính-phủ, vì đã gọi là kế-hoạch, cố-nhiên Chính-phủ phải phô-bày trên giấy trắng mực đen tất cả những dự-định sẽ làm gì, phó-thác công việc cho ai, chi-phí bao nhiêu, làm cách nào đài-thọ các phí-khoản v.v...

Định-kỳ một năm là một thông-lệ từ trước đến nay trong hầu hết các quốc-gia, vì lẽ dễ hiểu là Quốc-hội ở mọi nơi và mọi đời bao giờ cũng tỏ ra gay-gắt khi phải chấp-thuận cho Chính-phủ quyền thâu thuế. Cơ-bản thuế-khóa được cứu-xét cách nghiêm-khắc và tỉ-mỉ. Quyền thâu thuế chỉ hạn-chế trong vòng một năm đúng. Quá kỳ-hạn nầy, nếu Quốc-hội chưa kịp biểu-quyết về đạo-luật ngân-sách cho năm sẽ đến thì trên nguyên-tắc, mọi viên-chức Nha thuế-vụ không còn phép bắt dân-chúng đóng góp gì.

Kế-hoạch thiết-lập do một thể-chế riêng cũng vì hành-động nhà chức-trách dưới chế-độ dân-chủ nhất nhất phải cân-nhắc trước. Ngân-sách phải được soạn-thảo do một cơ-quan chuyên-môn trực-thuộc Phủ Tổng-thống. Nha Dự-thảo ngân-sách này, sau khi lãnh ý-kiến của các ông Bộ-trưởng về những dự-án chi-thu trong những Nha, Sở ở dưới quyền họ, sẽ xin chỉ-thị của Tổng-Thống để phối-trí chi-thu toàn-diện. Tổng-Thống trình dự-án ngân-sách cho Quốc-Hội bàn-luận theo lẽ thường trước khi chấm dứt năm cũ và phái một hay vài ông Bộ-trưởng giải-thích và bênh-vực dự-án Chính-phủ nếu gặp những trắc-trở.

Lẽ tất-nhiên, Quốc-Hội thường lợi-dụng dịp cứu-xét ngân-sách để chất-vấn Chính-quyền trên phạm-vi chính-sách tổng-quát, cũng như để tỏ-bày sự khiển-trách : chẳng-hạn Quốc-hội tự-ý loại bớt một phần ngân-quỹ, nhiều khi chỉ là một phần rất nhỏ mọn với ý-nghĩa tượng-trưng, của một Sứ-quán nào đó, như thế thường thường, tức là Quốc-hội muốn rầy khéo ông Đại-sứ liên-đới về hoạt-động của ông. Nhưng một khi Quốc-hội đã biểu-quyết tán-thành dự-án ngân-sách, Tổng-Thống sẽ đem công-bố, và ngân-sách nghiễm-nhiên mặc hình-thức một đạo-luật, đạo-luật ngân-sách, ban cho nhà chức-trách quyền hành-động, — một trật cũng trao-phó cho họ phận-sự thi-hành triệt-để — trong phạm-vi thuế-vụ cũng như trong sự xử-dụng các ngân-khoản.

PHƯƠNG-DIỆN TÀI-CHÍNH TRONG NGÂN-SÁCH

Với thể-chế trên, ngân-sách quả là một bài luận-văn mà nhà tác-giả oái-oăm chỉ viết bằng những con số chi-thu khô-khan để phác-họa chương-trình hoạt-động Chính-phủ dự-tính thực-hiện trong năm. Ta nhận thấy trong giai-đoạn tiên-khởi, việc soạn-thảo ngân-sách đòi hỏi sự giải-quyết một vấn-đề then-chốt : sự ước-lượng, ước-lượng những khoản thu-nhập và ước-lượng những chi-tiêu.

Cố-nhiên, sự ước-lượng chỉ có ích khi đi sát với sự thực. Vấn-đề dễ hiểu trên nguyên-tắc nhưng chưa thực-hiện cách toàn-vẹn trong một nước nào. Hiện nay, trong những nước tân-tiến, nhà cầm-quyền thường dựa vào một bản Toàn-kê Tài-chính (Inventaire Financier) để làm việc. Công việc thiết-lập bản Toàn-kê này tuy đòi nhiều công khó và thời giờ, nhưng một khi đã hoàn-thành có thể giúp nhiều cho nhà cầm-quyền, và cách riêng khỏi tài-diễn những chuyện hoang-đường như là ngân-sách chỉ được tiêu-xài với tỷ-lệ 65% (1) ; hoặc là không đầy 4% số thuế lương-bổng và 20% số thuế điền-thổ được thâu vào (2).

Hệ-thống một bản Toàn-kê Tài-chánh kiểu-mẫu có thể dựa theo bản Toàn-kê Schuman của Pháp hoàn-thành năm 1946, và về sau, hằng được

bổ-túc liên-tiếp. Trong bản Toàn-kê này, nhiều biểu-đồ và nhiều bản thống-kê phúc-trình cặn-kẽ tình-hình tài-chính của nước Pháp, nhất là châu-đáo giải-thích cùng dư-luận những lý-do đả-phá thế quân-bình về 3 phương-diện chính :

1.— Quân-bình giữa chi và thu của Chính-phủ : mất sự quân-bình này, Chính-phủ phải dùng sự lạm-phát để giải-quyết những khó-khăn trong nước.

2.— Quân-bình giữa cung và cầu vốn-liếng : thị-trường vốn-liếng tối quan-hệ đối với xí-nghiệp tư đã đành, nhưng cũng cần cho Chính-phủ như khi Chính-phủ phải đứng ra khuếch-trương sự đầu-tư, sự trang-bị, sự-trùng-tu v.v...

3.— Quân-bình giữa tích-sản và tiêu-sản (actif et passif) của cán cân chi-thu (balance des comptes): nếu mất quân-bình, Chính-phủ sẽ bắt-buộc thanh-toán nợ ngoại-quốc bằng quý-kim và ngoại-tệ. Tình-trạng này kéo dài sẽ đưa đến hậu-quả hiển-nhiên là vốn-liếng ở quốc-nội mất bảo-đảm và bị phá-giá, giá-trị của-cải hao mòn, Chính-phủ nghèo và người dân cũng nghèo theo.

NGÂN-SÁCH, LỢI-KHÍ CHÍNH-TRỊ, KINH-TẾ, HÀNH-CHÍNH.

Nhưngngân-sách không chỉ là một văn-kiện hợp-pháp-hóa chương-trình hành-động của Chính-phủ, cũng không chỉ là một kế-hoạch trình-bày dưới hình-thức toán-số. Hơn thế, ngân-sách là một lực-lượng vô-song của Chính-quyền. Ngân-sách là một lợi-khí chính-trị, kinh-tế, hành-chính.

Lợi-khí chính-trị vì lẽ ngân-sách phải do vị Đại-diện Tối-Cao Chính-quyền trần-bày, phải do các vị Dân-biểu cứu-xét và biểu-quyết. Chính-trị vì nhờ phương-tiện ngân-sách, Chính-phủ thực-hiện một phần chính-sách mình. Chẳng hạn, khi thi-hành một chủ-trương xã-hội tân-tiến, Chính-phủ tại-quyền dùng một phần huê-lợi, của-cải một số người dư-giả trong xã-hội, — những phương-pháp thâu số tiền trên có nhiều, nhưng thường tình người ta dùng 2 phương-pháp cổ-điển là thuế-vụ và vay mượn, — rồi với số tiền đóng góp này, Chính-phủ phân-phối lại dưới hình-thức trợ-cấp trực-tiếp, cho vay, đầu-tư, để nâng cao mực sống của những tầng-lớp khác trong xã-hội. Hoặc-giả Chính-phủ dùng thuế-má dân-chúng các đô-thị đóng góp để mở-mang đường sá, khai-thác tài-nguyên trong những vùng còn hoang-vu, trong những địa-điểm mà dân-chúng còn phải cạnh-tranh gắt-gao với ngoại-kiều mới mong bành-trướng ảnh-hưởng.

Lợi-khí kinh-tế vì quả thật ngân-sách là phương-tiện hữu-hiệu và cũng hầu như độc-nhất để hướng-dẫn hoạt-động kinh-tế một nước. Như để làm thỏi chỉ những thương-gia lười-biếng quen sống với sự nhập-cảng

xa-xỉ-phẩm, Chính-phủ đặt ra những thuế khốc-liệt đối với loại hàng này. Trong những giai-đoạn mà sự sản-xuất kinh-tế tiến-triển một cách thiếu quy-củ, Chính-phủ dùng sự tăng-giảm thuế-vụ, sự trợ-cấp trực-tiếp hay gián-tiếp để điều-khiển không những lượng sản-xuất mà cả nhịp-độ sản-xuất cho phù-hợp với tình-trạng thế-giới. Ví-dụ, để khuyến-khích xuất-cảng một sản-phẩm tiểu-kỹ-nghệ như đồ đan bằng mây, hay một nông-sản đang bị ối lại như trà, hoặc để khuyến-khích sự đầu-tư trong giai-đoạn nền kinh-tế trong nước cần đến vốn ngoại-quốc, Chính-phủ xin Quốc-hội giảm thuế hay là ân-thưởng, trợ-cấp những ngành hoạt-động hướng về những mục-đích trên ; còn những khi cần phải hạn-chế sản-xuất, trong một giai-đoạn quá-triển, Chính-phủ lại dùng sự tăng thuế, thưởng tiền cho những ai tự-ý hạn-chế sản-xuất. Thí-dụ cụ-thể trong quá-khứ, để triệt-để chận-đứng tình-trạng bế-tắc do sự ứ-đọng rượu nho ở Pháp, ông Laval đã ân-thưởng những nông-gia tự mình phá-hủy ruộng nho.

Ngân-sách liên-can nhiều đến hành-chính vì lý-do nếu không có một cơ-quan hành-chính soạn-thảo, với sự cộng-tác chân-thành của các cơ-quan hành-chính khác thì không thế nào có một dự-án ngân-sách đứng-đắn và kịp thời cho Quốc-hội biểu-quyết. Rồi một khi Quốc-hội đã chuẩn-y và Tổng-Thống đã ban-bố, sự thi-hành ngân-sách cũng lại do các cơ-quan hành-chính đảm-đương, dung-hòa, có khi kiểm-soát một phần nào.

BA NGUYÊN-TẮC CỔ-ĐIỂN

Có một thời, để phê-bình ngân-sách do Chính-phủ trần-bày, các ông Nghị thường viện-dẫn ba nguyên-tắc rất cổ-điển : ngân-sách phải có tính-cách đơn-nhất (unité), ngân-sách phải có tính-cách nhất-niên (annualité), ngân-sách phải có tính-cách tổng-quát (universalité).

TÍNH-CÁCH ĐƠN-NHẤT LÀ GÌ ?

Đơn-nhất-tính của ngân-sách là một luật căn-bản, vì những lý-do tài-chánh nhiều hơn là pháp-lý, vì xét cho cùng thì chẳng bao giờ ai thấy pháp-luật ấn-định nguyên-tắc trên.

Sự đơn-nhất giúp cho các Nghị-viên, trong khi bàn-luận, dễ bề suy-tính, và sau này cũng dễ kiểm-soát. Trước tiên, sự nhận-định về điểm cốt yếu « Quân-bình Ngân-sách » được thêm dễ-dàng, ít ra là trong phần ngân-sách thường gọi là « ngân-sách thường-niên » (budget ordinaire). Ngân-sách thường-niên gồm những chi-phí thông-thường trong một năm và tái-diễn năm này qua năm khác.

Tuy nhiên, một ngân-sách hoàn-toàn đơn-nhất ngày nay không còn thấy ở một nước nào, bởi bên cạnh ngân-sách thường-niên trên, ta năng thấy hai loại chi-thu khác của Chính-phủ không bao gồm duy-nhất trong cùng một văn-kiện, tức là « ngân-sách bất-thường » (budget extraordinaire) và những « chương-mục Đặc-biệt Ngân-khố » (Comptes Spéciaux du Trésor).

Ngân-sách bất-thường gồm những chi-phí đặc-biệt do thời-cuộc gây nên, chi-phí không tiên-đoán được và có thể sau cơn biến-cố, hay sau một thời-gian đôi ba năm sẽ mất hẳn tính-cách nhu-cầu. Tuy vậy, ngày nay nhiều nhà luật-học kịch-liệt chỉ-trích cách phân-loại này, vì sự định-nghĩa chi-tiêu bất-thường nếu có thể đúng trong đoản-kỳ và nội-dung, lại sai lạc hoàn-toàn nếu vấn-đề đặt trong trường-kỳ cách toàn-diện. Có thể rằng sự xây một cái chợ, đắp một công-lộ trong tỉnh kia là một việc thất-thường đối với tỉnh trong thời-gian ấy, nhưng nếu xét về phương-diện toàn-quốc thì chi-phí ấy lại thông-thường mỗi năm, không xây chợ đắp đường trong tỉnh này, Chính-phủ cũng phải làm trong tỉnh khác với sự gia-tăng điều-hòa dân-số hiện-thời và luật tiến-triển tự-nhiên.

Dầu sao, về mặt người dân như chúng ta, để nhận-định sự khiếm-ngạch thực-sự của ngân-sách (déficit réel), ta phải lưu-ý đến khoản ngân-sách thất-thường, và nhất là xét xem những mục-thu trong ngân-sách này. Nếu chi thất-thường cũng được những thu thất-thường, — trái với thuế thông-thường — bao-bọc cho thì ta có thể yên-tâm ; nhược bằng trái lại, ta có thể đoán trước tình-hình tài-chính có nhiều cơ-hội đi đến bế-tắc và phá-giá tiền-tệ.

Chính-phủ dùng đến phương-tiện những chương-mục Đặc-biệt Ngân-khố khi cần phải thanh-toán những loại chi-tiêu không tiên-đoán được lúc đầu năm khi thành-lập ngân-sách. Ví-dụ vào giữa năm có một thiên-cơ phá-hủy mùa-màng trong nhiều miền như trận bão Hậu-giang, trận lụt Trung-Việt, để trấn-tĩnh nhân-tâm và chỉnh-đốn tình-hình, Chính-phủ trích ra những số tiền đặc-biệt trợ-cấp các gia-cư, các làng-mạc trong các vùng trên, tất-nhiên phải nhờ đến Ngân-khố xuất ra bằng cách mở cho Chính-phủ một chương-mục Đặc-biệt đặng đối-phó gấp với thời-cuộc cấp-bách, đợi qua năm sẽ hậu-trình với Quốc-Hội. Trong nhiều nước, có năm số tiền chuyển-vận bằng những chương-mục này lên đến 50% ngân-sách !

Sự đơn-nhất cũng giúp Chính-phủ và Quốc-hội dễ nhận-định số lượng tổng-quát ngân-sách trong khi bàn-luận để tránh những hậu-quả tai-hại. Dầu chỉ bàn suông về chính-trị, ta cũng dư hiểu những chi-tiêu vô-ý-thức, hoặc chi-tiêu có lý-do nhưng không được bao-bọc bằng những mục thu đứng-đắn và hợp-lý, hợp với khả-năng đóng góp của toàn dân, có thể đưa

đến sự phản-đối trong dư-luận... Nhưng còn những lý-do sâu-xa về kinh-tế bắt-buộc một nhà chính-trị muốn duy-trì cho quốc-gia một nền tài-chính lành mạnh, lưu-ý đặc-biệt đến sự quân-bình chi-thu toàn-diện. Nếu chi-thu không tương-đương, kết-quả dĩ-nhiên trên ngân-sách là khiếm-ngạch, kết-quả gián-tiếp trên mặt kinh-tài là sự thiếu hụt trên hoặc-giả công-khai và tất-nhiên Chính-phủ dùng những biện-pháp tiền-tệ như lạm-phát, phá-giá để khỏa-lấp sự thiếu-hụt; hoặc-giả sự khiếm-ngạch được bưng-bít, nghĩa là bên ngoài sự quân-bình ngân-sách xem ra trọn-hảo vì giữa chi và thu trong sổ sách có sự cân-đối triệt-để, tuy nhiên thực-trạng khác hẳn vì thu ở đây là những khoản thu liều-lĩnh, thuế-má phân-phối không hợp-lý hoặc vượt khả-năng đóng-góp của dân-chúng. Trường-hợp này đưa đến hậu-quả kinh-tế sau đây: cho dầu thuế vẫn thâu vào, nhưng để có lợi-tức đóng thuế này, người dân đã phải bán bớt vốn-liếng cơ-nghiệp v.v...; mà đối với một nước sự thanh-toán những chi-phí thường-niên bằng vốn-liếng của dân-chúng là một tai-ương hiển-nhiên.

Sau hết, sự đơn-nhất cũng giúp cho Quốc-Hội dễ so-sánh sự lợi-ích tương-đối các chi-tiêu, nhờ vậy dễ loại-thải những chi-tiêu kém quan-trọng. Khi cần phải kiểm-điểm hoạt-động Chính-phủ, sự đơn-nhất của ngân-sách cũng giúp các Nghị-viên dễ thi-hành nhiệm-vụ.

TÍNH-CÁCH NHẤT-NIÊN VÀ TỔNG-QUÁT

Nguyên-tắc thứ hai là tính-cách nhất-niên. Nhất-niên có nghĩa rằng những chi-thu mà Quốc-Hội nhìn nhận cho Chính-phủ thi-hành chỉ được ấn-định trong vòng một năm thôi, và mỗi một năm Quốc-Hội chấp-thuận có một lần một.

Nguyên-tắc thứ ba gọi là tính-cách tổng-quát của ngân-sách, là một hạn-chế khuynh-hướng tự-nhiên các Nha Sở hàng ngày bị cám-dỗ phung-phí những số tiền do họ thu vào: chẳng hạn những cơ-quan Bộ Tài-Chánh thâu-thuế, thâu tiền phạt cho Chánh-phủ, thường có khuynh-hướng xử-dụng cách tự-thị số tiền trên vì họ có thể nghĩ tiền đó họ thâu vào vậy chắc họ cũng được Chính-phủ hậu-đãi khi cần tiền. Do nguyên-tắc tổng-quát ngân-sách, tất cả các loại tiền thâu được phải sung vào công-quỹ làm của chung, bất kỳ Bộ nào cần tiêu gì cũng phải xin phép trích ngân-khoản trước.

CẢ BA NGUYÊN-TẮC ẤY KHÔNG CÒN ÁP-DỤNG TRIỆT-ĐỂ

Trong thời-đại mới, do những nhu-cầu mới, nhất là việc hầu hết các Chánh-phủ trên thế-giới ngày nay phải đứng ra kinh-doanh để bù-đắp một phần nào khả-năng không đầy-đủ các tư-nhân, chẳng hạn trong

phương-diện tổ-chức những kỹ-nghệ sản-xuất hay áp-dụng nguyên-tử-lực, cũng như việc cần phải đả-phá triệt-để khuynh-hướng các xí-nghiệp đã có cơ-sở vững-chắc thường-tình muốn tự tạo ra những độc-quyền kinh-tế: để cạnh-tranh hữu-hiệu với xí-nghiệp tư-nhân đầy mánh-khoé, Chính-phủ cần phải hành-động nhanh, quyết-định chớp-nhoáng tùy theo theo sự biến-chuyển thị-trường, nói tóm lại, xí-nghiệp Chính-phủ điều-khiển cũng cần có sự uyển-chuyển thì mới mong tranh-đấu hiệu-quả trong phạm-vi kinh-tế. Cách riêng, về mặt đầu-tư, nếu Chính-phủ không thể hành-động tự-do, tức là xử-dụng ngay một số tiền thu vào để tự-động đầu-tư trong xí-nghiệp mình thì không thể nào luật kinh-tế về sự tự-tài-trợ (autofinancement) được áp-dụng cho xí-nghiệp Chánh-phủ.

Vả lại, đứng về mặt kinh-tế mà bàn, nhiều khi sự chi-thu mất quân-bình, ngân-sách không giữ tính-cách đơn-nhất, nhất-niên và tổng-quát mà vẫn không có hại cho nền tài-chánh quốc-gia xét cách toàn-diện. Ví-dụ trong một năm nào đó, Chính-phủ chi-phí những số tiền khổng-lồ trong việc đầu-tư và trang-bị. Tuy cũng là chi-phí nhưng vì bản-chất sự đầu-tư khác hẳn với chi-phí thông-thường, một đồng tiêu cho sự đầu-tư chẳng những không mất mà có thể sinh-sản ra 5, 7 đồng khác về sau, bởi đấy ngày nay ngoài sự cứu-xét số tiền chi-phí, ta còn phải xét bản-chất chi-phí ghi trong ngân-sách rồi mới nên phê-bình Chính-phủ.

Trên thực-tế, về những luật trừ của tôn-chỉ đơn-nhất, người ta có thể kể ra ngân-sách của những « tập-thể công-lập » (collectivité publique) khác với quốc-gia, tức là ngân-sách các tỉnh và các xã, và ngân-sách của một số « Doanh-sở công-lập ».

Ngoài ra, có những « Ngân-sách phụ-đính » (budget annexe), tức là ngân-sách của một số cơ-quan có chi nhiều và thu cũng nhiều, và đã được một đạo luật đặc-cách chấp-thuận quyền tự-tiện xử-dụng trực-tiếp những món thu của họ. Chỉ khi nào cuối năm có sự thặng-thâu, hoặc giả có sai-ngạch thiếu, khi ấy mới tiếp-xúc với Ngân-sách quốc-gia để đóng số thặng-dư hoặc xin viện-trợ.

Lại còn một số « chương-mục đặc-biệt Ngân-khố » không hề được ghi trong Ngân-sách quốc-gia, vì do bản-chất, số tiền những chương-mục này thu vào không hẳn là những số thu thực-sự làm giàu ngân-sách theo nghĩa thông thường. Ví-dụ, số tiền các nhà xuất-nhập-cảng phải ký-quỹ bảo-đảm. Số tiền 350.000$ ký-quỹ về mỗi môn-bài nhập-cảng không hẳn làm giàu ngân-sách vì Chính-phủ chỉ thâu vào cách tạm thời, bao giờ nhà nhập-cảng trả môn-bài thì Chính-phủ cũng sẽ trả lại cho họ số tiền trên.

Sau hết, còn có « Ngân-sách bất-thường », ví-dụ trong giai-đoạn Chính-phủ phải đầu-tư nhiều, vì bản-chất như đã nói trên, chi-phí này được ghi

trong một ngân-sách bất thường do những mục-thu bất thường đài-thọ. Tuy vậy thường-tình, ngân-sách bất thường vẫn là một phương-tiện cho những Chính-phủ ít lo xa che đậy cùng công-chúng những thiếu hụt thực-sự.

Tính-cách nhất-niên của ngân-sách, tức là chỉ-thu ấn-định trong vòng một năm và do một lần mỗi một năm, ngày nay, trên nhiều nước cũng thường bị Quốc-hội bỏ rơi.

Ở Bỉ, do phương-pháp « ngân-quỹ phân-niên » (acomptes budgétaires), Quốc-hội chia sự biểu-quyết ngân-sách ra nhiều đoạn, quyền ưu-tiên dành cho những nhu-cầu khẩn-thiết nhất trước.

Ở Pháp, với thủ-tục « thập-nhị-phân tạm-thời » (douziémes provisoires), Quốc-hội thay vì chấp-thuận toàn-thể ngân-sách một lần một, vì lý-do không cứu-xét kịp, đành biểu-quyết một ngân-sách tạm-thời cho tháng đang tiếp-diễn, bởi vậy gọi là thập-nhị-phân, tình-trạng toàn-diện sẽ do một đạo-luật sau này điều-chỉnh.

Trong trường-hợp ngân-khoản được chấp-thuận không đủ dùng để thực-hiện công-tác đã chỉ-định thì về sau, nhiều khi Quốc-Hội cấp thêm những ngân-khoản phụ bổ.

Đấy là 3 ví-dụ về khuynh-hướng hiện-thời trong nhiều nước thâu hẹp thời-hạn ngân-sách dưới định-kỳ nhất-niên. Trái lại, một khuynh-hướng khác muốn kéo dài định-kỳ ngân-sách trên thời hạn một năm. Như ở Anh, số tiền trợ-cấp cho người hưu-trí, thương-phế, hay số tiền hằng năm trích ra để cung-cấp cho nhà vua, để huấn-luyện một số công-chức cao-cấp, Quốc-hội xem đấy như những chi-phí không thể tránh, vả lại bất-nhã nếu đem ra bàn-luận trước công-chúng, nên chấp-thuận một chế-độ về những « ngân-khoản chỉnh-cố » (crédits consolidés), về sau cứ như thế mà áp-dụng khỏi bàn lại.

Để thực-hiện những chương-trình kiến-thiết dài hạn, Chính-phủ có thể xin Quốc-hội chấp-thuận một « đạo-luật chương-trình ». Khi đạo-luật được ban-bố, Chính-phủ có thể khởi-công ngay, những chi-phí chỉ thanh-toán thành nhiều đợt trong nhiều năm.

Sau hết, Quốc-hội ngày nay cũng không còn triệt-để dựa trên tiêu-chuẩn tổng-quát của ngân-sách để phê-bình Chính-phủ. Chẳng hạn khi Quốc-hội chấp-thuận « Quỹ hiệp-phần » (fonds de concours), « sự dịch-ước » (marché de transformation), nói một cách chung khi Quốc-hội nhìn nhận cho một xí-nghiệp công sự tự-lập tài chánh, để phù-hợp với những nguyên-tắc thương-mãi, khuyến-khích những công-chức giàu sáng-kiến. Như không có sự tự-lập tài-chính, công-chức một công-sở nếu biết tiết-kiệm, thì số tiền tiết-kiệm theo nguyên-tắc phải sung vào công-quỹ cho các

sở khác đang thiếu-hụt xử-dụng. Kết quả là những công-sở chỉ biết phung-phí tiền Chính-phủ thì lại được khuyến-khích, những công-sở biết tiết-kiệm chẳng được Chính phủ hậu-đãi gì. Nay với sự tự-lập tài-chính, chủ-sự một sở biết tiết-kiệm có thể dùng tiền tiết-kiệm được để mở-mang sở của mình, như thế sự quản-lý tài-chính các sở thường được lành-mạnh hơn.

Ý-NGHĨA CỦA QUÂN-BÌNH NGÂN-SÁCH

Ngày trước, quân-bình ngân-sách được áp-dụng một cách nói được là tuyệt-đối. Kể ra cũng dễ hiểu, vì dưới chế-độ tự-do dân-chủ theo quan-niệm thời ấy, Chính-phủ không có quyền can-thiệp trong phạm-vi kinh-tế, và chăng nền tài-chính quốc-gia lúc ấy cũng đồi-dào, vì trước đại-chiến 1914, các quốc-gia ít phải chi-tiêu về chiến-tranh cũng như không thấy có phận-sự trợ-cấp những giai-cấp túng-thiếu. Ngày nay, với những chi-phí khổng-lồ về phương-diện xã-hội, nhất là trong những nước rất tân-tiến, sự thiếu hụt ngân-sách là một tình-trạng trường-cửu, tiêu-chuẩn căn-bản quân-bình ngân-sách cũng phai-mờ ý-nghĩa ngàn xưa. Nhiều nhà kinh-tế đâm ra lo cho vận-mạng thế-giới. Nếu trong mỗi quốc-gia trên thế-giới, năm nào cũng thế, số chi vượt hẳn số thu, sự chênh-lệch vĩnh-viễn giữa chi-thu đưa đến viễn-ảnh một sự lạm-phát thường-xuyên, nhân-loại nghèo dần vì của cải mỗi ngày một hao-mòn. Sự thật, thái-độ trên quả là bi-quan thái-quá. Sự lạm-phát tuy đáng tránh nhưng trong nhiều trường-hợp là một hiện-tượng vô-hại, tùy theo ta đặt vấn-đề trong đoản-kỳ hay trong trường-kỳ, và mỗi khi phải phê-bình ảnh-hưởng của lạm-phát trên nền kinh-tế quốc-gia, sự đo-lường của ta có thể dựa trên ba yếu-tố : trước tiên ta tự hỏi tỷ-lệ của sự lạm-phát song song với Ngân quỹ là bao nhiêu ? Nếu Ngân-quỹ rất dồi-dào thì sự lạm-phát trong một tỷ-số tương-đối nhỏ mọn không đáng bắt ta lo-ngại (3). Sau đấy ta xem-xét hướng đi của sự chuyển-vận lạm-phát. Nếu sau một biến-cố lớn lao như giặc-giã, sự lạm-phát của một quốc-gia bắt đầu rất quan-trọng nhưng rồi được thu hẹp dần dần thì sự lạm-phát cũng không phải là một sự nguy-ngập. Ta cũng phải xét đến bản-chất chi-phí gây nên lạm-phát, và nói cách chung, sự lạm-phát không đáng lo sợ nếu chi-phí liên-đới nhắm vào sự đầu-tư. Trái lại, khi lạm-phát do những mục thu không đồi-dào vì tổ-chức thuế-vụ còn khuyết-điểm thì Chính-phủ phải cấp-tốc tìm biện-pháp đối-phó (4). Những thiếu hụt có tính-cách lâm-thời do thời-cơ cấu-tạo nên (déficit de conjoncture) không đáng lo, nhưng cũng phải tìm cách thâu hẹp dần dần một cách có quy-củ. Sự đầu tư, trên nguyên-tắc bao giờ cũng lành mạnh với điều-kiện tiền đầu-tư không dùng để sản-xuất khí-giới hay để xây cất những dinh-thự lộng-lẫy, những con đường qua sa-mạc...

Chính-phủ cũng tránh trình-bày những dự-án ngân-sách chỉ quân-bình một cách tượng-trưng, phải tôn-trọng sự biệt-sung trong những chi-tiêu ngân-sách, và dùng mọi cách để cải-tổ chế-độ kiểm-soát ngân-sách hiện giờ quá nặng-nề khiến cho sự thanh-toán hóa ra chậm-chạp, mà giá cả cũng vì thế sẽ thay-đổi, — tình-trạng thường xảy ra ở xứ ta, và làm đảo-lộn mọi dự-tính.

✱

Nguyên-tắc quân-bình ngân-sách là một sự tối quan-trọng. Nhưng cũng vì tình-trạng kinh-tế đã thay-đổi nhiều, một lần nữa, các nhà kinh tế đã muốn vượt ra ngoài nguyên tắc nhất-niên để định thế quân-bình. Giáo-sư Pháp Laufenburger và một số nhà kinh-tế-học đề-nghị thành-lập một « Ngân-sách chu-kỷ » (budget cyclique). Sự quân-bình ở đây chỉ được tôn-trọng trên cấp-bậc một chu-kỷ kinh-tế. Ai cũng dư biết trong một chu-kỷ có một giai-đoạn thịnh-vượng và một giai-đoạn đồi-tàn. Vậy, trong giai-đoạn thịnh-vượng, dân-chúng sẽ đóng góp nhiều hơn và Chính-phủ sẽ tàng-trữ số tiền đóng góp trên trong một mục riêng để tiêu dùng trong giai-đoạn đồi tàn. Nói cách khác, ngân-sách nhất-niên trong những năm thịnh-vượng có thể thu nhiều hơn chi, và trái lại những năm đồi-tàn, ngân-sách chi nhiều hơn thu, nhưng thế quân-bình toàn-diện vẫn được tôn-trọng vì ngân-sách được quan-niệm trên phạm-vi chu-kỷ.

Hiện-thời theo Ô. Walline, giáo-sư Đại học Sorbonne, đề-nghị trên chưa thấy thực-hiện hoàn-toàn ở một nước nào. Người ta tự hỏi cuộc cách-mạng ngân-sách do Laufenburger chủ-trương có thể thành-tựu chăng ? Những trở-ngại trên đường ông Laufenburger còn nhiều, cách riêng thiên-hạ tự hỏi làm sao đoán trước thời-hạn thông-thường của một chu-kỷ kinh-tế, làm sao cho dân chúng hiểu và ưng-thuận đóng thuế nhiều, đóng nhiều thứ thuế trong giai-đoạn phồn-thịnh được ? Vì nhà kinh-tế học, cũng như người dân trong giai-đoạn quê-hương hưng-thịnh, đều muốn thở khí biển, ăn gà quay, bớt đóng góp ; hạng anh-hùng đem của để dành cho Chính-phủ cất lại để phòng-hậu tắm-bổ tập-thể chỉ là thiểu-số.

NGUYỄN-QUANG-LỆ

---

(1) Năm 1955 Chính-phủ chi tiêu hết 10 tỷ bạc VN trong số 15 tỷ, 5 dự-định, vì nhiều lý-do nhưng phần lớn chắc là do sự tiên-liệu vượt xa sự thật.

(2) Năm 1955 thuế lương-bổng chi thâu có lối 550.000 đ. VN trong số dự-tính là 15 triệu, 5 ; thuế điền-thổ lối 19 triệu, 5 trong số 180 triệu, 5 dự-tính.

(3) Về đệ-nhứt lục-cá-nguyệt 1956, số tiền thiếu hụt là 2 tỷ, 4 trong số 5 tỷ chi-tiêu, tức là thiếu hụt với tỷ số 50% Ngân-quỹ = tỷ-lệ đáng lo ngại.

(4) Về tổ-chức thuế-vụ còn thô-sơ, các chuyên-viên ngoại-quốc đã lưu-ý Chính-phủ về thí-dụ những môn-bài các tiệm ăn trong nước : có cái phải trả 160đ, có cái 16.000đ. ;

CHẾ-ĐỘ DÂN-CHỦ CỔ-ĐIỂN

HOÀNG-MINH-TUYNH biên-khảo

NGUỒN GỐC LÝ-TƯỞNG DÂN-CHỦ CỔ-ĐIỂN

MUỐN tìm nguồn-gốc lý-tưởng dân-chủ này, có thể trở ngược lại dòng lịch-sử Âu-châu từ thời Phục-hưng lên cho tới thời Thượng-cổ. Tuy-nhiên, cần phải đặt một cái mốc nào gần-gặn hơn và ảnh-hưởng trực-tiếp đến các định-chế pháp-lý cận-đại. Vậy xin đặt cái mốc từ khoảng giữa thế-kỷ thứ XVIII và khởi-điểm từ các tác-phẩm chính của các nhà triết-học thời ấy. Ngày nay, ai cũng công-nhận ba tác-phẩm sau đây là ba tác-phẩm chính của thế-kỷ thứ XVIII :

1) Pháp-lý tinh-hoa (l'Esprit des lois) của Mông-tét-ky-ơ (năm 1748)

2) Bách-khoa toàn-thư (l'Encyclopédie) do Đi-đơ-rô và A-lăm-be điều-khiển (năm 1751)

3) Dân-ước luận (Le contrat social) của Rút-xô (năm 1762).

Để tránh sự rườm-rà khi lược-khảo các tác-phẩm trên, chúng tôi chỉ nói qua về những điều gì có liên-hệ trực-tiếp đến các tư-tưởng về chính-trị và các quan-niệm về hiến-pháp, và cũng chỉ nói qua về các điểm cốt-yếu mà thôi. Tuy nhiên, có ba điều sau đây, xin lưu-ý quí độc-giả trước :

Thứ nhất là : không có cuộc cách-mạng nào coi là tuyệt-đối. Cuộc cách-mạng nào cũng đoạn-tuyệt với truyền-thống cũ, nhưng đồng-thời cũng lợi-dụng truyền-thống cũ. Thí-dụ về quan-niệm chủ-quyền quốc-gia, các nhà triết-học và về sau, các nhà cách-mạng chẳng qua chỉ lợi-dụng một quan-niệm có từ lâu và bắt-nguồn từ cuộc chiến-thắng của chế-độ quân-chủ chống lại chế-độ phong-kiến.

Thứ hai là : trên tuy đã nói, để biên-khảo, chúng tôi đặt mốc từ khoảng giữa thế-kỷ XVIII, nhưng thật ra cũng phải công-nhận một điều là *trước đó*, có những người tiền-phong và các vị này, trong phạm-vi chuyên-môn của họ về triết-học, sử-học... như Spinoza, Bayle, Locke, đã gây ảnh-hưởng không nhỏ trong giới tư-tưởng cách-mạng.

Thứ ba là : thế-kỷ XVIII là một thế-kỷ náo-động và rất phiền-tạp. Trước hết, cần phải nhận-định có nhiều giường-mối liên-quan giữa những ngành học-thuật bề

ngoài coi như biệt-lập hẳn nhau, như tôn-giáo, triết-lý, luân-lý, chính-trị, kinh-tế, và nên coi xem biến-chuyển của mỗi ngành có ảnh-hưởng đến các ngành khác thế nào. Ngoài ra, cũng nên nhớ là « *nền triết-học của thế-kỷ XVIII* » gồm một đại-thể, một toàn-bộ rất phong-phú, có nhiều sắc-thái khác nhau. Cho nên khi nói tới Mông-tét-ky-ơ, hay Đi-đơ-rô không có nghĩa là phủ-nhận ảnh-hưởng của hàng chục người khác cũng đã gây nên những ảnh-hưởng lớn-lao và từng góp sức vào việc đả-phá chế-độ cũ và tư-tưởng cũ. Khi nói tới Mông-tét-ky-ơ, Rút-xô hoặc các tác-giả bộ Bách-khoa toàn-thư là chúng tôi muốn đứng từ trên ba đỉnh núi cao chót-vót, mà nhìn ngắm một cảnh-sắc bát-ngát, mênh-mông, phì nhiêu và biến-hóa vô-cùng.

MÔNG-TÉT-KY-Ơ VỚI BỘ « PHÁP-LÝ TINH-HOA », CHỦ-TRƯƠNG CHÍNH-THỂ DUNG-HÒA.

Bộ « *Pháp-lý tinh-hoa* » của Mông-tét-ky-ơ xuất-bản năm 1748. Đó là kết-quả hàng chục năm cần-cù, quan-sát, thí-nghiệm và du-lịch của nhà luật-học quí-phái Mông-tét-ky-ơ.

Trong tác-phẩm này, Mông-tét-ky-ơ cho rằng chính-thể, nghĩa là thể-thức quản-trị quốc-gia hay nhất là chính-thể trong đó tự-do của người ta được bảo-đảm, nghĩa là một chính-thể dung-hòa.

Tại sao vậy ?

Trong « *Pháp-lý tinh-hoa* », Mông-tét-ky-ơ theo tinh-thần khoa-học, kiểm-điểm và phân-loại các chính-thể. Chính-thể thứ nhất là chính-thể cộng-hòa, trong đó nhân-dân *hợp thành đoàn-thể*, hoặc chỉ *một* phần nhân-dân, nắm chủ quyền quốc-gia. Vậy nên chính-thể cộng-hòa gồm hai loại : loại gọi là dân-chủ khi toàn-dân nắm chủ-quyền quốc-gia ; loại gọi là quí-tộc, khi chủ-quyền quốc-gia ở trong tay một nhóm người. Còn chính-thể quân-chủ là chính-thể trong đó « một nhóm người cai-trị theo pháp-độ có ấn-định và thiết-lập hẳn hoi », nghĩa là không thể dùng vũ-đoán áp-bức được. Trong chính-thể chuyên-chế, trái lại, « chỉ có một người lấy ý riêng bất-thường của mình làm luật-lệ mà cai-trị, bất-chấp luật-lệ nào khác nữa. »

Đó là *bản-chất* của mỗi chính-thể. Mỗi bản-chất đều có nguyên-tắc riêng làm căn-bản mà hoạt-động. Đối với chế độ *dân-chủ*, nguyên-tắc căn-bản là *đạo-đức*, nghĩa là tinh-thần công-dân. Đối với chế-độ quí-tộc, cũng thế, tuy tinh-thần công-dân có ôn-hòa hơn đôi chút. Nguyên-tắc của chế-độ quân-chủ là *danh-dự*, nghĩa là lấy sự tôn-quí, cao-nhã làm gốc. Còn về chế-độ chuyên-chế thì nguyên-tắc là sự kinh-sợ, nhất là sự kinh-sợ trong giới trưởng-thượng.

Nói vậy không phải là bảo rằng : chế-độ dân-chủ nào cũng trọng đạo-đức hay chế-độ quân-chủ nào cũng trọng danh-dự. Song một chính-phủ đứng vững hay không là nhờ ở chỗ có trung - thành hay không với nguyên-tắc của mình. Chế-độ dân-chủ sẽ suy-tàn, nếu người trong nước mất tinh-thần bình-dẳng, hoặc trái lại, lạm-dụng sự bình-dẳng để đến nỗi đưa nhân-dân tới chỗ phủ-nhận uy-quyền của chính-phủ, bỏ mất tinh-thần công-dân và rơi vào tình-trạng hỗn-loạn, vô-chính-phủ. Chế-độ quí-tộc sẽ tan-rã khi mất sự ôn-hòa và chính-quyền trong tay bọn quí-tộc trở thành độc-đoán. Chế-độ quân-chủ sẽ đổ-nát khi nhà vua lấn-quyền của các đoàn-thể và các đô-thị, khi « nhà vua đòi qui-tụ mọi sự vào một mình mình, khi nhà vua thu quốc-gia vào kinh-đô của mình, thu kinh-đô vào

triều đình của mình và thu triều-đình vào chính bản-thân mình.» Sau hết, chế-độ chuyên-chế ở vào tình-trạng bại-hoại thường-trực vì khi lấy sự kinh-sợ làm nguyên-tắc, thực ra chế-độ ấy đã reo mầm tự-diệt ngay trong bản-chất mình. Sự kinh-sợ không phải là nguyên-tắc trường-cửu của bất cứ một chính-thể nào.

Trong mấy loại chính-thể trên, chính-thể nào hay hơn hết ? Theo Mông-tét-ky-ơ thì điều đó tùy theo từng thời-đại và cũng tùy theo từng xứ-sở. Tuy-nhiên, lý-tưởng của chính-thể là phải làm sao bảo-đảm được tự-do cho người công-dân. Nhưng Mông-tét-ky-ơ hiểu tự-do theo một quan-niệm thiết-thực và cụ-thể, khác với quan-niệm trừu-tượng của Rút-xô. Đối với Rút-xô, một dân-tộc được tự-do là khi nào các luật-lệ trong nước biểu-lộ được cái ý-chí chung của toàn-thể. Đối với Mông-tét-ky-ơ thì tự-do ở trong nội-dung luật-lệ hơn là ở trong thể-thức làm ra luật-lệ. « *Quyền-hành của nhân-dân* », không nhất thiết là « *tự-do của nhân-dân* », nói nhân-dân có quyền-hành không phải là nói nhân-dân có tự-do. Vì có thể có chế-độ dân-chủ độc-đoán trong đó nhóm đa-số áp-bức nhóm thiểu-số. Quan-niệm dân-chủ của Mông-tét-ky-ơ thể theo quan-niệm của nước Anh, cho rằng người ta có tự-do, là khi nào người ta có thể nghĩ, nói, viết và sống một cách lương-thiện, tùy theo sở-thích của mình, mà không phải e sợ một quyền-uy hoặc một thế-lực nào : « Ở nước Anh, một người có nhiều kẻ thù như tóc trên đầu mà vẫn không sợ một ai làm hại mình ». Bởi vậy, điều cốt-thiết là phải làm sao quyền-uy của nhà nước có một giới-hạn, làm sao cho quyền-uy ấy ở mức phải chăng, nghĩa là phải được dung-hòa.

Nhưng phải dùng những phương-tiện nào để cho một chính-phủ giữ được mức phải chăng hầu bảo-đảm được tự-do của người công-dân.

Trong chương VI, thiên XI, Bộ « *Pháp-lý tinh hoa* », Mông-tét-ky-ơ có luận về một vấn-đề hết sức quan-trọng. Trong toàn-bộ, có lẽ đoạn này là đoạn đã làm cho tác-giả của nó được nổi danh hơn hết. Đó là đoạn Mông-tét-ky-ơ nói về sự phân-quyền, và lấy sự phân-quyền làm bảo-đảm cho tự-do của người công-dân.

Lý-thuyết phân-quyền của Mông-tét-ky-ơ ra sao ?

Các quyền của quốc-gia dùng để điều-hành công việc quản-trị quốc-gia phân ra làm ba loại chính : *loại thứ nhất là loại lập-pháp*, nghĩa là làm ra luật-lệ hay bãi bỏ luật-lệ, dựng nên cái phép chung cho mọi người ; quốc-gia ấn-định những thể-thức, những qui-điều làm mực-thước cho sự sinh-hoạt của mỗi người công-dân. Sau đó, quốc-gia còn phải chăm-lo đến an-ninh bên trong và bên ngoài, dùng quân-lực để bảo-vệ nền độc-lập chống ngoại-xâm và giữ-gìn trật-tự trong nước, cái thiên-chức ấy là thiên-thức thi-hành luật-pháp theo nghĩa rộng. *Đó là công-pháp*, (bây giờ ta gọi là hành-pháp). Sau hết, quốc-gia còn phải trừng-trị những vụ vi-phạm luật-pháp, xét-xử những vụ tranh-tụng xảy ra giữa người công-dân, khi thi-hành luật-pháp, đó cũng là một thiên-chức thi-hành luật-pháp, nhưng khác với thiên-chức trên. *Đó là tư-pháp*.

Có điều ta nên chú-ý là, đối với Mông-tét-ky-ơ, quyền tư-pháp (tức là quyền thi-hành các điều theo luật dân-sự) cũng có chỗ giống với quyền hành-pháp (tức là quyền thi-hành các điều theo công-pháp) vì đều thi-hành luật-pháp như nhau, nhưng có chỗ khác nhau, vì một đằng thể-

thức thi-hành là thể-thức xử theo pháp-luật và do thẩm-phán xét-xử ; còn một đẳng thể-thức thi-hành là thể-thức mà chúng ta ngày nay gọi là thể-thức hành-chính vậy. Có điều đáng lưu-ý nữa là khi nói quyền hành-pháp, Mông-tét-ky-ơ không có ý nói cái quyền thi-hành luật-pháp một cách máy-móc, mà chính là quyền thi-hành luật-pháp với sự phán-đoán, sự suy-xét, sự co-giãn, sự mềm-dẻo, sao cho thích-hợp với hoàn-cảnh và tâm-lý của người dân.

Điều quan-trọng trong quan-niệm của Mông-tét-ky-ơ là tất cả ba loại quyền trên không phải chỉ cần được phân-biệt rạch-ròi trong lý-trí của người ta, mà còn phải được tách-biệt hẳn ra và giao cho những cơ-quan riêng-biệt phụ-trách, có tính-cách độc-lập với nhau. Có được thế, người công-dân mới có thể có tự-do. Về những lý-do và sự cần-thiết của sự phân-quyền, Mông-tét-ky-ơ thâu tóm trong một đoạn văn dưới đây :

« Quyền lập-pháp và quyền hành-pháp, nếu thu-tóm vào một người hay một tập-đoàn, đều là điều đáng lo ngại, vì có thể e rằng người ấy hay tập-đoàn ấy sẽ làm ra những luật-lệ chuyên-chế để thi-hành một cách chuyên-chế. Cũng không thể có tự-do, nếu quyền tư-pháp không tách-rời khỏi quyền lập-pháp và quyền hành-pháp. Nếu quyền tư-pháp hợp với quyền lập-pháp thì sinh-hoạt và tự-do của người công-dân sẽ bị một uy-quyền chuyên-chế chi-phối, bởi lẽ chính ông thẩm-phán xét-xử lại là người làm ra luật-lệ. Còn nếu quyền tư-pháp hợp vào với quyền hành pháp thì ông thẩm-phán lại có cái uy-lực của một kẻ áp-chế ngay. Nguy hại hơn nữa là nếu tất cả ba loại quyền lập-pháp, hành-pháp và tư-pháp nắm gọn trong tay một người hay một tập-đoàn, nghĩa là vừa có quyền làm ra luật-lệ, vừa có quyền thi-hành các nghị-quyết công-lập, lại vừa có quyền xét-xử các tội-ác hay các tranh-tụng giữa các tư-nhân. »

Xem thế, ta có thể nói chủ-trương của Mông-tét-ky-ơ là cần phải thủ-tiêu cái mà ngày ngày chúng ta gọi là « *độc-tài* » và ông đã nói rõ quan-điểm của ông là, « phàm người nào có quyền cũng đều có khuynh-hướng lạm-dụng quyền đó, lạm-dụng cho tới chỗ nào họ thấy có giới-hạn. Vậy muốn tránh sự lạm-quyền, cần phải xếp đặt công việc thế nào để quyền này có thể chặn đứng quyền kia lại ». Sự phân-quyền bởi đấy là phương-tiện dùng để phân-hoạch công việc quản-trị quốc-gia, khiến cho kẻ thừa-hành phải luôn luôn ở trong phạm-vi của mình và tự ngăn nhau lại để khỏi đi quá trớn.

✱

Tuy-nhiên, không phải chỉ nguyên sự phân-quyền là có thể bảo-đảm được tự-do cho người công-dân. Mông-tét-ky-ơ còn đề-nghị nhiều phương-thế khác nữa và phương-thế nào cũng đều có chủ-đích thành-lập chính-thể dung-hòa, với ý-niệm làm sao tìm được thế quân-bình trong các cơ-quan chính-phủ. Mông-tét-ky-ơ đề-nghị ba phương-thế dưới đây :

Phương-thế thứ nhất làm sao cho mỗi cơ-quan biệt-lập có *quyền tài-định* và quyền *chế-ngự*.

Sự phân-quyền khiến cho mỗi cơ-quan có quyền tài-định về các vấn-đề thuộc phạm-vi của mình : thí-dụ một hội-nghị được quốc-dân trao cho quyền lập-pháp, thì có quyền biểu-quyết các đạo-luật ; ông vua hoặc các ông tổng-trưởng được trao quyền hành-pháp thì có quyền quản-trị quốc-gia và điều-khiển chính-sách đối-ngoại ; các tòa án được trao quyền hành-

pháp thì có quyền xét-xử các việc tranh-tụng. Quyền của mỗi cơ-quan như thế gọi là *quyền tài-định*.

Nhưng để cho *quyền* lại có thể kiềm-chế *quyền* một cách có hiệu-lực, Mông-tét-ky-ơ muốn rằng cơ-quan nọ đối với cơ-quan kia có thể có quyền chế-ngự, nghĩa là có quyền ngăn-cản. Thí-dụ cơ-quan hành-pháp có thể phản-đối các đạo-luật của cơ-quan lập-pháp xét ra có hại. Thẩm-phán có thể phản-đối các quyết-nghị mà cơ-quan hành-pháp xét ra trái-ngược với luật-pháp. Thành thử không phải chỉ là chuyện *phân-quyền* mà còn chuyện *kiểm-soát* lẫn nhau nữa.

Mông-tét-ky-ơ còn đi xa hơn nữa. Luôn luôn theo cái ý-niệm hạn-chế quyền của mỗi cơ-quan, ông muốn rằng mỗi cơ-quan lại có sự phân-công trong nội-bộ nữa, cốt để giữ sự điều-hòa cho chắc-chắn hơn, thí dụ, quyền lập-pháp không trao cho một viện mà trao cho hai viện và chỉ khi nào hai viện ấy đồng-ý thì mới thi-hành được. Mông-tét-ky-ơ cho rằng đó là một phương-thế bổ-sung để bảo-đảm quyền tự-do của người công-dân.

Ngoài cái phương-thế để cho mỗi cơ-quan có quyền tài-định, Mông-tét-ky-ơ còn đề-cập đến *phương-thế thứ hai* là phương-thế thành-lập một chính-thể đại-nghị, nghĩa là chính-thể do nhân-dân chọn người đại-biểu để tham-dự chính-trị. Mông-tét-ky-ơ bao giờ cũng có ý noi theo gương của người Anh, nên ông muốn cho người công-dân được tham-dự công việc quản-trị quốc-gia và vì vậy, ông đề-xướng việc trao quyền lập-pháp cho hai viện, một viện thì lấy người đại-diện trong phái quí-tộc, còn một viện thì do các công-dân bầu lấy và cử lên. như thế tức là, theo ông, người công-dân được tham-dự chính-quyền rồi.

Song với ý-niệm ấy, Mông-tét-ký-ơ còn nói rõ thêm hai khoản này :

1.— Các nghị-viên trong hội-nghị không phải là khí-cụ hay bù-nhìn, của cử-tri đã bầu họ. Cử-tri chỉ có quyền bầu và khi bầu ai xong rồi thì người được bầu có toàn quyền muốn biểu-quyết hay muốn bãi-bỏ đạo-luật vào tùy ý, nội cử-tri, không ai có quyền trách-cứ hay phê-bình gì được. Mông-tét-ky-ơ cho rằng người dân làm ra luật-pháp thì rất dở, nhưng chọn người đại-diện thì rất hay. Chính ông là người thứ nhất đã đặt viên đá đầu-tiên cho chính-thể đại-nghị, nghĩa là chính-thể trong đó người đại - biểu do nhân-dân bầu để diễn-đạt cái ý muốn chung của mọi người, chứ không hề nhận ủy-nhiệm nào của nhân-dân hết (ủy-nhiệm này tiếng chuyên-môn gọi là ủy-nhiệm chỉ-mệnh nghĩa là mệnh-lệnh giao cho, bắt phải thi-hành đúng chỉ-thị).

2.- Mông-tét-ky-ơ cho rằng quyền bầu-cử phải được rộng-rãi, hay nói một cách khác, phải làm sao cho thật nhiều người công-dân có quyền đi bầu. Tuy nhiên, Mông-tét-ky-ơ chỉ chủ trương quyền bầu-cử thật rộng-rãi, chứ ông không hề chủ-trương quyền bầu-cử phổ-biến cả toàn dân tức là phổ-thông đầu phiếu.

Phương thế thứ ba, Mông-tét-ky-ơ chủ-trương dùng để giữ thế quân-bình và điều-hòa trong các cơ-quan chính-quyền, ngoài sự *phân-quyền*, *quyền chế-ngự* và *quyền đại-diện người công-dân*, là việc thành-lập các cơ-quan trung-gian, có những quyền-hạn nhất-định. Theo ông thì đó cũng là những trở-lực chống lại sự áp-bức, dù chỉ là những trở-lực phụ-thuộc mà thôi. Các cơ-quan trung-gian ấy có thể là những

nhóm người quý-tộc tổ-chức tại một trong hai viện lập-pháp ; hoặc là những đô-thị tự quản-trị lấy các công việc của mình với một chế-độ tự-trị rộng-rãi.

Chủ-trương sau này của Mông-tét-ky-ơ chứng-tỏ một lần nữa ông theo chính-sách của người Anh mà ông mến-phục. Ý ông nghĩ đến một chế-độ dung-hòa, một phần căn-cứ vào chế-độ quý-tộc, một phần căn-cứ vào chế-độ tự-trị của người Anh.

*

Chúng tôi vừa phân-tích đại-quan tinh-thần cốt-yếu của bộ « Pháp-lý tinh hoa » và ảnh-hưởng do tác-phẩm ấy gây nên thế nào. Chắc độc-giả đã có thể nhận-xét thấy rằng :

a/ Đối với Mông-tét-ky-ơ, điều cần-thiết phải xét trong việc quản-trị quốc-gia chính là việc coi xem *cách* xử-dụng việc ấy ra sao, chứ không cần xem *ai* xử-dụng nó. Một chính-thể cộng-hòa dân-chủ không có phân-quyền, nguy-hiểm chẳng kém một chính thể độc-tài. Mặc dầu kẻ cai-trị là ai, và cách chỉ-định họ ra cầm quyền thế nào, tự-do chỉ được bảo-đảm, khi nào quyền trao cho họ có một giới-hạn.

b/ Giới hạn ấy không phải chỉ hoạch-định bằng những nguyên-tắc trừu - tượng, mà phải bằng những định-chế cụ-thể. Đó là vấn-đề thể-thức hơn là vấn-đề tư-tưởng ; là vấn-đề quân-bình, điều-hòa giữa các cơ-quan hơn là vấn-đề từ-chương giấy-tờ.

KỲ SAU : Rút-xô với bộ DÂN-ƯỚC-LUẬN.

Danh-ngôn, danh-lý trong số này qui về ý-chính « TỐ ĐIỂM CUỘC ĐỜI ».

LÀM người mà cứ vò-võ một mình, tính nết khe-khắt lạnh-nhạt chẳng thân với ai, thì thật chỉ là một chướng-ngại-vật cho xã-hội. Dù có là người phương-chính và có nết độc-lập chăng nữa, cũng không phải là hạng ứng-dụng với đời, chẳng qua chỉ là người khẳng-khái giỏi được một mặt, một bề mà thôi.

LÃ-KHÔN

CẢ ĐỜI đục cả, một mình ta trong ; mọi người say cả, một mình ta tỉnh.

KHUẤT-NGUYÊN

MỘT trái tim không lý-tưởng là một bầu trời không tinh-tú.

GASTON DUTIL

PHÉP DỊCH THƠ

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

TRONG bài trước, tôi đã xét về phép dịch-văn, lần nầy xin bàn tiếp về phép dịch thơ. Dù dịch văn hay thơ thì quy-tắc cũng như nhau nhưng vì thơ chịu sự bó buộc của âm-vận lại thường tế-nhị, bóng-bẩy cho nên dịch thơ khó hơn dịch văn nhiều, và dịch-giả phải là một thi-sĩ thì mới lột được gần đủ tình-ý trong nguyên-tác.

Nếu gặp được một bài ngắn và dễ thì may ra có thể dịch được gần sát mà hay, như Phan-Khôi dịch bài **Cảm-khái** của Phan-Tây-Hồ khẩu-chiếm khi ở trong khám bước ra để đi Côn-đảo :

Luy-luy thiết tỏa xuất đô môn,
Khảng-khái bi ca thiệt thượng tồn.
Quốc-thổ trầm-luân dân-tộc tụy,
Nam-nhi hà sự phạ Côn-Lôn.

Mang xiềng nhẹ bước khỏi đô môn,
Hăng-hái cười reo lưỡi vẫn còn.
Đất nước hãm chìm, dân-tộc héo,
Làm trai chi sá thứ Côn-Lôn.

Ta nhận thấy thể thơ (thất ngôn tuyệt cú) giữ đúng, vần cũng đúng, và chỉ có ba chỗ dịch-giả đã hơi đổi, tức : thiết tỏa (khóa sắt) mà dịch là nhẹ bước ; khảng-khái bi ca mà dịch là hăng-hái cười reo ; sau cùng chữ thứ (thứ Côn-Lôn) tuy là thêm, song rất hợp với giọng ngang-tàng của nhà cách-mạng. Dịch thơ mà được như vậy thì mười phần đáng gọi là thành-công tới tám, chín. Trường-hợp đó hiếm, còn phần đông là những bài khó dịch, phải dịch thoát, thì có tài như Phan-Bội-Châu, lại dịch một bài chính cụ đã làm, cũng không thể nào theo sát nguyên-văn từ đầu tới cuối được :

Ỷ lâu Nam vọng nhật bồi-hồi,
Tâm tự như vân uất bất khai.
Sơ vụ thâm tiêu nhân ám khốc,
Tà-dương sơ-nguyệt nhạn cô hồi.
Khả vô đại hỏa thiêu sầu khứ,
Thiên hữu trường-phong tống hận lai.
Cố ảnh tự lân hoàn tự tiếu,
Đồng-bào như thử, ngã hà ai ?

Nghĩa :

Tựa lầu, ngóng về phía Nam ngày nào lòng cũng hồi-hồi.
Lòng tựa như mây, uất không mở.
Sương mới, đêm khuya, người khóc thầm,
Trời tà, trăng mới, nhạn lẻ-loi về.
Không có lửa lớn đốt cái sầu đi,
Riêng có gió dài đưa cái hận lại.
Ngó bóng tự thương mình lại tự cười mình,
Đồng-bào như thế, ta buồn làm gì ?

Cụ Phan tự dịch :

Tựa lầu Nam để ngóng phương trời,
Tâm tự tơ vương ruột rối bời.
Lác-đác đêm trường mưa điểm giọt,
Là-đà bóng nhạn tít ra khơi.
Đốt sầu nhưng kiếm không ra lửa,
Rước giận ai xui gió thổi hoài.
Ngó bóng gầm mình cười lẫn khóc,
Đồng-bào như thế, dạ sao nguôi ?

Chỉ có ba câu 5, 6, 7 là dịch sát còn những câu kia đều dịch thoát, tuy thoát nhưng đại-ý và cái giọng vẫn không phản, nên cũng gọi là được.

Tôi xin cử thêm ít thí-dụ nữa, cũng là dịch thoát thơ Hán mà thành-công :

Trong bài **Hoàng-hạc lâu**, Thôi-Hạo hạ hai câu kết :

Nhật mộ hương quan hà xứ thị ?
Yên ba giang thượng sử nhân sầu.

Một nhà nho dịch là :

Trời tối quê nhà đâu đó tá ?
Khói tuôn sóng vỗ mối sầu gây.

Trong nguyên-tác, không có ý *tuôn* và *vỗ* ; dịch-giả lại bỏ ba chữ *giang thượng* và *nhân*. Nhưng có hề gì đâu ? Ý vẫn đủ mà hồn thơ thì nguyên-vẹn, lời linh-động, cảnh rõ-ràng, vậy là hay rồi, không kém hai câu dịch sát của Tản-Đà :

Quê-hương khuất bóng hoàng-hôn.
Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai !

mà theo ý tôi, còn có phần hơn nữa vì giữ đúng được cái thể thất-ngôn trong bản chữ Hán.

Bài dịch dưới đây của Tản-Đà tuy không thật sát mà cũng là khéo :

TUYẾT CÚ

Hai cái oanh vàng kêu liễu biếc,
Một hàng nhạn trắng vút trời xanh.
Nghìn năm tuyết núi song in sắc.
Vạn dặm thuyền Ngô bến rập-rình.

Nguyên-văn :

TUYỆT CÚ

Lưỡng cá hoàng-ly minh thúy liễu,
Nhất hàng bạch lộ thướng thanh-thiên.
Song hàm tây lĩnh thiên-thu tuyết,
Môn bạc Đông-Ngô vạn lý-thuyền.

ĐỖ-PHỦ

Dịch thiếu những chữ **hàm** (là ngậm), **môn** (là cửa), **bạc** (là đậu) và hai chữ **tây, đông** ; mà dư những chữ **in sắc, bến rập-rình** ; bốn câu của Đỗ-Phủ đối nhau từng cặp một và rất chọi như một bộ tứ-bình, còn trong bài của Tản-Đà, **bến rập-rình** đối với **song in sắc** chỉ là gượng. Nhưng ai chẳng nhận rằng hai tiếng **rập-rình** đã khéo lựa và cái đẹp trong thơ đã giữ được gần đủ.

Dịch thơ Anh, Pháp khó gấp bội dịch thơ Hán vì tính-tình, cách phô-diễn của ta gần với Trung-Hoa và khác xa Âu-Mỹ ; cho nên rất ít người thành-công, và giữ đúng được giọng thơ và ý chính trong mỗi câu đã là giỏi rồi. Bài **Sonnet d'Arvers** tương-đối dễ dịch, từ trước đến nay chắc đã có cả chục người dịch, mà bản được lưu-truyền nhất vẫn là bản của Khái-Hưng. Bạn sẽ nhận thấy ông dịch rất thoát :

SONNET D'ARVERS.

Mon âme a son secret, ma vie a son mystère,
Un amour éternel en un moment conçu ;
Le mal est sans espoir, aussi j'ai du le taire,
Et celle qui l'a fait n'en a jamais rien su.

Hélas ! j'aurais passé près d'elle inaperçu,
Toujours à ses côtés et pourtant solitaire,
Et j'aurais jusqu'au bout fait mon chemin sur la terre,
N'osant rien demander et n'ayant rien reçu,

Pour elle, quoique Dieu l'ait faite douce et tendre
Elle ira son chemin, distraite et sans entendre,
Le murmure d'amour élevé sur ses pas.

A l'austère devoir, pieusement fidèle,
Elle dira, lisant ces vers tout remplis d'elle :
« Quelle est donc cette femme ? » et ne comprendra pas.

TÌNH TUYỆT-VỌNG

Lòng ta chôn một khối tình,
Tình trong giây phút mà thành thiên thâu.

Tình tuyệt-vọng, nỗi thảm-sầu,
Mà người gieo thảm như hầu không hay.

Hỡi ơi, người đó ta đây,
Sao ta thui-thủi đêm ngày chiếc thân.
Dẫu ta đi trọn đường trần,
Chuyện riêng dễ dám một lần hé môi.

Người đù ngọc nói hoa cười,
Nhìn ta như thể nhìn người không quen.
Đường đời lặng-lẽ bước tiên,
Ngờ đâu chân đạp lên trên khối tình.

Một niềm tiết-liệt đoan trinh,
Xem thơ nào biết có mình ở trong.
Lạnh-lùng, lòng sẽ hỏi lòng :
« Người đâu tả ở mấy dòng thơ đây ? »

Khái-Hưng đã phải dịch giôi ra hai câu (nguyên văn 14 câu, bản dịch 16 câu), nhưng điều đó không quan-trọng. Lời thơ du-dương và buồn, như vậy là lột được một phần tinh-chất của nguyên-tác. Nhưng câu 1 dịch không đúng, câu 3 dịch thiếu mấy chữ **aussi j'ai dû le taire** (cho nên tôi phải im, không nói ra), câu 8 cũng thiếu những chữ **et n'ayant rien reçu** (và không nhận được gì hết). Câu 9, **douce et tendre** (dịu-dàng và âu-yếm) mà dịch là **ngọc nói hoa cười** thì sai, câu 12 (của Khái-Hưng) dịch thiếu chữ **murmure** (tiếng thì-thầm) trong câu 11 của Arvers ; sau cùng trong ba câu cuối thiếu những ý **tout remplis** (đầy cả) và **et ne comprendra pas** (và sẽ không hiểu gì).

Vậy dịch thơ ra thơ thì khó mà sát được, ta bắt-buộc phải châm-chước ít nhiều. Tuy-nhiên, không phải muốn thêm bớt ra sao cũng được. Có những tiếng quan-trọng không thể bỏ và có những tiếng thêm vô chẳng những vô-ích mà còn có hại. Tôi đồng ý với Vũ-Ngọc-Phan trong **Nhà văn hiện-đại** mà cho rằng những câu dịch sau này của Nguyễn-văn-Vĩnh là kém lắm, mặc dầu ai cũng phục tài dịch thơ ngụ-ngôn của ông :

Miễn là cá sống dưới hồ,
Cỏn-con cũng có ngày to kềch-xù,
Nhưng mà cá đã cắn cu (1)
Thả ra tôi nghĩ còn ngu nào tầy.

Nguyên-văn :

Petit poisson deviendra grand,
Pourvu que Dieu lui prête vie ;
Mais le lâcher en attendant,
Je tiens, pour moi, que c'est folie.
(Le petit poisson et le pêcheur của la Fontaine)

Ngoài những lỗi dịch sai (**folie** là điên, chứ không phải là ngu ; **pourvu que Dieu lui prête vie** là miễn Trời cho sống) ; còn hai lỗi thừa : **dưới hồ** và **nhưng mà cá đã cắn cu**. Thêm hai chữ **dưới hồ** thì được, chứ thêm cả câu thứ ba thì thật vô ích, vụng-về và làm

(1) Tức cắn câu. Vốn là văn *u* và *âu*, theo thi-pháp xưa, có thể thay nhau được, như *thiên-thu* có thể đọc là *thiên-thâu*.

cho độc-giả phì cười vì cái vần kỳ-cục ở cuối câu đó.

Và ngay những câu thơ mà Nguyễn-Giang đưa ra biện-hộ cho lối dịch thoát của ông, cũng không đáng cho ta bắt chước vì ông thêm bớt quá nhiều, cơ-hồ như chỉ lấy trong mỗi câu một hai chữ chính rồi làm thành một bài thơ khác. Muốn cho bạn dễ thấy, tôi xin chép lại cả đoạn trong đó ông trích ra ba câu mà ông đã dẫn ở trên :

Nous étions seuls, pensifs : je regardais
Lucie.
L'écho de sa romance en nous semblait
frémir,
Elle appuya sur moi sa tête appesantie.
Sentais-tu dans ton coeur Desdemone
gémir,
Pauvre enfant ? Tu pleurais ; sur ta
bouche adorée
Tu laissas tristement mes lèvres se poser,
Et ce fut ta douleur qui reçut mon baiser.
Telle je l'embrassai, froide et décolorée,
Telle, deux mois après, tu fus mise au
tombeau,
Telle, ô ma chaste fleur ! tu t'es évanouie.
Et tu fus rapportée à Dieu dans ton
berceau.

Đêm thanh vắng lời ca đã dứt,
Dư-âm còn rạo-rực trong tâm.
Buổng xuân bóng tối âm-thầm,
Nhìn nàng **ta cũng** *trầm-ngâm* **âu-sầu,**
Nàng **bỗng mệt,** *ngả đầu* **nằm nghỉ,**
Bên *mình ta* **rơi lụy chứa-chan.**
Tình riêng *nức-nở* **khôn hàn**
Dường như mang nặng nỗi oan trong lòng.
Nỗi oan-ức có không, em hỡi,
Cớ sao mà *quằn-quại* **không thôi ?**
Phân-ưu anh chẳng biết lời,
Hàng môi **hé mở tạm-thời** *sẽ hôn.*
Hôn em đó mà buồn vô hạn,
Hôn mối sầu của **bạn ngày xanh !**
Thương em liễu yếu một cành,
Sau hai tháng bỗng tan-tành gió mưa.
Mười lăm tuổi *ngây-thơ trong trắng,*
Giấc mộng đời lẳng-lặng nằm yên.
Hỡi ơi ! hương sắc thiên-nhiên,
Cành hoa sớm vội qui-tiên **nhẹ-nhàng.**

Chính nghĩa như vầy :

Chúng tôi chỉ có một mình, nghĩ-ngợi ; tôi nhìn Lucie.
Dư-âm khúc hát huê-tình của nàng hình như run-rẩy trong lòng chúng tôi.
Nàng ngả đầu nặng-nề lên người tôi.
Em có cảm thấy trong lòng em nàng Desdemone (1) rên-rỉ không,
Hỡi em bé tội-nghiệp ? Em khóc ; trên cái miệng yêu qui của em
Em buồn-bã để môi anh đặt lên,
Và chính là nỗi đau-khổ của em nó nhận được chiếc hôn của anh.
(Hôm đó) anh hôn em, em ra sao, lạnh-lẽo và nhợt-nhạt.
Thì hai tháng sau, em bị đưa xuống huyệt cũng như vậy,
Ôi, đóa hoa trong sạch của anh, em đã tàn tịm đi cũng như vậy,
Và em được trả về đức Thượng-Đế trong chiếc nôi của em.

Những chữ in đậm trên bản dịch là những lỗi thừa hoặc dịch sai. Sai nghĩa nhất là chữ **tristement** : em **buồn-bã** để môi anh đặt lên mà Nguyễn-Giang dịch là : **Hôn em đó mà buồn vô hạn.** Bốn câu cuối, mười phần không dịch được ba ; tác-giả đã dụng-tâm lập lại ba lần chữ **telle** (ra sao, như vậy), giọng cực chua-xót mà dịch-giả cơ-hồ như không nhận thấy.

(1) Một nhân-vật trong kịch Othello của Shakespeare, nàng bị chồng giết vì nghi oan nàng có ngoại-tình.

Vì sự bó-buộc của vần, ông phải dịch quá thoát như vậy, nên ta có thể châm-chế cho ông ; đến như Trúc-Khê dịch hai câu sau này của Phúc-Vương (con vua Lê-thánh-Tông) :

Sơn phì thủy tú xuân dung lý,
Ngư dược diên phi thánh hóa trung.

(Bài *Phụng-họa Ngự-chế Thiên-cực giang hiểu phát*)

ra làm :

Nước non rờ-rỡ xuân dung,
Rồng bay cá nhảy trong vòng Trời Nghiêu.

thì tôi không còn hiểu ra sao nữa. Trong nguyên-tác, chữ **diên** (diên-phi) là diều-hâu, tại sao Trúc-Khê lại dịch ra là **rồng** ? Phúc-Vương tả cá nhảy, diều-hâu bay, rất hợp với cảnh thuyền đi trên sông, mà dịch-giả tự tiện đổi chữ **diên** ra chữ **long** là rồng thì thực vô-lý. Ông Trúc-Khê lẽ nào lại không hiểu thơ tới bực đó. Ấn công sắp chữ sai chăng ?

Nếu lại thêm tới cái mức cho một nhân-vật trong tiểu-thuyết Mỹ ngâm Kiều : « Đài gương soi đến dấu bèo cho chăng ? » thì thật là nực cười !

★

Nhiều khi, thêm một vài chữ có thể làm cho bản dịch bóng-bẩy hơn nguyên-tác, nhưng ý và giọng do đó hơi thay đổi, như vậy phải coi là miễn-cưỡng, chứ không đáng khen. Chắc bạn nhớ bài thơ **Tuyệt-mệnh** dưới đây của cụ Phan-Bội-Châu :

Nhất lạc nhân hoàn lục thập-niên,
Hảo tòng kim nhật liễu trần duyên.
Sinh bình kỹ khí quy hà hử ?
Nguyệt tại ba tâm, vân tại thiên.

Bài đó đã được nhiều người dịch, bản dịch khá nhất là bản dưới đây của một nhà cách-mạng vô-danh :

Sáu chục năm nay ở cõi đời,
Trần duyên giờ hẳn rũ xong rồi.
Bình-sinh chí lớn về đâu đó ?
Trăng giọi lòng sông, mây ngất trời.

Năm đó (1925), cụ Phan-bội-Châu bị Pháp bắt ở Trung-Quốc, tưởng mình sẽ chết, làm bài ấy để từ-giã đời, giọng vô cùng thê-lương. Người dịch thêm chữ **giọi** và **ngất** ở câu cuối (chính nghĩa là : trăng ở lòng sông, mây ở trời), tuy lời có đẹp hơn, hùng hơn, nhưng tôi e là không hợp với tình-ý tác-giả, tình-ý tịch-mịch của một người sắp trở về với hư-vô.

Dịch nghĩa thường thì dễ, diễn cái hồn trong thơ mới khó, vì cái hồn không phải chỉ ở trong các chữ, mà còn ở cách sắp đặt bài thơ, ở cách các ý-tứ ràng-buộc với nhau, mà Nguyễn-Giang gọi là cái giọng điệu, sau cùng ở trong cái thể thơ nữa.

Cùng một đầu đề đó, cùng những ý-tưởng đó mà diễn bằng thơ cổ-phong, thơ luật hoặc thơ lục bát... thì cảm-tưởng trong tâm-hồn người đọc cũng hơi khác. Tôi thấy thơ cổ-phong chất-phác mà nghiêm-kính ; thơ luật diêm-dúa mà vẫn trang-nhã ; thơ lục bát thì có giọng bình-dân ; thể song thất lục bát hợp với những khúc ngâm ; và thể hát nói thì có vẻ dài-các, ung-dung, nhàn-nhã... Đó là tôi nói về thể, chưa xét đến ý. Cho nên thể thơ nào cũng nên dùng, mà một thi-nhân có tài tất biết lựa thể thơ cho hợp với tình-cảm cùng ý-tưởng của mình ; và khi dịch, ta phải chú-ý đến sự dụng-tâm của tác-giả mà giữ đúng thể trong nguyên-tác.

Ai không nhận bản dịch bài Hoàng-Hạc-Lâu của Tản-Đà là rất khéo :

GÁC HOÀNG-HẠC

Hạc vàng ai cưỡi đi đâu ?
Mà đây Hoàng-Hạc riêng lầu còn trơ !

Hạc vàng đi mất từ xưa,
Nghìn năm mây trắng bây giờ còn bay.
Hán-Dương sông tạnh cây bày,
Bãi xa Anh-Vũ xanh đầy cỏ non.
Quê hương khuất bóng hoàng-hôn,
Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai!

Nguyên-văn :

HOÀNG-HẠC LÂU :

Tích nhân dĩ-thừa hoàng-hạc khứ,
Thử địa không dư Hoàng-Hạc lâu.
Hoàng-Hạc nhất khứ bất phục-phản,
Bạch vân thiên tải không du-du.
Tình xuyên lịch-lịch Hán-Dương thụ,
Phương thảo thê-thê Anh-Vũ châu.
Nhật mộ hương quan hà xứ thị ?
Yên ba giang thượng sử nhân sầu.

(THÔI-HẠO)

Tản-Đà dịch rất sát, diễn được hết tình hoài-cổ trong nguyên-tác, chỉ tiếc ông dùng thể lục bát, làm mất tính-cách đối-ngẫu, vừa thanh-nhã, vừa nghiêm-trang trong hai cặp thực và luận. Vì lẽ đó, tôi thích bản dịch sau này hơn :

LẦU HOÀNG-HẠC

Người xưa cưỡi hạc vàng đi mất,
Lầu Hạc vàng trơ đứng chỗ nầy.
Hạc vàng một đi chẳng trở lại,
Mây trắng ngàn năm vơ-vẩn bay.
San-sát bóng sông cây Hán đó,
Dầu-dầu ngọn cỏ bãi Anh đây.
Quê nhà, trời tối, nào đâu nhỉ ?
Sóng gió tuôn sầu, nhớ chẳng khuây.

(VÔ DANH dịch)

mặc dầu ba chữ **nhớ chẳng khuây** trong câu cuối hơi non làm cho câu ấy kém hẳn câu cuối bản dịch của Ngô-Tất-Tố :

Đầy sông khói sóng gợi niềm tây.

Bài **Hoàng-Hạc lâu** dịch ra thể lục bát còn được, đến bài **Kinh Hạ Bì Dĩ Kiều hoài Trương-Tử-Phòng** của Lý Bạch, thể ngũ-ngôn cổ-phong, mạnh-mẽ, hùng-hồn mà cũng dùng thể lục-bát để dịch, thì Tản-Đà đã mang lỗi cẩu-thả đáng trách.

Nguyên văn :

Tử-Phòng vị hồ khiếu,
Phá sản bất vị gia.
Thương Hải đắc tráng-sĩ,
Chùy Tần Bác Lãng-sa.
Báo Hán tuy bất thành,
Thiên địa giai chấn-động.
Tiềm nặc du Hạ Bì,
Khởi viết phi trí dũng ?
Ngã lai Dĩ kiều thượng,
Hoài cổ khâm anh phong,
Duy kiến bích lưu thủy,
Tăng vô Hoàng-Thạch công.
Thán tức thử nhân khứ,
Tiêu điều, Tử-Tứ không.

Tản-Đà dịch :

QUA CẦU DĨ ĐẤT HẠ-BÌ NHỚ TRƯƠNG-TỬ-PHÒNG

Thầy Lương hồ chửa ra oai,
Phá tan của cải, gia tài sạch không.
Biển xanh được kẻ anh-hùng,
Vua Tần đánh một dùi đồng thử coi.
Cánh đồng Bác-Lãng công toi,
Thù Hàn chưa trả, đất trời cũng kinh.
Hạ-Bì trốn lánh nương mình,
Khôn ngoan mạnh-bạo tài-tình lắm thay!
Ta nay cầu Dĩ chơi đây,
Nhớ ai thiên-cổ tình đầy nhớ yêu.
Trong veo nước biếc xuôi chiều,
Mà Ông Hoàng-Thạch đâu nào có đâu ?
Than rằng ai đó đi đâu,
Vắng tanh Tử-Tứ đề sầu nước-non.

Bản dịch đó kém xa bản sau này vừa gọn vừa mạnh :

Cọp Lương chưa thét gió,
Phá sản tiếc gì nhà ?

Thương-Hải được tráng-sĩ.
Đánh Tần Bác-Lãng sa.
Báo Hán tuy chẳng thành,
Thiên địa đều chấn động
Trốn lánh nơi Hạ-Bì,
Há phải không trí dũng ?
Ta lên chơi cầu Dĩ,
Hoài cổ, phục anh-hùng,
Chỉ thấy giòng nước biếc,
Nào đâu Hoàng-Thạch-Công ?
Than-thở người ấy khuất,
Tứ, Tứ có như không.
(VÔ-DANH dịch)

✶

Dưới đây tôi xin dẫn một đoạn nguyên-văn trong **Chinh-phụ ngâm** của Đặng-Trần-Côn với ba bản dịch của các danh-sĩ nước nhà để bạn so-sánh mà thâu-thái ít kinh-nghiệm của cổ-nhân về nghệ-thuật dịch. Hết thảy những bản đó đều trích trong cuốn **Chinh-phụ ngâm bị khảo** của Hoàng-xuân-Hãn (Minh-Tân — Paris — 1953).

Nguyên-văn chữ Hán :

TƯƠNG CỐ

Lang khứ trình hề ! mông Vũ ngoại ;
Thiếp quy xứ hề ! tạc dạ phòng.
Qui khứ lưỡng hồi cố :
Vân thanh hề ! sơn thương.
Lang cố thiếp hề ! Hàn-Dương,
Thiếp cố lang hề ! Tiêu-Tương.
Tiêu-Tương yên trở Hàm-Dương thụ,
Hàm-Dương thụ cách Tiêu-Tương giang.
Tương cố bất tương kiến,
Thanh thanh mạch thượng tang.
Mạch thương tang ! Mạch thượng tang !
Thiếp ý, quân tâm, thùy đoán trường ?

Dịch nghĩa :

CÙNG NGÓNG NHAU

Đường chàng đi ra chốn mưa phùn,
Chốn thiếp về là phòng đêm qua.
Kẻ về, người đi cùng ngảnh lại :
Chỉ thấy mây biếc cùng núi xanh.
Chàng ngóng lại thiếp ở Hàm-Dương,
Thiếp ngóng sang chàng ở Tiêu-Tương.
Khói Tiêu - Tương cách cây Hàm-Dương.
Cây Hàm-Dương cách sông Tiêu-Tương.
Cùng ngóng nhau mà không thấy nhau,
Chỉ thấy đám dâu xanh trên đường.
Những dâu trên đường ! Những dâu trên đường !
Ý thiếp lòng chàng bên nào nhiều ít ?
(HOÀNG-XUÂN-HÃN dịch)

Bản dịch của Đoàn-thị-Điểm :

Chàng đi ngoài cõi mịt-mùng,
Thiếp về chốn cũ loan phòng ủ-ê.
Nẻo ở, đi, mặt cùng trông đoái,
Đóa mây xanh cùng trái non thương
Chàng thì đoái thiếp Hàm-Dương
Thiếp thì đôi đối Tiêu-Tương đoái chàng.
Bến Tiêu-Tương mấy làn khói tỏa ;
Cây Hàm-Dương bóng lá ngất đầu.
Trông nhau mà chẳng thấy nhau.
Xanh-xanh những thấy bóng dâu trên đường.
Dâu mấy hàng có hay chăng nhé,
Lòng đấy đây ai kẻ vắn dài ?

Bản dịch mà Hoàng-quân đoán là của Nguyễn-Khản :

Chàng lận-đận dầu sương dãi gió,
Thiếp trở về vò-võ đêm đông.
Kẻ đi người lại đều trông,
Non pha thức biếc, cây lồng màu xanh.
Chốn Hàm-Dương bằng-hình trông thiếp.
Vội Tiêu-Tương chầy kịp trông chàng.
Khói Tiêu-Tương ngất bóng Hàm-Dương,

Cây Hàm-Dương cách sông Tương
mấy trùng.
Cùng trông mà vân-mòng nào thấy,
Kìa xanh-xanh những mấy ngàn dâu,
Ngàn dâu thôi lại ngàn dâu,
Tình chàng, lòng thiếp, so nhau vắn
dài?

Bản dịch của Phan-Huy-Ích :

Chàng thì đi cõi xa mưa gió,
Thiếp lại về buồng cũ chiếu-chăn.
Đoái trông nhau đã cách ngăn,
Tuôn màu mây biếc, phơi hằn núi
xanh.

Chốn Hàm-Dương chàng còn ngảnh lại,
Ngác Tiêu-Tương thiếp hãy trông sang.
Khói Tiêu-Tương cách Hàm-Dương,
Cây Hàm-Dương cách Tiêu-Tương mấy
trùng.

Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy,
Thấy xanh-xanh những mấy ngàn dâu,
Ngàn dâu xanh ngắt một màu,
Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?

Nguyên-văn thuộc thể từ khúc, dài 12 câu. Ba bản dịch đều dùng thể song thất lục bát — một thể rất hợp với những khúc ngâm như tôi đã nói — đều dài 12 câu và đều giữ thứ-tự các ý của tác-giả, không đảo lên đảo xuống.

Hai câu đầu, ba bản đều dịch thoát ; bản của Đoàn thêm những chữ **mịt-mòng, ủ-ê**, bản của Nguyễn thêm : **dầu sương dãi gió, vò-võ đêm đông**, bản của Phan thêm **xa, gió, chiếu-chăn**.

Câu 4 của Đoàn dở vì **non thương** (tức non xanh) rất gượng, độc-giả thấy ngay là nữ-sĩ bị bí về vần. Câu 4 của Nguyễn đẹp mà không đúng nghĩa, dịch thiếu chữ **vân thanh** (mây biếc). Câu của Phan vừa đẹp vừa sát.

Hai câu 5, 6 của Nguyễn kém, của Phan dịch sát cũng như của Đoàn, chỉ tiếc chữ **hãy** hơi ép.

Sáu câu sau của Phan dịch rất đúng và rất hay, hơn cả hai bản kia : bốn chữ **có hay chăng nhé** của Đoàn là dư ; câu 9 và 10 của Nguyễn tầm-thường.

Nhưng phân-tích tỉ-mỉ như vậy không cho ta thấy rõ chỗ hơn kém. Phải ngâm lên, ta mới cảm được cái du-dương, cái ý triền-miên quyến-luyến nó hiện lên ở nhạc-điệu trong bản của Phan, nhờ nghệ-thuật tuyệt-diệu của dịch-giả về phép điệp-tự.

Dịch được như vậy phải có thiên-tài và quần-chúng đã không lầm trong sự lựa chọn, nên trong ba bản dịch đó, chỉ có bản của Phan là được lưu-truyền. Nhưng theo sự nhận xét của Hoàng-quân, bản của Phan xuất-hiện sau hai bản kia ; vậy chắc Phan đã rút ít nhiều kinh-nghiệm của Đoàn và Nguyễn, và cái công để lại cho hậu-thế một tác-phẩm bất-hủ không phải là của riêng Phan mà là của chung cả ba họ.

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

TƯ-TƯỞNG không có thi-vị và cuộc đời không có lý-tưởng khác nào phong-cảnh không có khí trời khiến người ta phải ngạt thở.

AMIEL

GÓP Ý-KIẾN VỀ VIỆC GIÁO-DỤC TRẺ EM Ở CẤP TIỂU-HỌC

PHẠM-TƯỜNG-TRINH

SỰ QUAN-TRỌNG CỦA NHÀ TRƯỜNG

VẤN-ĐỀ xây-dựng một thế-hệ thanh-niên hùng-mạnh là một nhiệm-vụ rất quan-trọng trong công-cuộc kiến-quốc hiện nay.

Nhiệm-vụ ấy làm được là do toàn-bộ các tổ-chức kinh-tế, chánh-trị, xã-hội trong nước, nhưng quan-trọng nhứt là trong nhà trường.

Tại sao ?

1) Trước hết, nhà trường là nơi tụ-tập những em trẻ, đầu óc mới-mẻ như tờ giấy trắng, dễ thu-thập những ấn-tượng, suy-đoán, cảm-xúc đầu-tiên. Đó là cái tuổi dễ uốn-nắn, trí-não còn sáng-sủa và dồi-dào.

2) Các em học-sinh phải qua một thời-gian tương-đối dài ở ghế nhà trường. Nếu chỉ tính cấp Tiểu-học cũng đã 5 năm ròng-rã. Thời-gian càng dài thì tất-nhiên ảnh-hưởng càng sâu.

3) Việc tổ-chức nhà trường lại theo một kỷ-cương hẳn-hoi. Học cùng với một tập-đoàn, theo một chương-trình chung, dưới sự điều-khiển trực-tiếp của một ông thầy. Tổ-chức ấy ảnh-hưởng sâu-sắc đến học-sinh.

Đó là những lý-do cho ta thấy rõ sự quan-trọng của nhà trường.

Nhà trường có tiến-bộ, có tận-tâm thì sẽ đào-tạo được nhiều nhân-tài giúp ích cho xứ-sở. Nhà trường bê-bết thì chẳng những làm cho bao nhiêu tuổi xanh thiệt-thòi mà còn làm chậm-trễ bước tiến của xã-hội.

Mặt khác, trong tình-trạng nước ta hiện nay, tuy đã thoát khỏi ách thực-dân và phong-kiến, nhưng ảnh-hưởng của thực-dân và phong-kiến còn rất nặng-nề trong dân-chúng và thiếu-niên của ta. Từ cách ăn nói cho đến cách suy-nghĩ, cách đối-xử, cách làm việc, đều còn dẫy-đầy tàn-tích phong-kiến thực-dân.

Tàn-tích ấy tất nhiên không phải một ngày một bữa mà tẩy rửa ngay được, vì phải do cả một chế-độ kinh-tế, xã-hội... góp sức lại. Nhưng dù muốn dù không, tình-hình ấy cũng đặt thêm cho nhà giáo chúng ta một trách-nhiệm nặng-nề. Nhà giáo-dục tiến-bộ phải thấy băn-khoăn và thấy rõ tầm quan-trọng của việc giáo-dục các con em ngày nay.

Trách-nhiệm nhà giáo thật vô cùng quan-trọng.

Chúng tôi cố-gắng lựa-lọc một ít kinh-nghiệm của nhiều anh em đồng-nghiệp

nêu lại vắn tắt sau đây gọi là giúp ích cho các bạn một phần mọn nào về phương-pháp, trong khi thi-hành nhiệm-vụ thiêng-liêng của mình.

Dù sao, đây cũng chỉ là những cố-gắng của một nhóm người, dĩ-nhiên còn nhiều nhận-xét thiếu-sót. Mong quí bạn đồng-nghiệp vui lòng chỉ-giáo cho. Chúng tôi vô cùng cảm-tạ.

NĂM ĐIỂM TÂM-LÝ CỦA HỌC-SINH

1) Trẻ em hiểu biết bằng cảm-giác trước :

Trí óc của trẻ em (và ngay người lớn chúng ta cũng thế) thâu-thập sự-vật bên ngoài bằng ngũ giác-quan như tai, mắt, miệng, mũi v.v... Sau đó, người ta mới nhờ sự suy-nghĩ của trí-não mà biến những cảm-giác ấy thành những nhận-thức của lý-trí.

Ví dụ : Ta nói trái đất tròn. Học-sinh khó quan-niệm được nó tròn như thế nào. Nếu có một trái banh hay một viên đạn ta đem so-sánh thì các em mới nhận-thức được mau lẹ.

Khi ta bảo học-sinh phải thành-thực, không gì hay hơn là ta nêu ra trước mắt các em một người bạn tốt trong lớp đã làm việc gì thành-thực rõ-ràng. Và được nhiều hình-ảnh rõ-ràng như vậy, cảm-giác sẽ mạnh và ý-thức về tính thành-thực của học-sinh sẽ rõ-rệt hơn.

Một ví-dụ khác, ta muốn làm cho học-sinh nhận rằng trường-học là một tổ-ấm, một gia-đình thứ hai của mình. Học-sinh đã phải có nhiều hình-ảnh về đời sống trong nhà trường. Khi thì hình-ảnh của thầy đang tận-tụy giảng bài. Khi thì hình-ảnh của một người bạn tốt giúp-đỡ một người bạ nnghèo. Khi thì hình-ảnh của toàn lớp đang cùng nhau vui đùa nhảy múa... Bấy nhiêu hình-ảnh mặn-nồng ấy sẽ đúc lại trong trí-não học-sinh một kết-luận đẹp-đẽ và chắc-chắn rằng : nhà trường là một tổ-ấm.

Vì nhận-thức của trẻ em phải bắt đầu từ những cảm-giác cụ-thể, cho nên trong việc giáo-dục, ta phải xử-dụng triệt-để những dụng-cụ, đồ-biểu, tranh-ảnh, hình vẽ, hoặc kết-hợp những cuộc đi chơi, đi thực-nghiệm, để giúp cho học-sinh trong khi tiếp-xúc với sự-vật bên ngoài sẽ hiểu sâu hơn.

2) Trẻ em không thụ-động, trái lại có tính tự-giác rất mạnh-mẽ.

Học-sinh đến trường là để thâu-nhận lời dạy của thầy. Việc thâu-nhận ấy kết-quả nhiều hay ít, một phần là do cách giảng-dạy của thầy, một phần là do cách học-tập của học-sinh. Giữa hai cách ấy, ta phải thấy cách học-tập của học-sinh là phần chánh, là phần quyết-định. Học-sinh không hăng-hái, không chăm-chú nghe, thì dù bài có hay đến mấy, học-sinh nhứt định không thâu-nhận gì được.

Tỷ như, ta trồng cây gieo giống đồng một chỗ đất, vun-bón như nhau, mà lại có cây tốt cây xấu khác nhau. Cái đó là do đâu ? Là do sức phát-triển riêng của mỗi hạt giống.

Chúng ta không phủ-nhận tác-dụng của ông thầy : nhưng nguyên-nhân chủ-yếu là ở học-sinh. Cho nên vì sao cây bỏ phân vào thì nó lớn mà hòn đá bỏ phân vào thì nó không lớn.

Có thấy rõ điểm này, nhà giáo chúng ta mới hết sức tìm cách khêu-gợi, kích-thích tinh-thần học-tập của học-sinh, như thưởng-phạt, thi-đua, hay giải-thích cho học-sinh hiểu rõ tầm quan-trọng của môn học. Được như vậy, các em, đối với mỗi bài, mỗi vấn-đề đều hăm-hở muốn học-tập,

tìm tòi nhiều sáng-kiến ghi nhớ chu-đáo bài vở của thầy.

Nếu chúng ta chỉ coi học-sinh như khúc gỗ, đẩy đến đâu đi đến đó, thì là một cái sai lầm lớn và hạn-chế rất nhiều kết-quả học-tập của học-sinh.

3) Trẻ em thích tập-đoàn, hay bắt chước.

Đây là điểm căn-bản nhứt trong tâm-lý các em nhỏ. Nhà văn-hào cách-mạng Pháp J. J. Rousseau, cũng đã nói : con người sanh ra vốn thích sống chung nhau trong xã-hội (L'homme est naturellement sociable). Các em trẻ luôn luôn thích sống tập-đoàn trong lúc chơi cũng như trong lúc học. Và sống tập-đoàn thì lại bắt chước nhau, những cái hay cũng như những cái dở.

Ta thử xem một ví-dụ thông-thường là trong một lớp học, tất cả đang ngồi, bỗng có một số học-sinh đứng dậy, kết-quả là tất cả lớp đều đứng dậy như cái máy, có khi không hiểu tại làm sao.

Điểm này giúp cho các nhà giáo chúng ta luôn luôn chú-ý rằng một anh học-trò tốt trong lớp, nếu khéo-léo hướng-dẫn có thể làm cho cả lớp tốt theo. Ngược lại, một anh học-trò xấu ở trong lớp, nếu ta không khéo-léo ngừa đón, có thể làm cả lớp xấu theo.

Mặt khác, cũng do đặc-tính này mà những nhà giáo-dục khéo-léo dùng tập-thể để xây-dựng trở lại những cá-nhân kém tiến-bộ.

Tập-thể có tác-dụng mạnh như vậy cho nên vai-trò của nhà giáo trong việc hướng-dẫn tập-thể cho đúng đường lối là việc rất cần-thiết vậy.

4) Học-sinh có một năng-lực riêng, tùy tuổi-tác và trình-độ :

Các em học-sinh có một năng-lực tiếp-thu nhứt-định, tùy theo trình-độ và sinh-lý, tuổi-tác của mình. Cái thực-tế đó, tự nó phát-triển ngoài ý muốn của thầy giáo.

Nhà giáo-dục phải tránh cái chủ-quan cho rằng đầu óc học-trò là cái thùng đựng nước vô-tận, cứ đổ vào đầy bao nhiêu cũng được, và hoàn-toàn tùy nơi mình muốn nhét vào cái gì thì nhét.

Đã nhận rằng đầu óc của học-sinh phát-triển ngoài ý muốn của thầy giáo, thì thầy giáo phải căn-cứ vào tuổi-tác, vào trình-độ hiểu biết sẵn có của học-sinh, mà soạn nội-dung bài giảng của mình và chuẩn-bị phương-pháp giảng dạy thế nào cho thích-ứng với các em thì các em, mới thu-thập được. Nếu không hợp với sức-lực của học-sinh, đưa ra những bài vở quá cao hoặc quá thấp thì nhứt-định sẽ không hiệu-quả. Học-sinh học không hiểu, không thâu-thập được thì thế là hoàn-toàn do cái khuyết-điểm chủ-quan của thầy dạy mà thôi.

Điểm nầy rất quan-trọng, nó đánh đổ cái bịnh chủ-quan của nhà giáo và đòi hỏi nhà giáo phải điều-tra kỹ trình-độ, tâm-tánh học-sinh, trước khi dạy và tự soạn bài vở, ấn-định thời-gian mỗi bài cho vừa với sức khoẻ, tâm-lý của học-sinh.

5) Các em học lâu thường dễ quên : bài vở cần có hệ-thống và củng-cố luôn.

Có nhiều người ví đầu óc học-sinh như cái máy chụp hình, ghi đầy-đủ mọi hình-ảnh bên ngoài. Điều đó đúng, những hình-ảnh bên ngoài ít nhiều đều có để lại một ấn-tượng trong trí-não trong-trẻo của học-sinh. Nhưng có điều là những ấn-tượng ấy lâu ngày cũng phai lợt đi, không phải ghi nhớ mãi mãi được.

Học-sinh học nhiều và lâu thì dễ quên. Vì vậy trong việc giảng dạy, giáo-viên không những phải làm cho học-sinh hiểu thật đầy-

đủ về bài học mới, mà hơn nữa, phải tìm cách củng-cố những điều hiểu biết đó luôn luôn cho các em nhớ được lâu dài.

Mặt khác, muốn cho việc thu-thập của học-sinh được dễ-dàng và nhớ lâu, chúng ta cần chú-ý điểm nầy :

Trong sự vật, không có cái gì đứng riêng rẽ một mình cả. Cái gì cũng liên-hệ chặt-chẽ với cái kia, bài nầy có liên-hệ với bài khác, cái gì cũng có trước, có sau. Ngạn-ngữ ta có câu : « Bứt mây động rừng », cũng là nêu ý-nghĩa tương-quan của sự vật trong vũ-trụ.

Ví-dụ : Giảng một bài vệ-sinh về bộ tiêu-hóa, phải làm cho học-sinh thấy bộ tiêu-hóa quan-trọng đối với toàn-bộ cơ-thể thế nào, và các thức ăn uống ảnh-hưởng đến bộ tiêu-hóa và cơ-thể, trí-não ra làm sao.

Học một bài sử về Lê-Lợi, phải so-sánh xã-hội Việt-Nam ta thời ấy với bây giờ thế nào, nhứt là so-sánh lực-lượng của Việt-Nam ta với lực-lượng của Trung-Hoa thời ấy thì học-sinh mới dễ quan-niệm được giá-trị của cuộc kháng-chiến thời Lê.

Tóm lại nhà giáo phải biết căn-cứ vào sự liên-quan giữa các sự vật mà làm cho bài vở của mình mạch-lạc, dễ hiểu, dễ nhớ. Trí não con người là một bộ máy tinh-vi có ngăn-nắp, trật-tự, chớ không phải hỗn-độn như một tiệm lạc son.

✱

Đây là năm điểm căn-bản trong tâm-lý học-sinh. Chúng ta cần nắm vững để dựa vào đó mà sắp-xếp thời-gian, tìm phương-pháp giảng-dạy và tìm cách trau-giồi đức-tánh của học-sinh cho kết-quả.

Không căn-cứ vào 5 điểm tâm-lý này thì phương-pháp của ta dễ rơi vào chủ-quan, không hiệu-quả nhiều mà còn phương-hại cho trẻ em nữa.

PHƯƠNG-PHÁP GIẢNG BÀI

Nếu nói về phương-pháp giảng-bài một cách đầy-đủ thì rất rộng-rãi. Nó gồm nhiều vấn-đề như cách phân-bổ thời-giờ, cách soạn bài, cách đặt câu hỏi, cách chép toát-yếu v.v... và còn đi sâu vào phương-pháp áp-dụng cho từng môn như Sử, Địa. Toán v.v...

Đó là công việc của một trường Sư-phạm.

Ở đây, chúng tôi muốn tóm lại một vài điểm quan-trọng và thiết-thực giúp các bạn đồng-nghiệp nắm một vài nguyên-tắc chung trước khi đi sâu vào từng môn dạy hay từng lớp học.

Dựa vào 5 điểm tâm-lý học-sinh nói trên, chúng tôi thấy phương-pháp giảng-dạy tiến-bộ gồm 4 nguyên-tắc sau đây :

1) *Lớp học phải hoạt-động. Chống lối học đọc kinh.*

Dùng mọi đồ dùng như cây thước, cái lít, hình vẽ, lá cây v.v.. hay những cuộc thực-nghiệm, những cuộc đi chơi để giúp vào việc giảng-dạy. Bài giảng phải cụ-thể, linh-động, làm thế nào đi từ những cái hữu-hình rồi mới đến những cái vô-hình để học-trò có một ấn-tượng sâu-sắc.

Ta hãy cố-gắng bỏ lối học « đọc kinh » ngày xưa. Một lớp học mới phải là *một lớp học hoạt-động*, trong đó thầy phải gợi thế nào để cho học trò xử-dụng được ngũ giác-quan của mình và có ý-kiến, có nhận-xét, có suy-nghĩ cho nhiều, chớ không phải chỉ khoanh tay nghe một cách thụ-động.

Theo điểm nầy, những trí-thức dạy cho học-sinh phải phong-phú ; bài dạy hay câu hỏi phải đi từ dễ đến khó, từ gần đến xa,

từ cụ-thể đến trừu-tượng thì mới thích-hợp với sự thu-thập của học-sinh.

Và cách dạy phải có hệ-thống, mạch-lạc, giảng *thật đúng và đơn-giản* để học-sinh dễ hiểu.

2) *Củng-cố bài học luôn luôn* :

Củng-cố bài dạy là điều hết sức quan-trọng trong phương-pháp giảng-dạy. Các em trẻ phần nhiều ngồi tại lớp thì nhớ, tan học thì quên. Để ngăn ngừa cái tệ quên sót nầy, phải luôn luôn cho học-sinh ôn-tập. Ta ôn-tập bài cũ trước khi cho bài mới. Ta ôn-tập bài cũ ngay trong khi giảng bài mới. Và sau khi giảng bài mới xong, ta phải củng-cố những điều mới học nữa.

Ôn-tập có thể dùng câu hỏi, hoặc dùng bài viết. Lúc kiểm-tra, nhớ chú-ý các em kém. Ở các nước văn-minh, người ta bảo « ôn-tập là mẹ của học-tập ». Có người tưởng đến lớp học chỉ lo giảng bài cho xong là rồi việc. Như vậy hoàn-toàn không đúng.

3) *Chuẩn-bị bài dạy chu-đáo.*

Chuẩn-bị bài dạy chu-đáo là thế nào ? Là tìm sách-vở nghiên-cứu nội-dung của bài dạy cho chín-chắn, phải hiểu thật nhiều để *giảng ít* và *giảng đúng*. Soạn cho đúng với năng-lực của học-sinh, đặt rõ và nắm vững mục-đích của bài dạy. Chuẩn-bị trước những câu hỏi, bài toát-yếu, bài kiểm-tra, và phân-bổ thời-gian. Ngoài ra, tìm dụng-cụ cho đầy-đủ để bài dạy được linh-động và kết-quả.

Ở những nước văn-minh tiến-bộ, các giáo-viên có lệ cứ dạy một giờ thì phải chuẩn-bị ba giờ. Dầu mình là một nhà giáo lành nghề hay có bản-lĩnh đến đâu đi nữa, thì cũng vẫn phải chuẩn-bị cho kỹ trước khi đến lớp.

Càng chuẩn-bị kỹ thì bài mình càng kết-quả.

4) *Năm bước giảng bài* :

Nhà giáo phải có kế-hoạch suốt năm, phân-bổ chương-trình ngay đầu khoá học, thấy rõ chỗ nào là trọng-tâm của chương-trình và chuẩn-bị ngay tài-liệu và dụng-cụ.

Riêng về một bài cũng phải nắm vững thời-gian. Đại-khái thì một bài học có 5 bước sau đây :

a) *Chuẩn-bị lớp* : Ngay khi mới vào, giáo-viên đề ra năm ba phút điểm-danh, kiểm-soát tình-hình, thu-xếp trật-tự khiến học-sinh đều tập-trung tinh-thần sẵn-sàng học-tập.

b) *Ôn lại bài cũ* : độ 1/3 thời-giờ. Nêu câu hỏi để trả lời miệng hoặc trả lời viết làm cho các em thêm nhớ bài cũ hoặc nếu có điểm nào chưa hiểu thì dạy thêm cho học-sinh hiểu rõ bài cũ. Những câu hỏi ôn-tập này có thể khéo-léo đưa vào bài mới một cách tự-nhiên.

c) *Dạy bài mới* : Có nhiều cách giảng và tùy từng lớp, từng môn. Nhưng nói chung, có thể dùng câu hỏi khéo-léo cho học-sinh quan-sát, nhận xét và trả lời lần-lượt thành một bài ghi trên bảng. Hoặc dùng hình-thức trình-bày...

Nguyên-tắc giảng là nắm vững trọng-điểm, lời gọn, ý đủ rõ-ràng, mạch-lạc, làm cho linh-động, hấp-dẫn học-sinh.

d) *Củng-cố bài mới* : Giảng bài luôn luôn thiết-tha thế nào cho học sinh hiểu và hiểu đầy-đủ. Cho nên cuối mỗi đoạn, và cuối bài, đều phải có câu hỏi kiểm-điểm lại coi học-sinh có thâu-thập được không. Đồng thời, nhấn lại đại-ý, và nắm vững bài học một cách hoàn-toàn hơn.

e) *Ra bài làm ở nhà* : Bài làm ở nhà rất quan-trọng, bởi vì lớp học thì đông

không thể nào mỗi em được nói và trả lời đầy-đủ được. Bài làm ở nhà bổ-túc được sự thiếu sót này. Giáo-viên cần nói rõ cách làm bài ở nhà. Bài làm phải bố-trí sao cho học-sinh về nhà có thể làm được, tự mình giải-quyết được. Nếu không thì học-sinh không hoàn-thành được bài làm trở nên hình-thức và không kết-quả gì.

Năm bước trên đây cũng tùy từng môn, từng lớp mà áp dụng cho linh động; miễn là phục-vụ được nội-dung bài giảng. Có khi thì lấy việc giảng bài làm chính, có khi cả bài chỉ thực-tập, nhẹ về phần giảng ....

KỲ SAU : **Phương - pháp xây-dựng đến tánh cho học-sinh và kết-luận.**

Giới-thiệu sách mới

Chúng tôi vừa nhận được của *Nhà xuất-bản*

NGUYỄN - HIẾN - LÊ

những sách sau đây :

1) « **Đông-Kinh Nghĩa - Thục** » (tác-giả Nguyễn-hiến-Lê), phong-trào duy-tân đầu-tiên ở Việt-Nam—Giá 34$.

2) « **Luyện-văn II** » (cùng tác-giả), một tài-liệu giúp các bạn am-hiểu thêm Việt-ngữ, biết tự sửa văn mình và viết văn giỏi. Giá 48$.

3) **Thơ Bàng-Bá-Lân**, những vần thơ đẹp trình-bày một cách nên thơ. Giá 42$.

Bách-Khoa xin cám ơn và trân-trọng giới-thiệu cùng bạn đọc.

NÊN vì thiên-hạ nuôi thân, không nên vì thiên-hạ tiếc thân.

Bớt dục-vọng, giảm ưu-phiền, ít giận-dữ, tiết ẩm-thực, đó là nuôi thân.

Tính-toán lợi-hại, trốn-tránh gian-khổ, tham-cố quyền-vị, chỉ nghĩ đến vợ con, nhà cửa, đó là tiếc thân.

TRƯƠNG-ĐÔNG-SƠ

DÃ LÀ người, chẳng nhiều thì ít, ai cũng có sức-lực và năng-lực, đáng ghét nhất là lười-biếng, thích ỷ-lại và muốn người ta hầu-hạ mình, không chịu dùng sức để tự cung-cấp, không chịu đem năng-lực để đảm-nhiệm công việc chung. Nếu biết dùng sức-lực hay năng-lực, cần phải cống-hiến cho quần-chúng, chớ có làm lợi cho bản-thân là cá-nhân.

LÊ-KÝ

MÙA đông rét-mướt, tòng bách vẫn xanh ; mưa gió tối-tăm, gà trống vẫn gáy.

VÔ-DANH

HỌC-THUYẾT KHẮC-KỶ

HẢO-NGUYÊN NGUYỄN-HÓA

VÀO khoảng cuối thế-kỷ thứ tư trước Tây-lịch, Zénon (1), một triết-gia Hy-lạp, sinh tại Citium đã đề-xướng chủ-nghĩa khắc-kỷ. Đó là một chủ-nghĩa sán-lạn trong các chủ-nghĩa sán-lạn, có một lịch-sử trường-kỳ (2). Chủ-nghĩa khắc-kỷ đã gây ảnh-hưởng lớn-lao khắp cả châu Âu, nhất là ở La-mã và Hy-lạp, đã hun-đúc nên biết bao cá-nhân hùng-vĩ, đạo-đức và hành-động gương-mẫu lưu-truyền trải các thời-đại.

Xưa nay, người ta vẫn không ngớt ca-tụng thái-độ bình-tĩnh của Epictète (3). Khi bị chủ vặn chân, ông chậm rãi bảo : « Này, nó gãy đấy nhé ! »

Đến chừng thấy chân gãy, ông chỉ nói thêm, một giọng bình-tĩnh thánh-thần : « Tôi đã chẳng bảo ông trước rồi sao ? »

Người ta vẫn còn ca-tụng Posidonius (4), nhà khắc-kỷ đã nói :

« Này, đau-khổ ! Mi đã phí-công vô-ích để làm cho ta phải rên-siết, nhưng có bao giờ ta chịu rên-siết đâu ! »

Và câu chuyện của tướng Régulus (5) trải 2.000 năm nay vẫn còn khiến người ta khâm-phục.

Chủ-nghĩa khắc-kỷ như thế nào ?

Chủ-nghĩa khắc-kỷ quan-niệm rằng con người cùng vũ-trụ đồng một thể. Hệ-thống của khắc-kỷ chủ-nghĩa cũng giống hệ-thống Nho-giáo ở Đông-phương : « Thiên-địa vạn-vật nhất thể (panthéisme) ». Mỗi cá-nhân là cả vũ-trụ thâu hẹp lại, và vũ-trụ chỉ là hình-ảnh của cá-nhân phóng-đại ra. Con người sống trong một vũ-trụ linh-động, biến-hóa (Nho-giáo gọi là « dịch ») (6). Cũng như chính vũ-trụ, con người sở-dĩ có là bởi một thứ lửa và khí thiêng. Thứ lửa

(1) Chớ lầm với Zénon sinh ở Elée, thế-kỷ V trước T.L, chủ-xướng thuyết vạn-vật là ảo-ảnh.

(2) Lịch-sử trường-kỳ này có thể chia làm 3 thời-đại : 1°) Cổ-nguyên kể từ Zénon ; 2°) Trung-nguyên kể từ Posidonius, 150 trước cho đến T.L. kỷ nguyên ; 3) và thời-đại La-mã, kể từ Epictète, thế-kỷ I của T.L. kỷ-nguyên.

(3) Epictète sinh tại Hiérapolis, nô-lệ của Epaphrodite ở La-mã, thế-kỷ I của Tây-lịch kỷ-nguyên được Néron phóng-thích.

(4) Posidonius sinh tại Syrie khoảng 135-50 tr. T.L)

(5) Régulus : Tướng thành La-mã, vào khoảng thế-kỷ thứ II tr. T.L. bị quân thành Carthage bắt. Người Carthage sai ông trở về La-mã để bàn cãi về việc trao đổi tù-binh. Ông đã cố thuyết-phục Nghị-viện La-mã chấp-thuận đề-nghị của Carthage và để giữ đúng lời hứa với người Carthage, ông đã cương-quyết chống mọi sự vận-vi bận-bịu của vợ con, bè bạn giữ ông lại La-mã, để trở lại Carthage mà chịu cực-hình.

và khí thiêng này ta có thể xem như « Lý Thái-cực » ở Nho-giáo (6). Khí thiêng này có trình-độ hơn kém khác nhau, nên con người, tuy cùng đồng căn-nguyên (tức đồng-lý) hay nói theo Nho-giáo, đồng phát-sinh bởi lý Thái-cực, nhưng đều có cá-tánh khác nhau. (Nho-giáo cho rằng đều có bẩm-thụ Thiên-lý ; bẩm-thụ nhiều thì trở nên thánh, thần, bẩm-thụ ít thì làm người thường hay làm thú-vật). Khắc-kỷ chủ-nghĩa quan-niệm người cùng vũ-trụ phải gắn-bó nhau bởi đều cùng bẩm-thụ khí-thiêng cả. Nếu không cùng vũ-trụ gắn-bó, con người sẽ bị hủy-hoại ngay. Nhưng vì phần bẩm-thụ khí-thiêng không đồng nhau, nên con người lại có một phần độc-lập với vũ-trụ (Nho-giáo cho rằng : Vạn-vật do Trời sinh ra, song vật nào cũng có tính-cách tự-do để hành-động cho hợp « thiên lý »).

Con người, vừa gắn-bó với vũ-trụ, đồng-thời vừa độc-lập, nên con người phải tự làm chủ lấy mình và thực-hiện định-mệnh mình. Theo chủ-nghĩa khắc-kỷ, tinh-thần (hay đúng hơn là lý-trí) có một sức mạnh vô-biên. Con người có thể tự tìm ở chính cá-nhân mình sự sáng-suốt và sức-lực để thực-hiện định-mệnh mình (7). Nhất sinh, con người được phú-thác cho chính mình. Thánh-nhân hay là điên-cuồng, hạnh-phúc hay khổ-sở là những điều hoàn-toàn tùy-thuộc ở con người. Ngoài cá-nhân, con người không có và không thể có một thế-lực nào có thể giúp cho con người cả. Trong tấn kịch đời có thể ví con người và định-mệnh của mình với người thủy-thủ độc-nhất trên một chiếc thuyền. Được đến bờ, đến bến hay bị chìm đắm, người thủy-thủ không chờ ở sức ai, ngoài chính mình. Chính đây là một điểm rất quan-trọng trong triết - học, đã làm nhiều người rất phân-vân, và xưa nay nó vẫn là đầu-đề của những cuộc tranh-luận không dứt. Vấn-đề là con người có đủ sức để thực-hiện định-mệnh mình không, để tự cứu lấy mình không, hay lại phải nhờ ở thế-lực nào ngoài mình ? Ta thấy nhà khắc-kỷ quả-quyết rằng « Được ! » nhưng tín-đồ Thiên-Chúa quả-quyết rằng « Không ! » (8)

Con người phải biết hướng-dẫn hành-động của mình vào những lý-tưởng hình-ảnh nào có thể giữ-gìn trọn-vẹn cái bản-thể « khí thiêng », cái thiên-lý của mình. Đó là đường đi tối-thiết vậy. Nhưng khốn thay, con người lại có sờ-sờ một cái xác-thịt nguy-hiểm, khả-ố. Cái xác-thịt luôn-luôn ưa tìm kiếm lạc-thú, dễ bị cuồng-loạn bởi muôn ngàn cảm-giác khiến cho cái « Tâm » luôn luôn bị xáo-trộn, khiến sự nhận-định và phê-phán của lý-trí phải

---

(6) Nho-giáo và khắc-kỷ chủ-nghĩa, về phương-diện phương-pháp trong triết-học, đều thuộc hệ-thống « thiên-địa vạn vật-nhất thể ». Bởi vậy, trong khi trình-bày sơ-lược khắc-kỷ chủ-nghĩa có điểm nào hai bên giống nhau, hay gần giống nhau, chúng tôi đều chua vào bài. Làm như thế để qua đôi điểm Nho giáo, ta hiểu được đôi điểm của chủ-nghĩa khắc-kỷ, và cũng là dịp để chúng tôi có thể dùng đôi danh-từ ta từng quen trong Nho-giáo vào chủ-nghĩa khắc-kỷ vậy.

(7) Đến đây Nho-giáo và khắc-kỷ chủ-nghĩa bắt đầu xa nhau và xa hẳn : Nho-giáo không tin rằng người ta có thể quyết-định và thực-hiện định-mệnh mình. Đối với Nho-giáo, thiên-lý luôn luôn có quan-hệ đến người vì Trời và Người quan-hệ với nhau mật-thiết lắm theo tư-tưởng « Thiên Nhân tương dữ ». Con người phải theo thiên-lý mà hành-động và phải xem thiên-luân là nhân-luân, thiên-đạo là nhân-đạo. Bởi tư-tưởng này, Nho-giáo thường khuyên ta hãy hỏi Trời, bằng cách gieo quẻ, để hành-động, khi gặp điều gì nghi-hoặc, khó giải-quyết.

(8) Người tín-đồ Thiên-Chúa tin rằng loài người chúng ta đã sa-đọa và hư-hỏng. Tội lỗi chồng-chất và đau-khổ liên-miên kể từ những ông Tị-tổ, loài người trở nên rất hư-đốn và yếu-đuối. Nếu Chúa-Trời rời bỏ, con người tức thì sẽ bị chìm đắm ngay. Nếu con người có làm được việc gì, ấy là nhờ Chúa-Trời giúp cho cả.

lầm lạc và nhất là khiến người ta mơ-ước những chuyện điên-rồ, những điều xằng-bậy xấu-xa. Cũng bởi cái xác-thịt ấy mà phần Tâm của con người từng giờ, từng phút chỉ chực sa-ngã, chực lạc-hướng. Thêm vào đó, bao nhiêu là dục-vọng đen tối, lỗi-lầm, chèn-ép, thúc-bách làm cho cái tâm phải mất phương-hướng về đường « thiên-lý ».

Bởi vậy chủ-nghĩa khắc-kỷ bảo phải luôn luôn tự-chủ lấy mình, điều-khiển lấy hành-động mình, chớ để phải chìm-đắm theo con thú xác-thịt, dù chỉ chìm-đắm trong một phút. Mỗi khi chúng ta hành-động theo dục-vọng là một dịp ta để cho con « thú » trong người lồng-lộn lên mà giết chết cái con người chân-chính đi. Chúng ta phải trừ-khử, trấn-áp, trừ-khử, trấn-áp hết thảy mọi dục-vọng vì hễ là dục-vọng, đều xấu-xa tuốt. Có trừ-khử, trấn-áp được dục-vọng, chúng ta mới đặt cái Tâm của ta yên-tĩnh, để cái Tâm hòa-hợp với « Thiên-lý ». Được thế, cái Tâm của ta mới cảm-thông được với đồng-loại, rồi ta mới có thể hành-động hợp với đạo-đức (9), nhân sinh, lý-trí mới phán-đoán sự việc chính-xác, đúng-đắn được.

Làm được như thế thì con người tự cải-tạo được mình, hay có thể nói, thực-hiện một sự thay hình đổi dạng, một sự tái-tạo. Được tái-tạo là bởi người đã xua đuổi được muôn ngàn dục-vọng điên-cuồng cùng ám-ảnh của nó. Chừng ấy, sung-sướng thay, con người sẽ không còn nằm chết dí trong bàn tay thao-túng của dục-vọng nữa. Như thế thì con người muốn thực-hiện được sự tái-tạo ấy, phải rất mực nghiêm-khắc mà không thể dung-thứ một thứ dục-vọng nào.

Lại bởi lẽ không thể dung-thứ một thứ dục-vọng nào để cứu-rỗi cái « Tâm », khắc-kỷ chủ-nghĩa cho rằng không thể lưng-chừng được. Không thể nào chúng ta được rỗi Tâm, nếu đối với dục-vọng, có lúc chúng ta tỏ ra nghiêm-khắc, có lúc chúng ta tỏ ra dễ-dãi. Từ đấy, ta thấy người ta hoặc hoàn-toàn xấu, nếu phán-đoán, hành-động sai, hoặc hoàn-toàn tốt, nếu phán-đoán, hành-động đúng. Bởi vậy mà dưới mắt nhà khắc-kỷ, ham mê một chiếc áo lót tốt cũng tội-lỗi như tội-lỗi sát-nhân. Và người ta chỉ có hai hạng : hoặc là thánh-nhân hoặc là tội ác. Tư-duy, hành-động của hai hạng người trong đời, hoàn-toàn khác nhau. Một bên cao-cả siêu-việt nếu có thể nói —; một bên tối ngu, chìm-đắm. Một bên tâm-thần luôn luôn sung-sướng, yên-tĩnh ; một bên, triền-miên chìm ngập trong đau-khổ và ngờ-vực.

Đồ-đệ khắc-kỷ chủ-nghĩa phải làm thế nào để tự « tái-tạo » ?

Khắc-kỷ chủ-nghĩa nói ai ai cũng có thể tự « tái-tạo » được cả. Duy muốn tự cải-tạo mình, « người phàm », chúng ta phải nhờ đến ý-chí và nhất là nhờ đến sự phán-đoán minh-mẫn, biện-biệt sự, vật và điều phải, trái—xin hiểu « phải, trái », theo quan-niệm khắc-kỷ (10) tinh-vi. Điều này rất quan-hệ vì thật ra chính nhờ ở sự biện-biệt điều phải, trái, sự phán-đoán minh-mẫn mà ta giữ lấy ý-chí, giúp tiến-hành sự cải-tạo một cách êm-đềm mát-mái. Khi phê-phán đúng-đắn sự, vật, người ta mới có một biểu-tượng chính-xác, cái biểu-tượng duy-nhất hoàn-toàn hợp khả-năng người ta.

Lại còn có điều quan-trọng này : khắc-kỷ chủ-nghĩa quan-niệm rằng ý-chí chỉ có

(9) Xin hiểu đạo-đức là đường đi đến đức-hạnh.

(10) Đối với phái khắc-kỷ, cái gì tùy-thuộc ở ta là phải còn cái gì không tùy-thuộc hay không hoàn-toàn tùy-thuộc ở ta, là trái. Ta sẽ thấy quan-niệm này dưới đây.

thể có hiệu-lực trên những gì mà con người hoàn- toàn làm chủ được. Theo Epictète, con người chỉ thực-sự làm chủ được tư-tưởng mình mà thôi. Ông cho rằng không có gì hoàn-toàn nằm trong quyền-hạn ta, phi tư-tưởng ta. (11)

Con người làm chủ-nhân-ông tư-tưởng mình, trước hết hãy nên dùng tư-tưởng để biện-biệt cho minh-bạch xem sự, vật nào tùy thuộc ở ta, sự, vật nào không tùy-thuộc hay không hoàn-toàn tùy-thuộc ở ta. Đã biện-biệt được như thế rồi, ắt ta thấy rằng ta phải chịu và chỉ phải chịu trách-nhiệm về những gì tùy-thuộc ở ta, còn những gì không tùy-thuộc ở ta đều nằm ngoài trách-nhiệm ta. Mà hễ những gì trong vòng trách-nhiệm của ta thì ở trong vòng quyền-hạn ta ; những gì nằm ngoài vòng trách-nhiệm ta thì ở ngoài quyền-hạn ta. Đến đây, ta còn cần phải biết những gì tùy-thuộc ở ta ? Chủ-nghĩa khắc-kỷ bảo : ấy là tư-tưởng ta, ý-kiến ta, xu-hướng, ham muốn... của ta. Còn những gì không tùy-thuộc ở ta ? — Ấy là cái thể-xác, cái hạn hưởng dương, với lại những tiền của, danh-vọng, địa-vị, chức-tước, phẩm-hàm... Chúng ta có thể nào mong muốn—một cách hợp-lý-cho cái bộ mặt ta được đẹp-đẽ, kiều-diễm, được phương-phi đĩnh-ngộ, nếu ta lỡ có cái bộ mặt xấu-xí không ? Cũng như chúng ta có thể nào vì thương cha, mẹ, vợ con rồi mong muốn cho những người thân-yêu ấy lột da sống dời mà được không ? Bây giờ không mong muốn như thế nữa, chúng ta lại chỉ kiên-quyết nghĩ rằng : cái mặt mày ta dầu xấu, dầu đẹp cũng không thuộc quyền-hạn ta, ta không cần bận-tâm mà nên xem nó hoàn-toàn xa-lạ với ta. Hỏi nghĩ như thế, có cái gì ngăn trở ta được không ? Hay ta lại nghĩ rằng : cha, mẹ, vợ, con ta sống chết, không tùy ở ta thì ta chớ nên mong-ước viển-vông làm gì. Nghĩ như thế là quyền ở ta, không có gì ngăn-trở ta cả. Epictète đã nói : « — Mi khùng, nếu mi muốn rằng vợ, con, bè bạn của mi sống lâu muôn tuổi ».

Từ ở sự biện-biệt những gì tùy-thuộc và không tùy-thuộc ở ta, đưa đến xuất-xử, hành-động đúng đắn, theo một biểu-tượng chính-xác.

Đồ-đệ khắc-kỷ chủ-nghĩa phải xuất-xử, hành-động như thế nào ?

Ta đã biết, đồ-đệ chủ-nghĩa khắc-kỷ chỉ chú-trọng « duy nhất » đến những gì tùy-thuộc ở họ. Bởi là tùy-thuộc, nó có thể có ảnh-hưởng đến họ hoặc tốt, hoặc xấu. Đối với những gì không tùy-thuộc họ thì họ cái thái-độ : dửng-dưng, xa lạ. Họ xem nó xa lạ bởi nó không có ảnh-hưởng gì nơi họ cả. Nhờ thế, họ điều-khiển tư-tưởng, hành-động họ một cách chặt-chẽ có thể nói khắc-khổ—Bởi thái-độ khôn-ngoan « minh-mẫn » ấy, nhà khắc-kỷ có cái « Tâm » luôn luôn yên-tĩnh, sung-sướng, không hề bị thúc-phọc bởi trăm ngàn ham muốn không đâu, như « người phàm » (12) « khờ-khạo » (12) chỉ đi mơ-ước hão-huyền, muốn bức-thúc những gì ngoài quyền-hạn mình phải khuất-phục mình làm như nó tùy-thuộc ở mình. Bởi lẽ ấy mà « người phàm » luôn luôn phải ngờ-vực, chìm-ngập trong khổ-sở triền-miên, và cái « Tâm » rất khốn-khổ. Như thế, ta thấy nhà khắc-kỷ không ham địa-vị, không ham tiền của, danh-vọng... những thứ lố-lăng. Họ sống hạnh-phúc với địa-vị của họ, bất cứ là địa-vị nào, trong một thái-độ bề ngoài như tuồng tiêu-cực,

(11) Descartes đã chịu ảnh-hưởng tư-tưởng này mà nêu danh-ngôn : « Ta tư-duy, tức là có ta » (Je pense, donc je suis.)

(12) Xin hiểu nói : người phàm và khờ-khạo đây là nói theo quan-niệm khắc-kỷ.

nhưng thật ra rất tích-cực, với một bản-lãnh như thụ-động nhưng thật ra chủ-động. Đối với nhà khắc-kỷ, làm vương-tướng hay làm kẻ nô-lệ, giàu có đến của kho bạc dụn hay nghèo xác không một xu dính túi, đều như nhau. Họ không chịu để cho một thứ gì ngoài quyền-hạn của họ phiền-nhiễu họ được cả. Họ luôn luôn giữ thế chủ-động, dù trong tình-thế bị-động với Chí, « Tâm », nói chung của họ. Họ giữ vẻ ung-dung, tự-tín, thái-độ lạnh-lùng sắt đá dù ở trong thế quẫn-bách. Có thể nói, nhà khắc-kỷ, hơn ai hết hoàn-toàn làm chủ mình, làm chủ hạnh-phúc mình, định-đoạt định-mệnh mình. (Thái-độ của Posidinius, Epictète, Régulus ta đã nói trên kia tiêu-biểu một cách hùng-hồn ý-lực mạnh-mẽ cùng lối xuất-xử hành-động của phái khắc-kỷ). Trong bất kỳ nghịch-cảnh nào, dù bị sắc-dục hay tiền của quyến-rũ, dù bị cực-hình hay dù bị mạ-nhục, nhà khắc-kỷ cũng lấy chí chống-chọi lại để được sung-sướng. Bởi vậy mà theo quan-niệm của phái khắc-kỷ, chỉ có phàm-nhân chúng ta mới chính là những kẻ khổ-sở, dù chúng ta là những kẻ đi cho tiền của, đi gia cực-hình hay đi mạ-nhục họ. Thái-độ của họ thật là anh-hùng, và đáng khâm-phục thay ! Nhà khắc-kỷ phải tự-cứu lấy mình chớ không chờ đợi ở một ai, một thế-lực nào ngoài họ cả. Chí-lực mạnh mẽ thay !

Phê-bình học-thuyết khắc-kỷ

Chúng tôi vừa khen và thán-phục. Thật ra cái ảnh-hưởng lớn-lao của chủ-nghĩa khắc-kỷ và tính-chất quyến-rũ mãnh-liệt của nó — ta đã nói ở trên — cho ta thấy giá-trị của nó. Quả thật, chủ-nghĩa khắc-kỷ đã thúc-giục con người yếu-đuối và đầy dục-vọng dị-tình dưỡng-tính để cố sống thanh-cao, khắc-khổ nhưng sán-lạn, cố thực-hiện một đời sống thanh-cao nhất mà loài người có thể đạt đến. Hình như trong lịch-sử, chưa từng có một chủ-nghĩa nào đã nâng giá-trị của con người lên cao đến như thế. Chính giá-trị của chủ-nghĩa khắc-kỷ là ở như chỗ ấy xem con người mang một sức phi-thường, không bờ không bến. Nhưng chính đấy cũng lại là cái khuyết-điểm của chủ-nghĩa khắc-kỷ. Zénon, Epictète... đã nhìn con người chúng ta với ít nhiều ảo-giác. Những nhà khắc-kỷ đã gán cho con người, một sinh-vật tuy « linh » nhưng có bản-chất hay yếu-mềm, một mãnh-lực không giới-hạn, trên thực-lực của con người. Thật ra, con người không anh-hùng đến thế. Chỉ tìm ở Tâm, ở ta để ứng-phó với hết thảy mọi biến-thiên, mọi ngang-trái, mọi phiền-trái trong tấn-kịch đời thì khó-khăn, khắc-khổ biết bao. Thực ra, những ai đã thực-hiện được sự cải-tạo mình đều là những anh-hùng cả. Đó là những anh-hùng đã diệt bỏ đi được rất nhiều phần trong toàn-thể bản-chất con người. Cũng trên đường chế-ngự dục-vọng, Nho-Giáo đã chế ra Lễ, Nhạc tỏ ra sáng-suốt và hiểu thấu-đáo hơn về những yếu-đuối của bản-chất con người. Đã có Lễ, Nhạc giúp người ta trị mình mà Nho-giáo còn bị hiểu sai-lạc, bị xuyên-tạc — thường bởi dục-vọng — trong nhiều thời trong lịch-sử, huống như khắc-kỷ chủ-nghĩa chỉ truyền bảo phải vận-dụng nội sức mạnh của Tâm, chí suông thôi mà ứng-phó với mọi sự việc thì chẳng không quá lượng ư, không hão-huyền ư ? Có khắc-khổ như thế thì làm thế nào khắc-kỷ chủ-nghĩa có thể dìu-dắt nhân-loại vào lý-tưởng luân-lý của mình ? Ta có thể nói rằng khắc-kỷ chủ-nghĩa chỉ có hợp sức, xứng lượng với một vài cá-nhân đặc-biệt, anh-hùng mà thôi, chứ không thể là một học-thuyết thích-hợp với mọi người, với

bản-chất con người, nói một cách hời-hợt, nó không đại chúng.

Khắc-kỷ chủ-nghĩa lại còn bảo chúng ta chớ vụ đến những gì không tùy-thuộc ở ta, phải xem nó hoàn-toàn xa-lạ. Ta phải nhận rằng đó là một lời khuyên khôn-ngoan. Nhưng, ở đời, trong những gì không tùy-thuộc ở ta, có những việc mà đạo-đức (hay là lòng nhân-đạo) buộc ta phải chú-tâm, lo-lắng đến. Nếu ta không chú-tâm đến, ta lại là kẻ bất nhân. Ví như cha, mẹ, vợ con ta, bè bạn ta, đồng-loại ta đương trong cảnh khốn-đốn khổ-sở chết chóc thì ta phải làm sao ? Đành rằng họ không tùy-thuộc ở ta, không ở trong vòng quyền-hạn của ta, nhưng trước cảnh khốn-khổ, chết chóc của họ, ta có thể nào giữ mặt lạnh như tiền không ? Bằng trơ mặt lạnh cho đúng lý-tưởng khắc-kỷ thì ta có bất-nhân không ?

Trong chữ *nhân* 仁 là lòng thương người, chẳng có chữ 人 (nhân) là người đó sao ? Không có 仁, *người* còn gọi sao được là *người* !

Trong cuộc sống hợp-quần của xã-hội, cái lạnh-lùng sắt đá của chủ-nghĩa khắc-kỷ truyền dạy không có lý gì để tồn-tại cả. Lòng nhân buộc chúng ta phải sát cánh mà sống hòa-hợp cùng đồng-loại thân-yêu. Nếu theo lý-tưởng khắc-kỷ thì, hỡi ôi ! chẳng những chúng ta không cứu giúp, tương-trợ nhau trong cảnh khốn cùng mà còn làm cho tiêu-diệt mất lòng nhân kia sao ? Ta không thể tin được, mà mọi hình-thức luân-lý đều không cho phép. Phải chăng đó là những khuyết-điểm rất lớn của khắc-kỷ chủ-nghĩa.

HÀO-NGUYÊN NGUYỄN-HÓA

GIỚI-THIỆU SÁCH MỚI

Chúng tôi vừa nhận được của nhà xuất-bản « **Đồng-Nai** » *cuốn* « **Người Lão-Bộc** » *của Thiên-Giang, một cuốn truyện giải-trí thích-thú cho người lớn và trẻ em. Giá 4$.*

Và của nhà xuất-bản **Tân-Việt** *những cuốn :*

— **Phan-chu-Trinh** *của Thế-Nguyên. Giá 42$.*

— **Phan-bội-Châu** *của cùng tác-giả. Giá 52$.*

— **Nguyễn-thái-Học** *của Nhượng-Tống. Giá 40$.*

B. K. xin cám ơn và trân-trọng giới-thiệu cùng bạn đọc.

B. K.

■ VUI, BUỒN VỚI THIÊN-HẠ

Mạnh-Tử đến nước Tề. Tề Tuyên-vương đãi Mạnh-Tử vào bậc thượng-khách, để cho ở Tuyết-cung là nơi cực sang-trọng. Một hôm, Tuyên-vương đến thăm Mạnh-Tử, hỏi :

— Người hiền có nên vui hưởng cảnh này chăng ?

Mạnh-Tử đáp :

— Có. Tuy-nhiên, nếu người dân không được vui hưởng thì họ chê-trách quốc-trưởng. Không được vui hưởng mà chê-trách quốc-trưởng là điều trái lẽ. Nhưng quốc-trưởng không cùng vui hưởng với dân cũng là điều trái lẽ. Khi bực bề trên vui với cái vui của dân thì dân cũng vui với cái vui của mình ; khi buồn với cái buồn của dân thì dân luôn với cái buồn của mình. Vui với thiên-hạ, buồn với thiên-hạ, làm sao được như vậy, sự cai-trị của bậc quốc-trưởng mới có sự hưng-vượng.

THÁNH TÔMA ĐỐI VỚI CHÚA SỐNG LẠI

Nguyên-tác của GIOVANNI PAPINI
Bản-dịch của TRỰC-ĐỊNH

THEO PHÚC-ÂM thì từ khi Chúa Giêsu sống lại, người thứ nhất được hân-hạnh Chúa hiện ra cho coi thấy là một người đàn bà, đó là bà Madalena.

Sau bà Madalena là hai môn-đệ và sau hai người này, mới đến lượt mười một vị tông-đồ, trừ một người là ông Tôma, bấy giờ vắng mặt.

Mười một vị tông-đồ sau khi gặp Chúa đã ráng tìm ông Tôma và đều báo cho ông hay Chúa đã sống lại thật. Chúa đã đích-thân hiện đến truyền-dạy họ nhiều điều cùng an-ủi họ, y như hồi người còn sống ở thế-gian vậy :

— Chúng tôi đã gặp mặt Chúa ! Chúng tôi đã hầu chuyện Chúa. Chúng tôi đã ăn uống với Chúa. Không còn nghi-ngờ gì nữa ! Chúa quả đã sống lại thật.

Ông Tôma là một trong số những người mà sự tủi-hổ ở trên núi Golgotha đã làm đảo-lộn cả tâm-hồn. Đã có hôm ông từng long-trọng tuyên-bố sẽ chết với thầy một khi cần đến, nhưng tới khi quân lính của đô-hộ-phủ Roma ập tới vườn Oliva thì ông cũng như mọi môn-đệ khác đã vội chạy trước để tháo lấy thân. Trong cái tối-tăm dày-đặc bao-trùm núi sọ, lòng tin-tưởng ông cũng hóa ra tối-tăm dày-đặc. Mặc dầu đã được báo trước, ông cũng không thể tưởng-tượng được cái chết của thầy mình lại có thể ô-nhục được đến thế. Trên chót đỉnh ô-nhục, Chúa đã chịu cho người ta lôi kéo đi như lôi kéo một con chiên yếu-hèn và ý-nghĩ ấy còn làm cho ông đau-đớn hơn là sự mất một người ông yêu-kính. Ông coi đó là một cách đính-chính hùng-hồn nhất về mối hoài-bão xưa nay đã đặt cả vào Chúa. Ông coi như sự tin-tưởng của ông đã bị xúc-phạm và có cảm-tưởng là ông đã bị lừa gạt. Ông cũng thấy việc ông dời bỏ Chúa có chỗ tha-thứ được, ông không thấy sự hèn-nhát của ông là xấu-xa lắm nữa... Ông Tôma cũng như ông Cléopha là một trong số những người đã lẹ-làng mau-mắn đáp lại lời kêu gọi của Chúa ; nhưng mối tin-tưởng của ông đã hoàn-toàn bị tình-cảm kích-thích và đưa bổng lên một địa-hạt quá cao, một thế-giới không còn phải là của ông nữa.

Chúa là ngọn lửa thiêng hun-đốt lòng ông mỗi ngày. Một khi ngọn lửa thiêng ấy bị sự căm-hờn của người đời rập tắt đi hay tỏ ra vẻ như bị sự *căm-hờn của người đời* rập tắt đi, thì lòng ông cũng theo đó

mà nguội đi lần lần, và trở lại cái nguyên-tính trước. Nguyên-tính thật của ông chỉ vụ vào vật-chất nên ông chỉ biết tìm-tòi vật-chất, nghĩa là những gì có hình-thức bề ngoài có thể rờ mó thấy được. Ông mong đợi ở vật - chất những sự thay-đổi về vật - chất ; ông tin - tưởng ở vật - chất những sự chắc - chắn về vật-chất và sự an-ủi về vật-chất. Mắt ông không thể thừa-nhận những gì mà tay ông không thể rờ-mó tới. Vì thế cho nên mắt ông không thể nào nhìn thấy những sự vô-hình : ơn Chúa chỉ xuống cho những kẻ nào tin rằng sự vô-hình có thể có được mà thôi. Ông chỉ ngưỡng-vọng nước Đức Chúa Trời, bao lâu Đức Chúa Giêsu còn hiện-diện và dùng lời nói giữ vững cái tinh-thần chỉ biết vụ vào vật-chất của ông.

Điều trên cho ta thấy rõ ông Tôma, sau vụ ô-nhục xảy ra ở núi Calavario không thể nào còn đủ sáng-suốt để nhìn-nhận và tin thật lời người ta đồn về sự Chúa đã sống lại. Ông coi như ông đã bị lầm-lộn một cách đau-đớn quá nên lần này ông không thể nào chịu tin một cách quá dễ-dàng được.

Đáp lại kẻ báo tin cho ông biết Chúa đã sống lại, ông nói :

— Nếu mắt tôi không trông thấy các vết thương trong bàn tay người, nếu ngón tay tôi không được xỏ vào dấu đinh người và bàn tay tôi không được đặt vào bên sườn người thì tôi quyết không tin.

Ta nhận thấy, trước ông còn nói : nếu mắt tôi không trông thấy, nhưng rồi ông lại nghĩ ngay rằng mắt ông còn có thể lừa-gạt ông được như đã lừa-gạt nhiều kẻ bị quáng mắt. Trí ông nghĩ ngay đến sự thực-nghiệm bằng vật-chất, nghĩa là đến bằng-chứng thật phũ-phàng : xỏ ngón tay vào nơi dấu đinh và thọc cả bàn tay vào cạnh sườn đã bị lưỡi đòng đâm suốt.

Ông Tôma đã từ-khước đức tin, một thị-giác thiêng-liêng của linh-hồn. Ông Tôma lại nghi-ngờ đến cả thị-giác của vật-chất nữa. Ông Tôma chỉ đặt niềm tin-tưởng vào hai bàn tay : nghĩa là phải làm sao cho xác-thịt của ông đá đến xác-thịt của Chúa mới được.

Sự cứng lòng của ông Tôma đã sinh ra một kết-quả không hay cho ông là tâm-hồn ông đã phải chìm-đắm trong tối-tăm mãi cho đến ngày Chúa lấy lượng từ-bi, khoan-hồng đem ánh-sáng bất-diệt ở nơi người mà chiếu vào mắt và lòng ông cho được sáng ra.

Tuy-nhiên, lời đáp của ông Tôma cũng đồng-thời sinh ra một kết-quả khác là, khiến ông trở nên một trong số những người danh-tiếng còn được lưu-truyền mãi mãi qua các thời-đại về sau : vì Đức Chúa Giêsu vốn hay làm cho tên tuổi những kẻ sỉ-nhục người trở thành bất-tử. Tất cả những kẻ theo chủ-nghĩa hoài-nghi, những kẻ ngồi trên ghế cao tại các trường đại-học và các tòa hàn-lâm, những kẻ duy-vật chủ-trương lấy thực - nghiệm làm căn - bản suy-luận trong mọi sự thuần-linh cũng như vật - chất, tất cả những con chí rận trong khoa-học, tất cả những con đom-đóm nhỏ bé ghen - ghét với mặt trời, tất cả những con vịt lè-tè thấp nhỏ không thể nào ngờ tới sức bay cao của phụng-hoàng, hết thảy đều đã lấy ông Tôma làm đấng bảu-chủ và đều tôn ông Tôma làm bậc thánh - sư. Về ông Tôma, họ không biết gì khác hơn là lời ông còn để lại : « Nếu tôi không rờ mó đến được thì tôi quyết không tin ». Họ lấy lời ấy làm một lời vững-chắc như núi Thái-Sơn trong cách suy-luận của họ. Có

những người có thể trông trong tối-tăm, nghe trong yên-lặng, nói trong u-huyền và sống trong sự chết, nhưng họ thì không bao giờ họ có thể có khả-năng cảm giác những sự cao-siêu như thế được. Họ ở trong cái phạm-vi thiết-thực, một phạm-vi hết sức nhỏ-hẹp và không sao bước ra ngoài phạm-vi ấy để thả linh-hồn ra những nơi phóng-khoáng hơn, rộng-rãi hơn, cao-cả hơn. Họ ruồi theo vàng bạc, là những thứ chỉ làm cho họ thêm đói khát hơn... Họ ở trên trái đất, trong một khoảng lớn vừa bằng cái lỗ nhỏ. Họ ham thích danh-vọng là những tiếng thì-thào tan đi rất mau trong cái tich-mịch vô-cùng. Họ tin-tưởng vào xác-thịt là những đống bùn nhơ đầy giòi bọ. Họ đặt hy-vọng vào các cuộc phát-minh mà họ cho là ghê-gớm lắm. Họ có biết đâu : tất cả những cái đó chỉ mau đưa họ đến một cuộc phát-minh hết sức rùng-rợn là cuộc phát-minh ra cái chết không tránh được.

Đấy là tất cả cái thiết-thực mà con cháu ông Tôma đang mê-cuồng say-đắm vậy.

Tám bữa sau, các môn đệ lại nhóm họp tại căn nhà đã nhóm họp trước, lần này thì có mặt ông Tôma. Trong những ngày đó, ông Tôma cũng hy-vọng được Chúa đoái thương hiện ra cho mình xem thấy như đã hiện ra với các môn - đệ khác, nhưng đôi khi ông cũng e sẽ không được ơn ấy, vì ông đã nói ra những lời tỏ lòng ông nghi-hoặc. Nhưng bỗng chốc, Đức Chúa Giê su hiện ra trên ngưỡng cửa và phán:

— Bằng yên cho các con.

Chúa vừa vào vừa đưa mắt nhìn Tôma. Chúa đến đây chính vì Tôma, và chỉ vì Toma, bởi lòng Chúa yêu-dấu Tôma còn mạnh hơn sự sỉ-nhục Tôma đối với Chúa bội phần. Chúa gọi chính danh ông và tiến lại gần ông và cho ông được thấy nhãn-tiền :

— Con hãy để ngón tay con vào đây và nhìn tay ta cho kỹ. Con hãy đưa bàn tay con ra đặt vào cạnh nương-long ta và con đừng cứng lòng nữa mà hãy tin.

Tôma không dám vâng lệnh Chúa. Tôma không dám để ngón tay vào dấu đinh và đặt bàn tay vào cạnh sườn người. Ông chỉ thưa lại có một câu rằng :

— Lạy Chúa tôi, lạy Thiên-Chúa tôi ; Dominus meus et deus meus !

Một lời đơn sơ ấy thật đã bày-tỏ một cách đầy-đủ tất cả nỗi lòng của ông Tôma ! Ông Tôma chịu mình đã thua, nhưng ông coi sự thua vinh-hạnh cho ông gấp ngàn sự thắng. Từ ngày ấy, ông dâng trót đời ông cho Chúa, ông không còn tiếc một sự gì cùng Thiên-Chúa nữa. Từ trước ông coi Chúa là một người hoàn - thiện đáng tôn, nhưng từ ngày ấy, ông coi Chúa là một Thiên-Chúa phải thờ.

Bấy giờ Đức Chúa mới đáp lại một câu có ý nhắc cho ông được nhớ trong trọn đời sự nghi-ngờ của ông:

—Bởi con đã trông thấy nên con mới tin. Song phúc cho những kẻ không trông thấy mà tin.

Lời Chúa phán đó lại còn là một lời phán cuối-cùng về các mối phúc-thật và là mối trọng-đại hơn hết: « *Phúc cho những kẻ không trông thấy mà tin* ». Vì những chân-lý kẻ ấy tin là những chân-lý có giá-trị tuyệt-đối, không thể dùng mắt thịt mà nhận xét ra, hay dùng tay đá đến mà thấy rõ được. Những chân-lý ấy là những chân-lý tự trời ban xuống, thấm-nhập trực-tiếp vào linh-hồn người ta, không cần phải đến sự gì làm trung-gian cả. Những kẻ cố-tình đóng kín linh-hồn mình lại thì dù hòng bao giờ tiếp-nhận được chân-lý đó và họ

chỉ thấy những chân-lý ấy trong ngày mà thân-thể họ chỉ còn là một manh áo rách nát, vứt trên giường nằm, chờ ngày mục ra thành đất bụi.

Ông Tôma là một vị thánh, nhưng tiếc cho ông một điều là ông đã không được dự phần vào mối phúc-thật ấy. Tục-truyền rằng bàn tay của ông Tôma đã nhuốm một mầu sắc đỏ như máu cho tới khi ông qua đời. Truyện này chẳng biết thực hư thế nào, nhưng nó ngầm chứa một ý-nghĩa tượng-trưng rất đáng ghê sợ. Nó bảo rằng kẻ cứng lòng không tin chính là một kẻ sát-nhân, sát hại linh-hồn mình trước nhất.

Ôi ! Trong thế-gian này còn biết bao nhiêu kẻ sát-nhân như vậy !

■ GỐC TÍCH CỦA MỘT VĨ-NHÂN

Năm 1889, có một thiếu-phụ trẻ tuổi, coi bộ đói rách, xin vào nằm đẻ tại nhà thương Fontainebleau. Nghe giọng nói người ta biết rằng nàng là người Anh. Người ta chỉ cho nàng nằm một giường hạng « thí » và ít ngày sau này, nàng sinh được một đứa con trai co-ro, ốm yếu. Sổ nhà thương có ghi tên họ đứa trẻ, với một câu chú thích rất đau lòng : « con không cha ».

Thật ra thiếu-phụ là người thành Luân-Đôn, từ thuở thơ ấu, nàng là nghệ-sĩ của một gánh hát thường diễn tại Ba-Lê. Sau khi nằm sinh tại nhà thương Fontainebleau được ít lâu, nàng lại bắt đầu đi hát. Ít được mướn diễn, nàng phải sống một đoạn đời cơ-cực đến khủng-khiếp và rồi một đứa « con không cha » nữa lại ra đời.

Thời-gian qua. Đứa con đầu lòng của nàng lớn lên, trở thành triệu-phú, thường xấu-hổ, không dám nhắc đến gốc tích của mình, tuy đã có lần viết trong cuốn nhật-ký mấy giòng sau đây :

« Trong những ngày xa-xưa, tôi đã từng đói rách và sống những phút sợ-hãi của cái ngày mai bất-trắc, cho đến nỗi bây giờ, dù có đủ ăn, đủ mặc, tôi cũng không sao quên được nó ! »

Tuy-nhiên, từ nay trở đi, hẳn nhà triệu phú ấy đã quên được và có thể ăn no ngủ yên, vì nhà triệu-phú ấy là Charlie Chaplin, tức là vua hề Charlot, một vĩ-nhân của thế-giới vậy.

LÁ THƯ MỸ-QUỐC

Hoa-Thịnh-Đốn, ngày 5.4.57

BƯỚC CHÂN lên đất Mỹ xa-xôi này, với tư-cách là một sinh-viên, tôi không khỏi tò-mò tìm hiểu hệ-thống giáo-dục của học-sinh và sinh-viên tại đây, tôi muốn nói tại Michigan. (Điều nên chú-ý là mỗi một xứ có một hệ-thống, một chương-trình giáo-dục khác nhau, và tùy theo sở-thích, ý-nguyện của dân-sự xứ đó. Tôi chỉ nói về hệ-thống giáo-dục tại xứ Michigan, nơi tôi đang ở).

Có thể nói rằng học-sinh và sinh-viên Mỹ-Quốc được mọi tầng-lớp nhân-dân đặc-biệt chú-trọng, từ các chính-khách cho đến một anh nông-dân hoặc một tài-công tầm thường.

Thanh-niên Huê-kỳ có đủ mọi phương-tiện về vật-chất lẫn tinh-thần để theo đuổi học-hành tại các trường. Điều đáng chú-trọng là học-sinh học những môn họ thích và rất chăm-chú vào môn ấy hầu sau này ra trường có thể có một nghề vững-chắc để tự-lập. Các môn-học tự-chương rất ít, trái lại, các môn học thực-tiễn rất nhiều. Tất-nhiên là trước khi học nghề chuyên-môn, học-sinh phải thụ-lãnh một nền giáo-dục căn-bản và cần-thiết để mở-mang trí-tuệ và óc tìm hiểu về mọi sự, mọi vật.

Em bé Mỹ-Quốc lên 6 đã cắp sách đi học. Em bé Việt-Nam ta có thể đi học sớm hơn em bé Mỹ-Quốc. Và cũng như em bé V.N, em bé Mỹ-Quốc học « vỡ lòng » trong năm đầu. Em bé tập đọc, tập viết, tập chơi và tập sống trong đoàn-thể học-sinh. Và trong 6 năm trường, em bé Mỹ-Quốc đeo-đuổi ban

tiểu-học như các em tại nước nhà (Elementary Grades or Grammar School).

Trong khoảng thời-gian ấy, em bé Mỹ đã học những gì? Cũng như các anh lớn, em học Anh-Văn, luật mẹo, cách hành-văn, ám-tả, các phép tính, cộng, trừ, nhân, chia và tính đố.. Em học lịch-sử nước nhà và địa-lý nước nhà cùng thế-giới. Em tập làm những thủ-công lặt-vặt như các em Việt, nặn đất thành tượng, đẽo hình các thú vật, vẽ các cảnh-vật xung-quanh.

Điều đáng chú-ý là cuối mấy năm sau trong thời-gian học ban tiểu-học, em bé Mỹ-Quốc được học một môn-học đặc-biệt : môn học xã-hội (Social study).— Em bé được giáo-viên chỉ-dẫn trong công việc tra cứu, xem-xét cách sinh-sống của từng-lớp dân-chúng, đầu-tiên ở trong nước, sau của thế-giới. Các em chú-ý đến cách ăn mặc của các chủng-tộc, các tập-quán phong-tục của họ. Buổi học rất hấp-dẫn vì rất thực-tế. Các giáo-viên phải xông-xáo đến các bảo-tàng, thư-viện hay làm quen với các bạn ngoại-quốc, mượn áo quần của các dân-tộc kể trên, tìm tòi tranh-ảnh để trình-bày cặn-kẽ một cách thực-tiễn cho các em những đặc-tánh của mỗi một dân-tộc v.v...

Còn nhớ trong tháng đầu-tiên, tôi ở tại Đại-học Michigan State, một nữ giáo-viên Mỹ có nhã-ý đem tôi đi xem cách sinh-hoạt của một trường tiểu-học và cao-đẳng tiểu-học (Junior high School). Không khí nào tôi quên được không-khí học-tập của anh chị em bé tý Mỹ-Quốc và sự tò-mò của các học-sinh. Họ rất dạn-dĩ, rất tự-nhiên, có lẽ nhờ thế mà họ có khả-năng phát-triển trí thông-minh, nhận-xét của họ và không khi nào họ mắc phải bệnh rụt-rè, e-lệ và nhất là căn bệnh « tự hạ » mình, cho rằng mình kém cỏi (complexe d'infériorité). Tôi vào dự một lớp học « Tổ-chức xã-hội » của các em lớp sơ-đẳng tiểu-học (năm thứ 7 và 8). Sau khi giáo-viên giới-thiệu qua loa, tôi ngỡ rằng mình chỉ ngồi dự-thính, không ngờ các em nhao-nhao xin phép giáo-viên cho hỏi vài câu. Tất-nhiên các học-sinh hỏi về tôi : « ở đâu đến, ăn mặc sao lạ thế, nói tiếng gì v.v... ». Tôi phải bắt-buộc tự giới-thiệu mình là công-dân của nước V.N. qua đây để làm gì và học những gì. Chỉ có một vài em biết V.N. ở đâu. Lập-tức giáo-viên phải đi lấy địa đồ thế-giới chỉ cho các em biết địa-thế của nước nhà. Buổi học vui làm sao ! Dầu sao tôi cũng tự-hào là đã làm cho một số đầu xanh từ 11 đến 13 tuổi biết nước V.N. ta, biết tình-hình chính-trị ở nước ta, bảo cho các em hay nước V.N. đã độc-lập, không còn quyền của Pháp và cũng không còn giữ tên « French Indo-China » nữa. Nhưng đến lúc giảng-giải cách ăn mặc của phụ nữ V.N, tôi hơi lúng-túng. Các em — trai lẫn gái — đều muốn rờ tận tay, xem tận mắt những áo quần trong và ngoài của tôi. Các em hỏi những câu rất ngộ-nghĩnh và rất tự-nhiên, như « tại sao lại mặc quần dài, sao không để hở chân cho đẹp ». Cố-nhiên đó là câu hỏi của một cô bé 13 tuổi, đã bắt đầu chú-ý đến sắc đẹp của nữ-giới. Họ hỏi cả về khí-hậu,

tập-quán bên nước nhà, cách ăn uống và tiếng mẹ đẻ của chúng ta. Các em rất ngạc-nhiên khi tôi viết một câu tiếng Việt trên bảng đen ; các em tưởng chữ của chúng ta phải như của Trung-Hoa hay Nhật-bản chứ không phải « la-mã hóa » như chữ của Tây-phương. Bao nhiêu là câu hỏi mọc ra ở những đầu óc non-dại khao-khát học hỏi ! Bao nhiêu là ý-nghĩ ngộ-nghĩnh được phơi bày một cách tự-nhiên, hầu như táo-bạo ! Tôi ước sao con em V.N. bỏ hẳn lối rụt-rè sợ-hãi trước một người lạ hay trước một vấn-đề xa lạ mà các em cần phải học hỏi và tìm hiểu. Ra về, tôi mới hay rằng bà bạn Mỹ muốn giúp người bạn đồng-nghiệp trong giờ dạy của giáo-viên này, và cũng luôn dịp cho tôi viếng cảnh trường !

Học xong ban Tiểu học và cố-nhiên là sau khi đặt mảnh bằng tiểu-học, các em theo học ban cao-đẳng tiểu-học (tôi tạm dịch : Junior High School). Thời-gian học-tập là 2 năm ở ban này, các em đã lớn : từ 12 đến 14 tuổi. Họ có chương-trình tương-tự như ở ban Tiểu-học, nhưng sâu rộng hơn. Và đã có những giờ đặc-biệt về các môn hội-họa, đàn hát hoặc cách nấu-nướng, khoa nuôi con, giờ may-vá (tất cả trai lẫn gái). Ở đây các em đã bắt đầu nhận-xét lựa-chọn những môn học đúng với ý muốn của mình. Xong ban Cao-đẳng Tiểu-học, họ có thể nhận thấy rõ-rệt họ thích học môn nào, chuyên-môn về một khoa nào sau này.

Xong ban Cao-đẳng Tiểu-học, các em học ban Trung-học : High School. Thời-gian học là 4 năm. Ở ban Trung-học, các học-sinh đã có thể lựa-chọn những môn học các em cần áp-dụng trong đời sống sau này và hợp với khả-năng, sở-trường của các em (1). Một chương-trình sâu rộng, khúc-chiết, hướng-dẫn và chỉ vẽ cho các em trong công việc lựa-chọn môn học hữu-ích sau này cho các em. Họ tự lựa chọn lấy ; cố-nhiên là nếu họ do-dự, họ có thể gặp các giáo-sư hoặc các người ở trong ban chuyên-môn hướng-dẫn và nâng-đỡ học-sinh trên con đường học-vấn để hỏi ý-kiến. Đại-để có những môn học sau này :

— **Anh-Văn** : *Phạm-vi Anh-văn rất sâu rộng. Có các khoa về văn-chương, văn-phạm, học cách hành-văn để thành ký-giả, thành một chính-trị-gia, một thương-gia, v.v...*

— **Các sinh-ngữ** : *Học-sinh học đủ mọi thứ tiếng nếu có sở-trường về ngoại-ngữ : Nga-sô, Bồ-đào-nha, Y-pha-nho, Pháp, Đức, Tây-ban-nha, Nhật-bản, Trung-hoa v.v...*

— **Các khoa-học xã-hội** : *trong ấy gồm có sử-ký, khoa-học chính-trị, kinh-tế chính-trị và xã-hội-học, hành-chánh, cảnh-sát,... tâm-lý-học.*

— **Môn toán học** : *ở trình-độ trung-học.*

— **Địa-lý** : *nước nhà và các nước trên thế-giới, từ nguyên-thủy đến thời cận-đại.*

(1) Dựa theo tài-liệu « Joy of Teaching » của nhóm Michigan Education Association.

— **Các môn thể-thao và giải-trí lành mạnh** : *các bạn cũng rõ dân-tộc Mỹ ưa-chuộng các môn đá bóng, bóng rổ, base-ball đến mực nào. Mỗi một trường học có đội đá bóng, bóng rổ, bóng cầu của họ, và cứ thỉnh-thoảng lại giao-chiến với ban thể-thao các trường khác để lấy tiếng cho trường mình. Học-sinh và sinh-viên Mỹ-quốc đều hầu hết ham-chuộng các môn thể-thao kể trên và có ban nhạc riêng, có qui-mô riêng biệt.*

— **Các môn thương-mại** : *môn học đánh máy, học cốc-ký, học giữ sổ sách chi-thu, họa-hình, tranh-ảnh, học làm chủ một nhà hàng hoặc quán cơm v.v...*

— **Âm nhạc** : *khoa luyện giọng hát để trở thành ca-sĩ, học đờn mọi thứ nhạc khí.*

— **Canh-nông** : *cách trồng-tỉa, phân bón và nhất là môn vạn-vật-học.*

— **Mỹ-thuật** : *cách dạy trẻ em hiểu biết cái đẹp của vũ-trụ, khoa-học áp-dụng đời sống cho có mỹ-thuật, cách dạy làm đồ gỗ (bàn ghế), nặn tượng-ảnh.*

— **Tề-gia nội-trợ** : *(home economies) : học về bánh trái, nấu ăn, may-vá, cách cai-quản một gia-đình, sự giao-tế với mọi người trong gia-đình và tài-chánh gia-đình.*

— **Các khoa-học về cơ-khí** : *kỹ-sư về điện-lực, kỹ-sư cầu-cống.*

— **Cách diễn-đạt tư-tưởng** : *đọc diễn-văn trước khán-giả. Phần nhiều sinh-viên học nói để đóng kịch, hướng-dẫn một buổi họp, tập bình-luận trao-đổi ý-kiến trong phiên họp, hoặc nói trên các đài phát-thanh và để trở thành một diễn-viên hùng-biện như Danton.*

— **Khoa-học** : *qua các phòng bào-chế, thí-nghiệm, các nhóm khảo-cứu, các cuộc thăm viếng cơ-xưởng. Học các ngành về thuốc, bào-chế. Có một vài môn học, sinh-viên bắt buộc phải học như sử-ký, địa-dư, mẹo luật về Anh-văn. Ngoài ra, sinh-viên có quyền lựa-chọn môn học tùy sở-thích của mình. Điều-kiện chính là cần phải lấp một số giờ học (gọi là credits) cần-thiết trong năm học.*

Sau khi đặt được mảnh bằng « High school Diploma », sinh-viên có thể đeo-đuổi ban Đại-học. Học xong ban Trung-học sinh-viên Mỹ đã có thể tự-túc. Phần đông các gia-đình Mỹ nuôi con, lo cho con ăn học đến bực High School, xong thời-gian này, sinh-viên có thể đủ sức tìm việc làm và tự-túc. Họ có thể hoặc vừa đi làm, vừa đi học, hoặc đi học và trong thời-gian nghỉ hè họ đi làm để kiếm tiền năm sau vào học. Tôi có quen thân với một chị bạn, Theresa O'Leary; sau khi học xong ban High School, Theresa phải ở nhà trong 2 năm trường, kiếm việc làm, dành-dụm số tiền để năm nay tiếp-tục việc học. Nhà Theresa đông con nên tất cả các chị em của Theresa đều tự-túc khi được 17 tuổi, nghĩa là học xong ban High School.

Học ở Đại-học (Collye or University) trong 4 năm, sinh-

viên tốt-nghiệp với bằng Tú-tài (Bachelor of Sciences or of Arts degrees, ta thường gọi là B.S. hay B.A.). Chương-trình học-tập tương-tợ như chương-trình ban Trung-học, nhưng sâu rộng hơn và có tính-cách chuyên-môn hơn. Cách phân-biệt sinh-viên ở mỗi năm giống như ban Trung-học : năm đầu, sinh-viên là : Freshmen, năm thứ nhì họ là Sophomores, năm thứ 3 : Juniors và năm thứ tư : Seniors. Tại M.S.U anh, chị em sinh-viên mới và chưa có bằng B.A. hay B.S. đều phải bắt-buộc ở ký-túc-xá trong năm đầu. Và nếu năm sau muốn trọ tại trường, thì phải nộp một vài giấy tờ hợp-lệ. Các sinh-viên có gia-đình, các sinh-viên ở tại nhà gần trường và sinh-viên trên 25 tuổi có thể xin phép được ở ngoài trường. Cách ăn, ở, sự ăn uống đều theo qui-định của nhà trường. Các nữ sinh-viên và nam sinh-viên ở riêng.

Sau khi có bằng B.S hay B.A, sinh-viên tiếp-tục học trong năm thứ năm : họ là những sinh-viên có bằng cấp (gradnate students) và tùy theo môn học, sẽ tốt-nghiệp hoặc bằng M.S hay M.A (Master of Siences or Master of Arts degrees) sau 1,2 hoặc 2 năm rưỡi học. Họ học chung với các sinh-viên Seniors. Và cuối cùng, muốn hoàn-toàn trên con đường học-vấn họ sẽ học lấy bằng tiến-sĩ (doctoral degrees). Có 3 hạng tiến-sĩ : Doctor of philosophy, Doctor of philosophy for Collge Teachers và Doctor of Education.

Tôi có thể kết-luận rằng chúng ta không thể nào đem Giáo-dục Mỹ-Quốc đối-chiếu, so-sánh với nền giáo-dục chúng ta hấp-thụ từ xưa đến nay. Và chúng ta cũng không thể nào so-sánh văn-bằng cử-nhân hoặc tiến-sĩ Pháp với văn-bằng Bachelor hay Master's degrees của Mỹ. Vì lối học của hai bên khác nhau. Một bên thì chú-trọng nhiều về giáo-dục căn-bản, đến hệ-thống lập-luận cứng chắc của phái học cổ-điển, một bên thì chú-trọng quá nhiều đến thực-tiễn, đến chuyên-môn và đến đời sống thực-tế, bình-nhật. Và nền giáo-dục của Mỹ-quốc uyển-chuyển, thay đổi tùy theo tập-quán, lệ-thuộc tư-tưởng và ý-kiến của dân-chúng từng xứ một. Mỹ-Quốc quá sộng lớn, mỗi một xứ của Mỹ-Quốc có luật-lệ riêng-biệt, có tập-quán riêng-biệt và những xu-hướng hoặc quá hữu, hoặc khuynh-hữu tùy-thích. Chẳng hạn như ở xứ Nữu-Ước, nền giáo-dục khắt-khe hơn, và đã có những trường học công-giáo chỉ nhận hoặc sinh-viên nam hoặc sinh-viên nữ mà thôi, và cũng đã có những trường học bắt buộc sinh-viên học một số môn học họ cho là căn-bản, cần-thiết.

Tôi quên nhấn mạnh ở điểm là con em, trai gái đều chung đụng ở một mái trường từ nhỏ đến lúc trưởng-thành. Chắc cũng vì vậy mà có những tập-tục hay hay giữa sinh-viên nam và nữ.

Ước gì, học sinh và sinh-viên Việt-Nam được đủ mọi điều-kiện để mở-mang trí-tuệ và thỏa-mãn óc hiếu-học của tuổi trẻ.

NGUYỄN-XUÂN-LAN

CHIM BẰNG LẠI BAY

CHIM bằng ơi ! Chim bằng ơi !
Mừng nay người lại được thảnh-thơi :
Cất cánh bay cao tít tận giời.
Khói mây muôn trượng thích ngang dọc,
Đường lên vun-vút hả nhường ai !

CHIM bằng ơi ! Chim bằng ơi !
Tưởng những khi : Người đương dong duổi đua tri tài !
Nhẹ cánh nhanh chân đè các loài,
Những toan vượt biển ra thế-giới,
Cắp cả năm Châu làm đồ chơi.

CHIM bằng ơi ! Chim bằng ơi !
Bấy giờ chí-khí vượt trần-ai,
Âm-ầm uy-thế một không hai;
Đến đâu : quỉ thần kêu khóc, trời đất sợ,
Mây tung gió động, sông núi tả-tơi,

CHIM bằng ơi ! Chim bằng ơi !
Ngờ đâu một cơn giông-tố dủi tới nơi !
Tấm thân cao-quý bỗng sa vời,
Cuộn cánh nằm co trên bãi cát,
Nấp bóng im hơi chịu đợi thời.

CHIM bằng ơi ! Chim bằng ơi !
Sẻ gì cú vọ giống phi loài,
Thấp hèn đâu biết chí-khí ngươi !
Thấy cơn sa lỡ mắc nguy-hiểm,
Múa mỏ khua chân khúc-khích cười,

CHIM bằng ơi ! Chim bằng ơi !
Kẻ chi ghen-ghét truyện trên đời,
Chi ta, ta giữ bao đồi rời.
Ngày nay thời-vận có khi tới.
Còn tài nào còn tiến khi nào thôi.

CHIM bằng ơi ! Chim bằng ơi !
Bấy lâu nuôi chứa dư tức rồi,
Một vỗ cánh lên, lại mù khơi.
Sấn mây vùng-vẫy tự-do thích,
Ngươi gắng sức lên cho chúng coi.

CHIM bằng ơi ! Chim bằng ơi !
Ta mong ngươi, ta chúc cho ngươi.
Mông-mênh cõi đất còn dài,
Cánh bằng còn vỗ tung giời còn cao.

T. T. K. (Phú-Lâm)

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIÉTÉ ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74, Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067.— Boîte Postale N° 40 — SAIGON

BUREAUX AUXILIAIRES

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-Thánh-Tôn
Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.
Tél. ; 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE
VIETNAM : SAIGON
CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM
MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Coffres-forts par l'Agence de Saigon.

Toutes Opérations de Banque et de Change.

BUTAGAZ, hơi đốt dùng nấu nướng tốt nhứt

SẠCH-SẼ
TIỆN-LỢI
ÍT TỐN KÉM

B – Đốt cháy liền
U – Khỏi mất ngày giờ
T – Không khói, không bụi
A – Dùng nấu nướng các thứ
G – Không làm nhứt đầu hay cay mắt
A – Khỏi phải coi chừng ngọn lửa
Z – Một bình hơi dùng:
bằng 120 kí-lô than
hoặc 2 thước củi
hoặc 135 ki-lô-vát điện

HÓA-PHẨM SHELL

TỔNG PHÁT HÀNH:
POINSARD & VEYRET

SỮA «HAI CON BÒ»

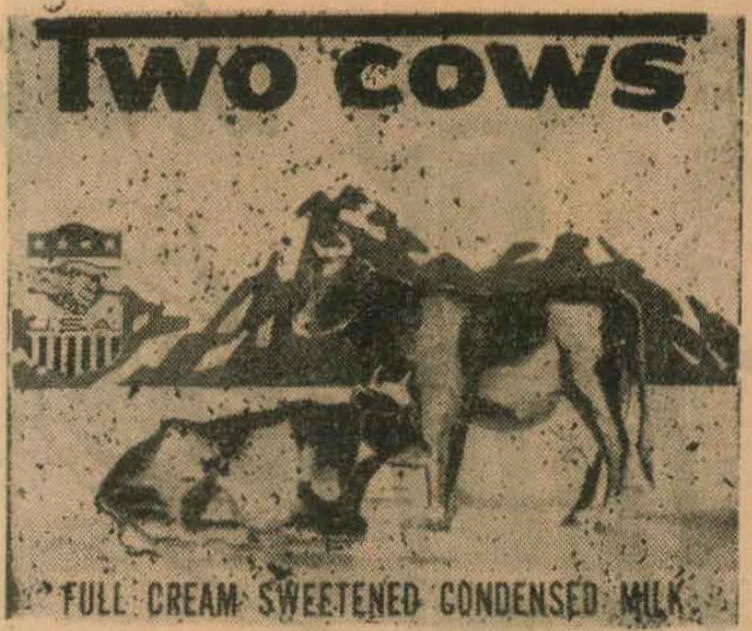

ĐƯỢC VIỆN PASTEUR SAIGON CHỨNG-NHẬN LÀ MỘT THỨ SỮA CÓ ĐỦ CHẤT BỔ CHO TRẺ EM DÙNG

VIỆT-TIẾN CÔNG-THƯƠNG XÃ

(V.I.T.I.C.O.)

XUẤT-NHẬP-CẢNG

S. A. R. L. VN$ 1.150.000

97, Đại-lộ Hàm-Nghi — 2, đường Nguyễn-văn-Sâm
55, đường De Lattre de Tassigny—SAIGON

Số ghi sổ thương-mại : 107—B—Điện-thoại 23.136—22.201

Địa-chỉ Điện-tín : VITICO SAIGON

■

ĐẠI-LÝ ĐỘC-QUYỀN :

- **Vỏ ruột « YOKOHAMA »** **(Nhật-bổn)**
- **Xe hơi RELIANT REGAL** **(Anh-Quốc)**
- **Xe máy dầu FRANCIS BARNETT** **(Anh-Quốc)**
- **Sơn SISSONS BROTHERS** **(Anh-Quốc)**
- **Bóng đèn OSRAM** **(Đức-Quốc)**

TRUYỆN NGẮN

NGƯỜI TÙ

VÕ-PHIẾN

ÔNG già Đỗ-Nghĩa-Hành đã sắp chết đến nơi rồi. Từ xế chiều hôm qua, ông ta đã hết cử-động được. Hơi thở nhỏ thoi-thóp. Miệng ông ta sùi ra một cục bọt bằng ngón chân cái, trắng phau. Qua một buổi chiều, một đêm và nửa buổi mai, mặt ông già Hành vẫn trơ-trơ ngửa ra với cục bọt cua như thế, không nghiêng không trở được. Người ta đã gỡ đi hai miếng ván sát bên chỗ ông ta nằm để mỗi phía trống bốn tấc tây. Vì lý-do vệ-sinh, hai người bạn tù nằm sát cạnh ông trong đêm vừa qua, được phép mang mảnh ván của mình đặt xuống đất nằm ngủ. Nhưng cách ông già Hành bốn tấc thì người ta lại nằm san-sát. Tình-trạng ấy không lấy gì làm dễ chịu, nên tuy không ai mở miệng ra nhưng những người xung quanh, đều ao-ước cho ông ta chóng chết được nội ngày hôm nay để khỏi cùng ngủ chung với họ một đêm nữa.

Sáng hôm ấy, cắt công-tác cho tù, người ta chừa lại hai người để lo chôn ông già. Hai người đã đi đẵn tre về, đang chẻ ở ngoài sân. Trong phòng chỉ còn lại ông già Hành, tôi và Trần-kỳ-Vỹ. Tôi bị cầy trên rừng ngã đè trặc chân, không đi hành-dịch được ba ngày rày, còn Trần-Kỳ-Vỹ, không biết gã đau bệnh gì mà cũng nằm trong phòng hai ngày rồi. Dáng điệu của gã khiến tôi nhiều lần nghi-ngợi, nghi-hoặc. Còn gã thì hình như lại có ý thù-thế đối với tôi, len-lét nhìn chừng tôi, và khó chịu ra mặt về sự hiện-diện của tôi trong phòng. Chiều hôm qua, từ lúc ông già Hành cứng miệng lại không nói được thì tôi thấy gã nhiều lần tìm cớ mon-men đến gần cái xác ấy. Gã dám sờ lên ngực, lên bụng ông già rồi ngoảnh lại nói với tôi : « Còn nóng. Dai dữ đa ». Có lúc bàn tay của gã ngừng lại trên vạt áo ông già Hành quá lâu, mắt gã liếc nhanh về phía tôi đôi ba lượt. Tôi đinh-ninh là gã định tâm móc túi ông già này vét lấy một món tiền hay những bảo-vật nào đó mà gã đã rình-rập nom thấy và để bụng. Sáng nay thì gã tỏ vẻ nôn-nóng, lo-lắng hết sức. Ngoài sân kia người ta đã chẻ tre. Thời-gian đã gấp rút lắm rồi. Chỉ còn tính giờ, tính phút nữa mà thôi. Gã không thèm nói chuyện với tôi nữa. Có lúc gã nằm sụp xuống, im thin-thít, mặt hướng về xác ông

già Hành, gã nhìn như thôi-miên cái xác, như bị thu hút về phía ấy. Tưởng như gã muốn tôi yên-trí là gã đang ngủ. Nhưng tôi vẫn theo dõi gã sát từng cử-chỉ, cho đến khi gã sẽ lén liếc mắt nhìn về phía tôi. Và cặp mắt gã gặp phải cặp mắt tôi. Thế là gã ngồi dậy, đứng lên, kiếm chuyện đi lăng-xăng, lướt qua lướt lại bên cái xác ông già Hành.

Điều khiến tôi nghĩ-ngợi là Trần-Kỳ-Vỹ từ trước tới nay chưa hề trộm cắp của ai trong nhà lao. Tôi không từng giao-du với gã thân-thiết, nhưng đã có bận tôi được xếp nằm sát bên gã trong hai tháng trời, nên cũng biết ít nhiều về gã. Gã còn thanh-niên, mới có 19 tuổi. Gã đã gầy còm, ghẻ lở khá nhiều, tóc rụng thưa sau một trận đau chí-tử, nhưng dáng-điệu hãy còn nhanh-nhẹn, thái-độ bất-thường, có lúc bướng-bỉnh. Đôi khi tôi bắt gặp gã đứng dạng chân ra, quặt hai tay ra sau đít, hít mạnh một khói thuốc rồi cúi đầu xuống thở khói ra, cử-chỉ của một người quên mình đang ở trong lao-tù. Bướng, hay cãi-cọ ồn-ào, nhưng lắm khi gã biết nín lặng, bí-mật. Tôi cũng đã để ý bắt gặp được những cái lặng-lẽ đầy u-ẩn của gã. Mỗi lần nhận được đồ tiếp-tế của gia-đình, tự-nhiên gã buồn xịu, rồi đêm đến nằm bên tôi, gã khóc thút-thít nhỏ-nhỏ. Đồ tiếp-tế của gã không có gì là quí giá : hoặc một cái quần cụt, hoặc một cái áo cụt, có khi đã cũ, nhưng lần nào cũng kèm theo một ít đồ ăn, khi thì thịt cá, khi thì bánh ngọt. Tôi đã trông thấy vẻ chăm-chỉ của gã khi gã giơ một cái gáo dừa lên cao, nghẻo đầu nhìn lực-soát để vét cẩn-thận những chút mắm ruốc dính vào thành gáo, vét đến đâu đưa lên miệng mút đến đấy. Gã đương ở vào cái tuổi thèm ăn, thèm ngủ, sự thiếu-thốn trong lao càng làm cho gã quí miếng ăn. Thế mà mỗi lần nhận được đồ ăn tiếp-tế từ nhà gửi vào, cơ-hồ gã không màng để ý đến. Gã khóc và để yên gói đồ, không hề đụng chạm đến có hai ba hôm. Rồi sau gã mới mở ra ăn dần từng tí, như thích cái lúc mở ra và gói lại hơn là thích ăn. Khi gã nằm đêm khóc bên cạnh tôi, tôi lay vai gã hỏi-han, những gã không hé răng nói gì về chỗ bí-ẩn của mình cả. Một hôm, ở trong rừng, tôi giúp gã hạ một cây cầy to hơn bắp vế bằng hai cái rựa tranh của gã và của tôi, hạ xong, trày nhánh-nhóc rồi, chúng tôi ngồi thở. Gã chạy đi bứt một nắm lá chiều trở lại ngồi chà cho trơn hai chiếc đũa chuốc bằng cây cứt-cu. Tự-nhiên lúc ấy, trong cái vắng-vẻ của một góc rừng sâu, gã kể cho tôi nghe qua về gia-cảnh của gã. Cha mẹ gã chết hết rồi. Gã chỉ còn lại một đứa em bé gái lên bảy tuổi, một người anh trai với người chị dâu đã có hai con, ở chung nhau trong một căn nhà nhỏ tại xóm dân chài ở Qui-Nhơn. Người anh đi

làm nghề nuôi cả gia-đình và cho gã ăn học. Nhưng gã được tin rằng người anh ấy cũng vừa mất hai tháng sau khi gã vào tù, mất ngoài khơi trong một trận bão. Bây giờ ở nhà chỉ còn lại người chị dâu sống để nuôi em, nuôi con, để lo cúng giỗ và để thương-xót gã. Gã hết sức cảm-động. Còn tôi thì lấy làm lạ-lùng về cái tình thương của người chị dâu ấy. Gã bảo rằng gã để ý thấy lần tiếp-tế nào cũng đúng vào một hôm sau ngày giỗ trong gia-đình. Chắc là người chị muốn cho đứa con trai độc-nhất còn sót trong giòng họ được chia sẻ những món đồ cúng-quảy tổ-tiên. Và muốn thế, chị đã phải mang gạo theo ăn đường hai ba ngày để đi và về bộ gần một trăm tám mươi[1] cây số từ Qui-nhơn đến nhà lao. Lần nào cũng như lần nào, từ sau khi anh dã gã mất đi đến nay, cứ đến một cái giỗ lớn trong gia-đình là thế nào vài hôm sau gã cũng nhận được tiếp-tế. Gã tự hỏi chị gã gửi con cái, nhà cửa cho ai để đi xa-xôi như thế. Đã gần ba năm như vậy rồi. Lòng chu-tất ấy khiến gã đau-đớn. Gã cũng nói với tôi ý-nghĩ cho rằng có lẽ đó là do tình-yêu đối với người anh quá cố hơn là tình thương trực-tiếp đối với gã. Tình-yêu người đàn bà đối với chồng thiết-tha như thế nhưng chưa chắc đã được lâu bền. Và khi người chị dâu ấy bắt đầu nghĩ đến một người đàn ông khác thì nhà cửa, em út cửa gã, và chính bản-thân gã trông cậy vào đâu ? Cho nên gã xúc-động bồn chồn, mà đôi khi lại phẳng-phất lo-âu.

Gã ngừng lau chiếc đũa, ngừng nói, ngẩng mặt lên nhìn con chim rẻ-quạt vừa sà xuống đậu trước mặt gã. Rồi gã lượm bậy một miếng dăm cây, giang tay ném mạnh về phía con chim cho nó bay vù đi. Gã vùng đứng dậy, dứt-khoát như không còn dính-dáng gì đến câu chuyện vừa nói. Chúng tôi mỗi người vác khúc cây của mình về trại. Từ đó về sau, gã và tôi không nhắc-nhở gì lại chuyện cũ.

Tôi chưa nghe nói gã trộm cắp của ai. Nhưng thái-độ gã hai hôm nay phải khiến tôi nghi-ngờ. Mỗi lúc gã mỗi nóng-nảy, nôn-nao. Gã xoắn-xuýt quanh cái xác hấp-hối của ông già Hành. Con mắt gã liếc nhìn về phía tôi có lúc giận,dữ, cáu-kỉnh có lúc tha-thiết van-lơn, có lúc tuyệt-vọng. Đến nỗi cuối cùng tôi đành giả vờ ngủ quên lim-dim mắt lại. Đáng lẽ tôi quay mặt vào phía trong vách một lát cho gã an-tâm, nhưng tôi tò-mò. Tôi thấy gã dừng lại nhìn tôi ngần-ngại, ngó ngoái ra cửa phòng một chút, rồi bước thẳng tới cái xác. Trái với ý tôi đoán, gã không đụng gì đến hai túi áo ông già mà đưa một tay nâng nhẹ đầu ông ta lên, còn tay kia luồn vào cái bọc vải kê dưới đầu rút ra một chiếc hộp thiếc dẹp lớn bằng nửa bàn tay. Gã vừa ngó chừng tôi vừa bỏ gọn-gàng chiếc hộp vào túi. Gã đi lại tấm ván của mình nằm xuống liếc tôi. Dần-dần gã gõ nhịp rồi lên tiếng hát ra vẻ thư-thái, tự-nhiên. Nhưng trước khi tôi mở mắt ra, gã đã lại đứng dậy nói lớn : " Gọi hai cậu kia vào đem chôn thì vừa, ông cụ hình như hết thở rồi ". Vừa nói gã vừa đi ra ngoài phòng. Tôi chưa kịp hiểu ý-định của gã như thế nào. Một lát sau, khi gã vào, trông lại túi áo nhẹ trơn của gã, tôi mới hay là gã đã kiếm cớ đánh tháo cái hộp kia ra khỏi phòng rồi.

Ở trong tù không có hơi sức đâu đi giận một hành-động đê-tiện, xấu-xa, một việc trộm-cắp. Nhưng đối với gã, giữa con người có cái tâm-sự u-ẩn mà tôi biết về gã với những cử-chỉ vừa rồi xa-lạ nhau quá, khiến tôi khó chịu, thắc-mắc. Vả lại từ lâu nay, đối với ông già Đỗ-nghĩa-Hành, gã cũng có một thái-độ riêng, có

gì khác với mọi người. Tôi đã bảo rằng gã bất thường và bướng-bỉnh, nhưng chưa hề bao giờ gã bướng với ông già Hành. Cố-nhiên không phải ông già Hành dữ-tợn hơn gã vì ai ai cũng biết ông ta thật-thà gần đến khờ-khạo. Cũng không phải gã trọng-vọng gì tài đức già Hành, vì rằng giữa cái sinh-hoạt hỗn-độn trong lao, tài-ba khó bề thi-thố mà đạo-đức cũng khó bề sáng-tỏ được. Và lại, chẳng có mấy ai

chăm-chỉ theo dõi tán-thưởng những món ấy. Thế mà có những lúc gã đang bừng-bừng gây-gổ về một vấn-đề, bỗng nghe dính líu đến ông già Hành là tự nhiên gã xịu xuống như một thỏi sắt đỏ rút ra khỏi lò đem dụi vào tro. Gã lơ đi, lảng tránh đi mà không ai biết tại sao. Già Hành không nói tại sao, gã cũng không hề nói tại sao, thế mà gã luôn-luôn có vẻ ké-né, nể mặt, và khi phải giáp mặt thì e-dè đối với già Hành. Những khi người ta chọc ghẹo, chế-diễu già Hành - mà người ta rất thường hay chọc ghẹo, chế-diễu - thì gã không a theo, cũng không bênh-vực mà chỉ lánh đi. Già Hành đã gần sáu mươi tuổi và lãnh cái án hai mươi năm khổ-sai. Nếu ông ta không sủi bọt cua lên mà chết thì vào khoảng tám mươi tuổi, ông ta sẽ chống gậy trở về nhà. Hỏi về nguyên-do khiến nên tù tội, ông ta than-phiền rằng lỗi tại ông muốn làm phúc cứu người. Về sau bị cán-bộ cộng-sản giảng-giải mãi, dọa nạt mãi, ông chịu rằng đó là một sự rủi-ro.

Nguyên ông ta có một chiếc ghe cũng như bao nhiêu dân chài khác ở Qui-nhơn. Khi quân-đội Pháp đổ-bộ lên hải-cảng này thì theo một kế-hoạch đã định trước, tất cả dân chài đều nhận chìm ghe của mình xuống dưới nước để tránh sự đốt phá. Nhưng lần đổ-bộ này, quân-đội Pháp ở lại thành-phố khá lâu, mà ghe thì không bằng lòng ở dưới nước lâu đến thế. Nhiều người trong xóm thì-thầm lo-ngại, mưu-tính rồi nảy ra sáng-kiến. Họ bảo nhau kéo đến nhà ông già Đỗ-nghĩa-Hành bầu ông ta làm đại-biểu lấy cớ rằng ông ta là là người tuổi-tác, được tín-nhiệm cả vùng, lại thông chữ nghĩa. Đại-biểu sẽ có nhiệm-vụ trình một lá đơn lên cấp chỉ-huy quân-đội Pháp để xin phép vớt ghe thuyền lên mà khỏi bị phá hủy. Ông già Đỗ-nghĩa-Hành không tìm thấy có điều gì phi-pháp trong việc cứu cho lũ ghe khỏi mục và bạn chài khỏi đói, nên ông ta lấy dù ra đi tìm chỉ - huy - sở của quân-đội Pháp. Ông già Hành được đón tiếp niềm-nở. Ông ta được mời ngồi trên một chiếc xe « díp » nhà binh đi cùng với một sĩ-quan ra tận bờ biển. Cả thành-phố Qui-Nhơn đều trông thấy ông già Đỗ-Nghĩa-Hành chấp-chới trên chiếc xe díp nhà binh sập mui cũng như tất cả dân-chúng thành-phố nọ đã trông thấy con lừa dẹp-dẽ của đức Giáo-Hoàng luýnh-quýnh

trên gác chuông nhà thờ trong câu chuyện cổ-tích xứ Provence. Già Hành bất ngờ được mời lên xe và xe phóng đi cấp-tốc, trong khi ông ta chưa kịp nghĩ đến việc xếp chiếc dù. Gió lồng vào dù giật mạnh ra sau, ông già Hành khom lưng cố sức ghì lại. Dân-chúng Qui-Nhơn ghi nhớ mãi cái hình-ảnh ông già Hành khom lưng giật dù trên xe ấy, và đã kể lại cho nhau nghe khi tòa-án cộng-sản xét-xử ông già. Tòa xét rằng Đỗ-Nghĩa-Hành đã mang đơn đến trình quân-đội Pháp tức là đã thừa-nhận và phục-tùng quyền-hành của giặc, là đã phản-bội, đã đầu-hàng, đáng tội tử-hình. Ông già Hành đứng trên cái bục đất cao của một « tòa-án nhân-dân » giữa trời khóc như mưa như gió, mặc cho gió mạnh đánh lật-bật những vạt áo, ống quần của mình. Đó lại là một hình-ảnh nữa của già Hành mà dân-chúng còn ghi nhớ, lần này thì chiếc dù lại móc deo sau vai. Kết cuộc tòa tuyên-án hai mươi năm khổ-sai.

Một con người như thế đi vào tù còn bị chế-diễu mà Trần-Kỳ-Vỹ lại biệt-đãi, nề-nang. Gã đã biệt-đãi, nề-nang ông già một cách cực-kỳ khó hiểu từ đầu chí cuối, thế mà khi ông ta chỉ còn cách cái chết có nửa hơi thở nữa thì gã lại nhất-định xấn đến lột cho kỳ được một món tiền... Ừ mà cái hộp đó đựng tiền bạc hay là gì nhỉ ?

Tôi nghĩ-ngợi mãi về hai cái bí-mật : thái-độ của Trần-kỳ-Vỹ và những gì đựng trong cái hộp gã đã đánh cắp. Mỗi lúc, trí tò-mò mỗi thúc-dục. Ngay chiều hôm đó, trong lúc đi tiểu, tôi hỏi gã bên một góc rào : « Cái hộp cậu lấy của già Hành để đâu rồi ? ». Gã xoay lại nhìn kỹ tôi rồi trợn mắt :

— Hả ? Cái gì ?

Nhìn thẳng vào cặp mắt tròn xoe và hai cái môi mỏng dính đang mấp-máy của gã, tôi bình-tĩnh nói :

— Cái hộp cậu lấy của già Hành.

Gã cười khẩy, ngó xuống đất, toan quay lưng bước đi.

— Đừng giỡn chứ.

Tôi gọi giật lại :

— Này, nói cho biết : tôi thấy quả tang, thấy cậu lấy, thấy cả chỗ cậu cất chiếc hộp nữa đấy. Nếu muốn, tôi phát-giác cho mà coi.

Gã quay phắt lại nhìn tôi lo-lắng. Tôi nói tiếp :

— Chiếc hộp già Hành để trong bọc vải kê dưới đầu, cậu mới móc trộm sáng nay. Lúc đó tôi giả vờ lim-dim mắt để nhìn cho biết. Cậu đừng tưởng tôi ngủ.

Gã bối rối :

— Không có gì trong ấy đâu. Không có tiền bạc gì đâu. Tôi thề với anh là không có bạc, không có lấy một đồng...

Tôi cười mỉa :

— Hừ, không có bạc thì cậu rình mò suốt hai ngày để lấy cái hộp không, chạy lén đi cất dấu để chơi à ?

Gã hoảng-hốt, giọng van-lơn, năn-nỉ :

— Anh đừng to tiếng tụi nó nghe được. Tôi xin anh, tôi đưa tất cả cái hộp lại cho anh. Thề với anh là không có tiền bạc gì ráo. À, có sổ thuốc gia-đình ông ta mới tiếp-tế : đa-dê-năng, át-pi-rin, ký-nin, mấy ống ê-mê-tin nữa, anh lấy hết. Để rồi tôi đưa tất cả, nhưng anh đừng nói với ai.

Gã vẫn cứ đứng, đăm-đăm ngó tôi. Tôi lại cười khích :

— Cậu láo. Cậu tưởng rồi người ta không điều-tra ra à ? Nếu không định lấy gì cả thì cậu ăn cắp chiếc hộp làm gì ? Tôi mà phát-giác ra thì rồi cậu xem người ta có khám-phá ra không ?

Gã cuống-quít trông thấy. Gã xích lại bên tôi, đứng lặng một lát, ngần-ngừ rồi nói :

— Tôi sẽ nói với anh. Nói tất cả, tất cả. Ừ, tôi nói thật hết, nhưng anh đừng nói lại với ai, anh phải thề như thế với tôi mới được.

Giọng gã nho-nhỏ, mắt trông xuống đất. Nói xong không quan-tâm đến tôi, gã bỏ đi. Không biết gã vào làm gì trong phòng, một lát sau gã lại ra, kéo tay tôi đến đứng dựa một gốc cây chim-sẹt ở góc sân như người ta đứng hóng mát. Nhìn trước, nhìn sau, chắc-chắn là không có người ở gần gã, gã bắt đầu nói :

— Trong cái hộp ấy không có bạc đâu, thực tình không có bạc đâu. Nhưng có cái thư của Nhung. Nhưng ấy mà... Nhung là con gái ông cụ Hành ấy và là... là... Ờ mà anh có biết tại sao tôi phải vào tù không ? Tôi cần phải nói cho có đầu đuôi, chỉ tại ông cụ Hành và tại Nhung. Ông cụ viết lá đơn đưa cho quân-đội Pháp xin vớt thuyền lên, ông ta lại bảo tôi dịch ra tiếng Pháp. Tôi không thể từ-chối được, chắc anh cũng biết là tôi không thể nào từ-chối được, vì... là vì có Nhung, vì tôi không muốn từ-chối ông cụ của Nhung cái gì cả. Anh biết đấy, tôi với Nhung như thế...

Gã diễn-tả khó-khăn, lúng-túng, quanh-quẩn. Tôi biết chắc là lần đầu gã cởi mở tâm-sự của mình, gã còn thẹn-thùng, bẽn-lẽn, gã quanh-co, luống-cuống. Tuy thế, tôi cũng đã hiểu gã muốn bảo rằng gã yêu cô con gái ông cụ Hành, và do đó mà gã dúng tay vào công-việc xin-xỏ của ông cụ rồi bị kêu 10 năm tù. Tục-ngữ xứ Triều-Tiên có câu : « Muối ở nước mà ra, nhưng nếu rơi vào nước thì muối chảy. Đàn ông do đàn bà mà ra, nhưng nếu trở lại với đàn bà thì tức-khắc phải hỏng ». Gã hỏng vì một người đàn bà rồi. Tôi đã biết gã vừa nghỉ học là bị bắt, nhưng tôi chưa biết rõ gã đã học đến lớp nào. Gã dịch được một cái đơn ra chữ Pháp thì cũng khá. Thế mà trông người gã lúc này không còn hình-dáng một anh học-sinh nữa. Tóc gã rụng, sói cả đầu. Hai vai nhô như con quạ mặc áo. Da-dẻ gã khô róc, nổi vảy lên sần-sùi, và lại có vẻ nhăn-nheo nữa. Gã ốm như một con heo nái đẻ. Hơi thở nóng rừng-rực, khô-ráo cả môi-mép.

Tôi hỏi :

— Thế từ ngày cậu bị tù cô ta có thường thư-từ thăm cậu không ?

— Thư-từ hả ?... thư-từ... Không có được đâu. Chắc là thế nào cũng gửi, nhưng không tới được. Chắc-chắn là có gửi chứ. Nhưng chúng mình thì chỉ nhận được đôi ba giòng chữ rất cần-thiết của gia-đình thôi, ngoài ra họ chặn lại hết. Anh biết đấy, chắc là có mà tới sao được phải không ? Lần nào thư của chị tôi gửi vào cũng do chữ Nhung viết.

Gã che-chở cho Nhung, cho tình-yêu của gã, chống mọi sự nghi-ngờ của tôi. Gã tự-ái. Do đó, gã bạo-dạn lần-lần và nói rất hăng-hái. Gã chứng-minh với tôi rằng không còn gì chắc-chắn bằng việc Nhung yêu gã, việc gã đã từng tình-tự với một người con gái. Và hiện bây giờ, mặc dù gã ở đây, trong tù, vẫn có một cô con gái thương nhớ, trông chờ gã ngoài xã-hội tự-do. Rồi gã lý-luận về tình-yêu :

— Thứ nhất. Tôi cho rằng không có gì thú, sung-sướng bằng yêu nhau. Này, anh nhỉ, con gái họ cũng sung-sướng lắm anh nhỉ. Tình-yêu thật là tuyệt thú, hả ?

Tôi hỏi :

— Cái thư cô ta gửi cho ông cụ Hành có nói gì đến cậu mà cậu quí thế. Hai cô

cậu đã công-khai trước gia-đình rồi à ? Ông cụ Hành biết rồi à.

— Ồ không... Không... Chưa. Nghĩa là tôi chưa nói đó thôi. Cũng gần như công-khai rồi. Nhưng trong thư, anh biết đấy chứ, nói đến tôi sao được ? Chắc-chắn là Nhung muốn nói, cố-nhiên như thế, nhưng nói sao được, anh biết đấy chứ !

Gã nói rồi nhìn chằm - chặp vào tôi, nhưng có vẻ nghĩ-ngợi, xa-vắng. Rồi gã lại nói chậm, nho-nhỏ :

— Giữ lại để làm kỷ-niệm nét chữ của người yêu mà.

Bắt đầu từ chiều hôm đó, gã lại đuổi theo tìm tôi. Bất cứ lúc nào hễ có dịp là gã mon-men đến bên tôi, ngó trước ngó sau, rồi bắt tôi nghe tâm-sự của gã. Gã đâm ra ghiền tôi, không xa nổi tôi được lấy ba ngày ba đêm.

Cái lối gã nói về chuyện yêu - đương không có gì là tục-tĩu, nhưng thực là sôi-nổi, vồ-vập, bọt miệng trắng-trợn, như dồn hết ra miệng cái cảm-giác háo-hức của người đang thưởng-thức, như người đói nói về chuyện ăn-uống, vừa nói vừa chắp, vừa nuốt nước bọt. Chẳng hạn đang nằm trong bóng tối gã cấu vào tay tôi, thì-thào ;

— Này, da thịt con gái nó có cái mùi thơm-tho riêng, anh có thấy thế không ? Tôi chắc là chỉ những người chưa chồng mới có cái mùi thơm-tho ấy. Hôn một lần rồi không làm sao quên được... Này, hôn nhau không biết mấy lần rồi đấy nhé, hôn tay, hôn chân, hôn má, cổ, mặt mũi, khắp hết, khắp hết...

Gã lại cấu vào tay tôi thêm mấy cái ra dấu thông-cảm. Cứ thế, càng ngày gã nói với tôi càng liều-lĩnh. Gã bảo cả với tôi rằng gã đã chung-chạ với con gái ông già Hành rồi, gã và cô ta đã coi nhau như vợ chồng thực rồi. Gã đã biết hết, biết tất cả, chiếm được tất cả của cô ta rồi. Gã đã từng có một người con gái trọn-vẹn của gã.

Đôi ba lần tôi nhắc đến những lá thư do Nhung viết mà gã đã sưu-tầm cất giấu. Nhưng có điều lạ-lùng là gã cứ tránh trút không chịu tiết-lộ những tang - chứng ấy của tình-yêu.

Tôi nhớ cái lần cuối-cùng mà gã nói chuyện ái-tình cho tôi nghe là một đêm giữa mùa đông. Trời không mưa mà rét lắm. Gã chỉ có một mảnh bao lát rọc ra, cuộn tròn bọc lấy người thay cho cả chiếu mền. Gã lết sát người vào tôi, xì-xầm tả hình-dáng của Nhung, vẽ lại một đêm tình-tự bên bờ bể, sóng vỗ ì-ầm bên chân, ánh đèn ghe chài ngoài khơi. Câu chuyện kéo dài ra và dần-dần gã lại trắng-trợn bọt miệng thuật hết những chuyện hôn-hít, gần-gũi. Thỉnh-thoảng, tôi chận lời gã lại để nghe tiếng một con nai kêu bép-bép sát bên hàng rào trại hay tiếng con cú vọt bay đến đậu trên cây trước mặt phòng.

Sáng ra, thức dậy, tự-nhiên gã tê-điếng đi một chân một tay, không đi hành-dịch được. Trưa đi làm về, tôi sờ gã thấy nóng hừng-hực. Gã nằm li-bì suốt ba ngày. Rồi thì bụng gã chướng lên và chân-tay mặt mày phù to. Hơi gã thở và tất cả hôi-hám tiết ra từ người gã lúc nầy hôi lạ kỳ, khiến không ai có thể đến gần được. Rồi gã lại sủi lên một cục bọt cua trắng phếu bên mép. Người ta đã cắt ra hai phạm-nhân đẫn tre về chẻ ra để chuẩn-bị chôn gã.

Chiều hôm đó có tiếng loa gọi tên gã ra nhận đồ tiếp-tế, nhưng gã không còn tai để nghe nữa. Gã chỉ còn trơ ra một cái xác. A, ngày này lại là một ngày giỗ trong gia-đình gã, và chị dâu của gã vẫn còn nghĩ đến gã chu-đáo. Tình-yêu kiên-nhẫn của người chị dâu đã đủ sức duy-trì lâu bền hơn cuộc đời của gã, trái với sự lo-lắng của gã...

Tôi rón-rén lại sờ tay lên người gã thăm chừng. Tay tôi rờ lên ngực gã, áp mạnh xuống chạm phải một cái gì cộm lên như một cây bút chì luồn trong áo. Cái bí-mật gì của gã đây ? Nhưng dẫu là cái bí-mật gì thì gã cũng chỉ cần giữ kín đến đây là vừa đủ, tới lúc này thì sự tiết-lộ quan-trọng nào cũng không còn có thể hại gì tới gã nữa. Tôi lần tay vạch áo xem thì hóa ra gã đã xẻ một cái miệng nhỏ trong yếm-tâm, biến nó thành một cái túi dài và hẹp, cất vào trong ấy sáu lá thư cuộn tròn lại. Bốn lá thư của chị dâu gởi cho gã, một cái của cô Nhung gửi cho ông già Hành, và dài nhất, cũ rách nhất là cái thư của cô Nhung gửi cho gã, cho Trần-kỳ-Vỹ. Người chị dâu gửi cho gã lần nào gần như cũng chừng ấy lời viết đi viết lại : « *Cả gia-quyến được bình-an, và em Na, cháu San, cháu Lê cũng được bình-an. Và bà con chòm xóm cũng đều bình-an mạnh giỏi. Ai nấy đều mong-mỏi cho chú mau được hưởng khoan-hồng mà trở về. Lần này chị gởi cho chú...* ».

Bức thư mà gã đã rình-rập đánh cắp của ông già Hành cũng không dài hơn và cũng không khác cái nội-dung ấy bao nhiêu. Quả như lời gã nói, cả hai thứ thư đều cùng một chữ viết của cô Nhung. Còn cái thư của Nhung gửi cho gã thì dài gần ngót một trang giấy, viết nắn-nót nhưng mực đã phai nhòe, giấy đã nát lắm rồi. Lá thư bắt đầu :

Kính gửi anh Vỹ,

Từ ngày quen biết anh, em cũng thường suy-nghĩ tới anh luôn. Và gia-đình em cũng khen anh là người có học-thức, và ba em cũng khen tính nết anh lắm và bảo anh có đạo-đức tác-phong, em đã nhận được của anh hai lá thư, nhưng không trả lời là vì em sợ liên-lạc trước với nhau như vậy thế nào rồi cũng có người biết được, sợ có tiếng dị-nghị, và em không muốn có dư-luận bất-chính. Vậy em kính gửi lá thư này để anh trù-liệu trực tiếp với gia-đình ba má em. Và em thường suy-nghĩ tới anh...

Ngày tháng đề cuối lá thư chỉ cách ngày Trần-Kỳ-Vỹ bị bắt giam có một tháng, cách ngày Pháp đổ-bộ Qui-Nhơn có mười ngày. Chỉ mới nhận được có lá thư đầu-tiên, viết bằng cái giọng ấy. Và chỉ có mười ngày. Thế này thì làm gì gã đã có thể hẹn-hò tình-tự với người yêu như lời gã nói ? Tất cả những chuyện hôn-hít, chuyện-trò, vuốt-ve, mơn-trớn mà gã đã kể cho tôi nghe trong bao nhiêu đêm vừa qua đều là láo cả, tưởng-tượng hết cả ư ? Mà gã láo để làm gì ? Để thỏa-mãn lòng dục bằng những hoạt-động táo-bạo trong tưởng-tượng chăng ? Hay là tình-yêu của gã bị chận đứng ngay lại giữa lúc chớm nở khiến gã uất-ức trong tâm-trí mà phải tiếp-tục hoàn-thành bằng những cảnh mơ-ước vẽ-vời như thế cho hả ? Hay là hắn thấy một người con trai sắp bước vào cõi chết mà chưa từng biết đầy-đủ chuyện đời, chưa có một câu chuyện ái-tình, chưa biết đến con gái là thiệt-thòi, nhục-nhã, gã tự-ái và nhất-định chống-chế, bịa ra để chống-chế với tôi ?

Tôi quay lại nhìn cái khuôn mặt ngang-ngang, bướng-bỉnh của gã. Cục bọt của trắng trên mép dẻo keo, gió thổi xẹ xuống một bên mà vẫn không chịu tan-khuyết chút nào. Cặp mắt gã đã đứng tròng rồi. Người phạm-nhân phụ-trách chôn cất, chẻ xong tre, ló đầu vào xem chừng. Tôi thu nắm lại trong tay tất cả sáu lá thư, vắt nhầu lại thành một cục giấy bằng ngón chân cái : tất cả cái tâm-sự sôi-nổi, u-uất của người thanh-niên mười năm tù...

VÕ-PHIẾN

HÀNG LA-VE B.G.I

Phụng-sự nền Kinh-tế Việt-Nam từ năm 1875

LA-VE LARUE
LA-VE "33" EXPORT

BRASSERIES & GLACIÈRES DE L'INDOCHINE

Dùng Hộp Quẹt BLUE BIRD
là
phụng-sự nền kinh-tế Quốc-Gia

Sté Indochinoise Forestière
et des Allumettes
(SIFA)
346, Bến Vân-Đồn
Đ. Thoại 21.950
Đ. Tín Forestière.

ROBERT BEAU

JOAILLIER

Agent de PATEK PHILIPPE et LONGINES

153, rue Tự-Do (ex Catinat) — SAIGON

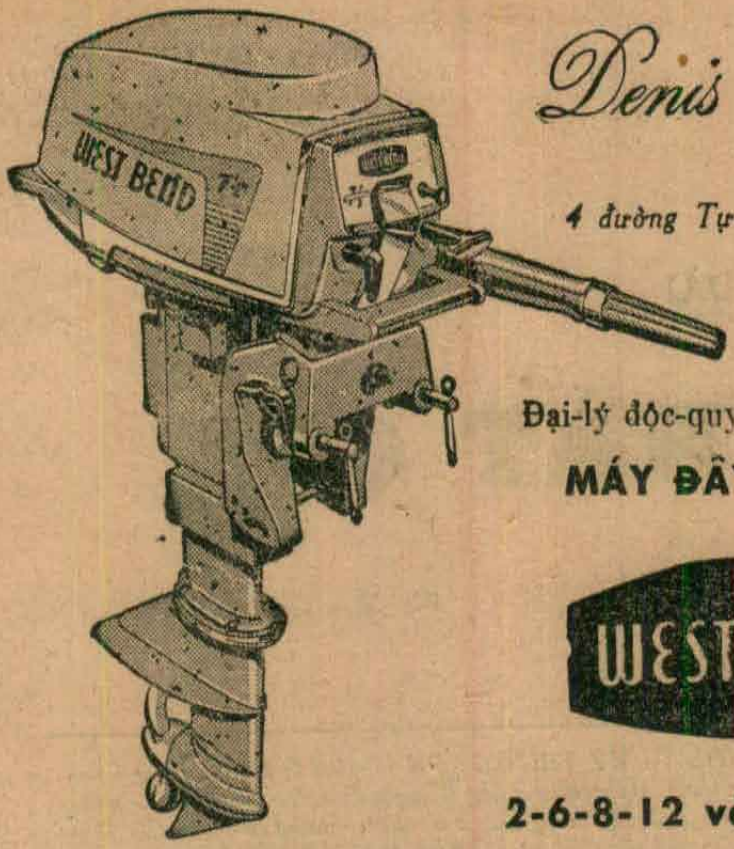

Denis Frères

4 đường Tự-do SAIGON

Đại-lý độc-quyền tại Việt-Nam

MÁY ĐẨY CA-NỐT

WEST BEND

2-6-8-12 và 30 mã-lực

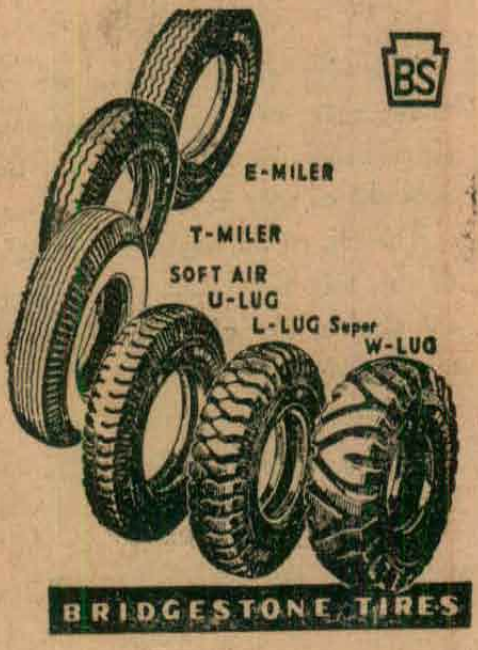

S.A.V.I.C.O.

Công-ty vô-danh thương-mại V.N.

Xuất-cảng — Nhập-cảng

41, Bến Chương-Dương — Saigon

Điện-tín : VICOME

★

ĐẠI-LÝ :

— Vỏ xe hơi « BRIDGESTONE »

— Bình điện « G. S. »

— Máy lạnh dùng vào kỹ-nghệ « SURELY »

— Xe hơi các loại, hiệu « TOYOTA »

Vật-liệu Kim-khí — Vải, sợi — Xe gắn máy, phụ tùng xe hơi

XUẤT-CẢNG : Ngũ-cốc — Cao-su, v.v...

TIỂU - THUYẾT DÀI

NHẤT GIA

TỪ-VU

Bản-dịch của VI-HUYỀN-ĐẮC

TÓM-TẮT NHỮNG KỲ TRƯỚC : Đại gia-đình họ Lâm ở Hàng-Châu, vì Trung-Nhật chiến-tranh, phải tản-cư xuống Thượng-Hải, trú tạm ở một lữ-quán, trong khi chờ đợi kiếm nhà. Họ chung sống với nhau, nhưng tư-tưởng bất-đồng, cho nên thường xảy ra những vụ cãi vã về bất cứ vấn-đề gì. Hết chuyện thuê nhà, lại đến chuyện mướn người giúp việc, sự phân-phối các phòng giữa bà con trong gia-đình, cùng là mua sắm đồ-đạc.

LẠI tới sáng hôm sau, cả nhà sắp-đặt, nào kinh-đường, nào thư-phòng, nào chỗ ăn, phòng ngủ, dủ cả, không thiếu thứ gì. Thôi thì, gọi đầu này, réo đầu kia ; nhà trên la, nhà dưới kêu, thiệt là rối-rít tang-bồng !

Nhưng, lần-lần, rồi đâu cũng vào đấy.

Đã phải thuê đủ hai người làm.

Lũ trẻ con đã đi học ở một trường tiểu-học gần đấy.

Còn cái thằng chú Tư, lúc đầu, cậu có ý lo buồn, nhưng sau, cậu đã tìm ra được một trường tư-thục ; cậu khả-dĩ đến đó để học một cái chương-trình bỏ dở của cậu.

Như vậy, gia-đình đã được yên-sở, nhưng ngày nào, họ cũng than-phiền về sự chật-chội, và luôn-luôn nhớ tiếc cái ngôi nhà cũ ngày xưa.

Thế rồi, có tin truyền lại, Hàng-Châu đã bị luân-hãm. Cả nhà đâm lo-lắng cho số-phận của cái nhà cũ-kỹ ở đấy, nhưng tuyệt-nhiên không có tin-tức gì rõ-rệt cả, chỉ toàn những lời đồn-đại rất mơ-hồ.

Nơi ăn, chốn ở, quá chật-hẹp, cố-nhiên tâm-tư có phần thiếu sự vui-tươi. Bởi thế, người ta phải mời các bạn, các chỗ quen thuộc, hoặc gần, hoặc xa đến để đánh bài cho khuây-khỏa. Như vậy, cái khách-đường ở nhà dưới không mấy khi ngớt tiếng « xoa » của bài ma-tước, mà ngày cũng qua ngày vậy.

Sau đó, nhờ có bàn bài, Cụ ông đã được biết có mấy người xã-hữu của cụ đã đi-cư đến Thượng-Hải. Bởi vậy, Cụ vội-vàng đi hỏi thăm xem tình-hình ở chốn quê nhà ra sao.

Thì ra, cái ngôi nhà của tổ-phụ lưu lại đã mười đời nay, đã bị cướp-phá sạch-trơn, không còn một tí gì gọi là có. Tất cả những đồ-đạc gì còn để lại, đều mất ráo ; nào tượng Phật, nào kinh-kệ của cụ bà, nào thư-họa, nào cổ-ngoạn của Cụ ông và tất cả những thức gì không mang đi được, đều mất sạch-sành-sanh ; dĩ-chí tới cánh cửa ván vách, ván sàn, cũng đều bị lấy đi nhẵn cả. Người coi nhà, lẽ tự-nhiên đã cao bay xa chạy từ bao giờ ấy, mà cái xác nhà còn lại, hiện nay, người ta dùng làm chuồng ngựa !

Các tin-tức trên đây làm cho cả nhà tuyệt-vọng, rồi cả nhà bàn-bạc, bàn-bạc lúc sáng mới trở dậy, bàn-bạc lúc ăn cơm, bàn-bạc lúc xoa-bài, bàn-bạc lúc đi ngủ.

Cụ bà cứ tiếc ngẩn, tiếc ngơ ; cụ đổ tại rằng, đi vội-vã quá, nên mới phải bỏ các thứ đó lại, không mang đi được. Cụ ông cũng kêu, chỉ tại ông con cụ đã quá hối-hả, không để cho cụ đem tất cả đồ cổ, vật quí và sách ốc của cụ đi, để cho đến nỗi mất hết. Bà Cả cũng hối-tiếc thế này ; bà Hai cũng hối-tiếc thế kia ; cho nên, các gian phòng nhỏ bé, chật-hẹp, suốt ngày, vang lên những những tiếng than-vãn, lời hối-tiếc. Nhưng, mỗi lần như vậy, Lâm tiên-sinh đã tìm lời khuyên-giải cả nhà. Ông nói :

— Cả nhà phải nhớ rằng, tuy nhà mình phải mất một phần đồ-đạc thật đấy, nhưng của đi thay người... Người ta còn bị chết-chóc, khổ-sở không biết chừng nào mà kể, để rồi lại tiếc của ở lại, hay đi quá chậm, chứ nhà mình, mười hai con người đã được yên-ổn, lại xum-họp ở đây như thế này, là may-mắn lắm rồi. Mới lại, hối-tiếc làm gì, cả bàn dân, thiên-hạ đang ở trong một cái vận-hạn « đại-kiếp, đại-số » kia mà !

Sau khi nghe mấy lời an-ủi của ông, cả nhà đều dị-khẩu, đồng-thanh, nói :

— Phải, đúng là « đại-kiếp, đại-số » thiệt rồi, không còn sai nữa !

Cụ bà lại nói thêm :

— Cho dẫu đại-kiếp đại-số đi nữa, Lâm-gia nhà ta cũng sẽ được tai qua, nạn khỏi, vì Lâm-gia nhà ta, mười tám đời nay, chỉ ăn hiền ở lành, tu-nhân, tích-đức không hề làm một điều gì bất-nhân, độc-ác, mà thứ nhất có trên ba mươi năm trời nay, mẹ tụng kinh, niệm Phật, mẹ dốc lòng theo đạo từ-bi, thì thề nào trời Phật cũng chứng-minh, chứng-quả cho cả nhà, mà phù-hộ, độ-trì cho cả nhà, chứ !

Sau mấy lời kết-luận trên đây, cả nhà lại người nào, việc ấy ; ai đi ra phố thì đi ; ai đi đánh bài thì đánh ; ai đi ngủ thì ngủ... để rồi đến ngày hôm sau, lại hối tiếc, lại bàn-bạc, và để lại đi tới cái kết-luận là đại-kiếp, đại-số, và của đã đi thay người, và nhà mình được trời Phật chứng-minh, chứng-quả, phù-hộ, độ-trì cho.

Như vậy, ngày ngày cứ trôi qua trong những câu chuyện hối-tiếc, bàn-bạc, trong những câu chuyện lấy làm may rằng tai đã qua, nạn đã khỏi.

Nhà tuy hẹp, tuy chật, nhưng, nhờ ở những câu chuyện trên đây mà cả nhà dần-dà, cũng thành quen đi. Mới lại, nhà ở chật-hẹp thật, nhưng ở ngoài, đã rộng, tỉnh Thượng-Hải đã lớn biết bao.

Thỉnh-thoảng, Cụ ông vẫn đi chơi tới chỗ trú-ngụ của các vị xã-hữu. Ở đây, không phải như ở Hàng-Châu nữa. Các cụ không cùng nhau lập lại đồng-thiện-xã

để tu-hành như trước, vì các cụ còn có rất nhiều thứ tân-kỳ khác để tiêu-khiển và do cậu Ba thân-hành làm hướng-dạo.

Ngày ngày, ông Hai cho cả nhà rõ số tiền còn lại, nên cả nhà vẫn vui-vui, vẻ-vẻ sinh-hoạt.

Tuy vậy, ông Hai vẫn đăm-chiêu, không biết có phải vì cái chức-vụ người trưởng-nam hay vì cái tính thiên-bẩm của ông. Bởi vậy ngày nào ông cũng tính-toán mà lo cho hiện-tại, lo cho tương-lai.

Mới đầu, ông dự-tính tìm lấy một chức-nghiệp gì cho thật hợp-thích, vì một khi có một chức-nghiệp hẳn-hoi, các việc mới giải-quyết được. Chức-nghiệp thì có đấy, nhưng không một việc nào gọi là thích-đáng. Ông kén, ông chọn mãi thành-thử ra về sau, một cái chức-nghiệp không thích-đáng cũng không còn có nữa vì cái cảnh mật ít mà ruồi lại quá nhiều. Cái đất Thượng-Hải an-toàn lúc đó không khác gì một viên đá nam-châm, nó thu-hút tất cả người bốn phương lại.

Cùng quá, ông Hai phải nhờ bên nhạc-gia tìm cho một việc, ở một nhà ngân-hàng, với cái số lương bảy chục một tháng vậy.

Bảy chục đồng bạc thì làm thế nào nuôi nổi mười hai con người ?

Bởi vậy, cái số tiền còn lại cứ hao mòn dần, hao mòn mau cho đến nỗi mỗi lần tới tồn-khoản, ông Hai lại giật mình đánh thót một cái, và sốt ruột như cào. Ừ mà, đối với sự hoang-phí của thằng chú Ba còn có thể ngăn-cấm nổi chứ không khi nào dám quá bon chen đối với hai cụ cố. Lo quá ! Số tiền còn lại đã chẳng là bao mà nó cứ hụt đi ngoem ngoém như gấu ăn trăng.

Thế rồi, có một hôm, nhân bữa ăn, Lâm tiên-sinh phải nhắc lại cho cả nhà rõ tình-trạng nguy-ngập đó. Cả nhà đều sửng-sốt, nhưng cả nhà cũng chẳng biết làm thế nào để giải-quyết.

Yên lặng... Yên lặng !

Sau, ông Hai nói :

— Thưa ba, ta cần phải tiết-kiệm hơn nhiều nữa mới xong... Ngoài sự ăn uống ra, ta phải tỉnh-giảm tất cả mọi thứ tiêu-pha khác.

Cũng vì ông Hai thấy ít lâu nay, Cụ ông đánh bài rất lớn ở ngoài nên ông phải nói như vậy. Cụ ông lặng-yên, cụ không nói gì cả, nhưng cậu Ba lên tiếng :

— Tỉnh-giảm ! anh cứ bảo tỉnh-giảm, chứ tỉnh-giảm thế nào ? Theo ý em, ta phải tìm cách để kiếm thêm tiền mà tiêu, thì phải hơn.

Ông Hai nói :

— Phải rồi, đúng lắm, chú thử nghĩ cách mà thử kiếm thêm tiền đi coi.

Ông vừa nói, vừa nhìn chằm-chằm vào mặt cậu Ba.

Cụ ông rút một điếu thuốc thơm ra hút. Cụ nói :

— Các con nói đúng lắm... ta phải một mặt « khai-nguyên », và một mặt « tiết-lưu », đúng với cái phương-pháp kinh-tế... Phải. Để duy-trì, ta cần phải một mặt kiếm thêm tiền và một mặt dè-sẻn sự ăn tiêu...

Cụ ông vừa nói đến đó thì nhà trong có tiếng khóc của Tố-Nhị nổi lên, cậu Ba mới mượn cớ đứng lên đi dỗ Tố-Nhị và dắt nó lên trên lầu.

Ông Hai chỉ ngồi yên nhìn Cụ ông. Một lúc lâu sau, ông mới lại nói :

— Cái việc cần nhất hiện-thời là tìm cho thằng chú Ba nó một công ăn việc làm, để trước hết thêm cặp vào sự chi-tiêu của gia-đình, sau là để cho nó khỏi liều-lĩnh ăn chơi như vậy...

Cụ ông nói :

— Úi chào ! nó có kiếm ra được một đồng thì rồi nó sẽ tiêu mười đồng...

Cụ nhìn ông Hai, nói tiếp, có ngụ-ý khen ông :

— Nó mà lại được như con thì còn nói gì nữa.

Theo như lời Cụ ông dạy, cần phải khai-ngnyên, nhưng khai-nguyên bằng cách nào, vì theo cậu Ba thì, muốn khai-nguyên, trước hết phải bỏ vốn ra, mà bỏ vốn ra cũng khá nguy-hiểm. Cả nhà chỉ còn có cái vốn còn-con đó, nếu đem ra làm việc mà thất-bại thì rồi liệu tính làm sao !

Còn như, cũng theo ý cụ ông, cần phải tiết-lưu, tiết-lưu thế nào ? Ngoài sự chi-tiêu về việc hồ-khẩu, mỗi người cũng phải có một tí tiền bỏ túi chứ ! Bởi vậy, không thể nào tìm ra nổi một biện-pháp cho thiệt đích-đáng.

Không tìm ra nổi một giải-pháp thời đành chịu.

Chịu, nghĩa là lại cứ sống như cũ.

Bởi vậy, ngày nọ trôi qua ngày kia, y như cựu-lệ, và đồng tiền quý-báu lại một ngày, một ngày tiêu-hao đi ngoem-ngoém !

(Còn nữa)

■ CHA NÀO CON ẤY

Cụ Tăng-Bạt-Hổ, nhà ái-quốc hoạt-động nhất trong phong-trào Đông-du hồi đầu thế-kỷ, từ Nhật-Bản trở về Việt-Nam năm 1904. Nghe tiếng cụ Lương-văn-Can có nghĩa-khí, được nghĩa-hội văn-thân Bắc tín-nhiệm, cụ tìm lại thăm tại nhà ở số 4 phố Hàng-Đào, Hà-nội, để bàn về tình-hình trong nước và kế-hoạch lâu dài.

Cụ Lương nói :

— Thập niên chi-kế mạc như thụ mộc, bách niên chi-kế mạc như thụ nhân. Chúng ta đã vào hàng lão cả rồi nên đặt hy-vọng vào bọn hậu-tiến.

Cụ Tăng đáp :

— Ý tiên-sinh thật hợp với ý tôi. Tôi về nước lần này chính có mục-đích tìm thanh-niên đưa qua Nhật học.

Rồi cụ kể lại những lời khuyên của Khuyển-Dưỡng-Nghị và Đại-ôi-Trọng-tín, sau càng nhờ cụ Lương giới-thiệu cho những thanh-niên tuấn-tú và nhiệt-huyết.

Cụ Lương đưa ý-kiến :

— Tôi nghe nói một giải Hồng-Sơn đời đời sinh hào-kiệt, dư-đảng của cụ Phan-đình-Phùng chắc còn, tiên-sinh thử đi tìm, chắc được như ý.

Lương-Trúc-Đàm, con cả cụ Lương, đã đậu cử-nhân, lúc đó ngồi hầu trà ở bên cung-kính chắp tay đứng dậy thưa với cụ Tăng :

— Ở Bắc-Thành, thanh-niên có tâm-huyết cũng không thiếu, nếu cụ cho phép, cháu xin đảm-nhận tìm anh-tài ở ngoài này.

Cụ Tăng cười :

— Phi thử phụ bất sinh thử tử.

Do cuộc hội-đàm đó mà hai người con cụ Lương, — Lương-ngọc-Quyến (tức Lương-Lập-Nham) và Lương-nghị-Khanh thành những sinh-viên đông-du đầu-tiên của nước Việt.

Trích trong « ĐÔNG-KINH NGHĨA-THỤC »
của NGUYỄN-HIẾN-LÊ do tác-giả xuất-bản lấy

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP-Á NGÂN-HÀNG

(Hội nặc-danh với số vốn 400.000.000 quan)

CHI-NHÁNH TẠI SAIGON:

29, Bến Chương-Dương

Điện-thoại : 23434/35/36 — Địa-chỉ điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẻm Eden, Saigon

★

TẤT CẢ CÔNG-VIỆC NGÂN-HÀNG

★

Đại-diện các Ngân-Hàng trên thế-giới

★

Ngân-Hàng thừa-nhận do Viện Hối-Đoái Quốc-Gia Việt-Nam

MỞ CÁC KHOẢN TÍN-DỤNG VỀ

Xuất-cảng — Nhập-cảng

B.N.C.I.

BANQUE NATIONALE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SAIGON

36. Rue TÔN-THẤT-ĐẠM
(Ex. Chaigneau)
Téléphone : 21.902 — (3 Lignes)
22.797 — B.P. 49

PHNOM-PENH

26. Moha Vithei Preah Bat Norodom
(Ex. Doudart de Lagée)
Téléphone :385 et 543
B.P. 122

La B.N.C.I. et ses filiales possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer, et à l'Etranger, notamment en A.O.F., A.E.F., Antilles, Colombie, Congo Belge, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le-Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONNALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCÉAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kano, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust C° Inc.), au Caire et à Alexandrie (Crédit d'Orient).

Ets. THÁI-THẠCH

XUẤT-NHẬP-CẢNG

58-70, đường Tự-Do — SAIGON

Điện-Thoại số : 21.643 — 21.694

Đại-Lý :

Xe hơi : **BUICK và PONTIAC**

Xe gắn máy : **STAMI-CAPRI và MIÈLE**

Máy may : **ANDARD**

Hóa-phẩm của **MONSANTO CHEMICAL COMPANY**

Nhập-Cảng	Xuất-Cảng
Thực-phẩm các thứ.	**Cao-su**
Dạ-kim phẩm-vật.	**Sản-phẩm nội-hóa**
Hàng vải	

TRANSPORTS AÉRIENS INTERCONTINENTAUX

TAI

par **Super DC 6-B**

★ Mieux que le luxe LA QUALITÉ

★ Les lignes les plus rapides

★ Les horaires les plus commodes

SAIGON – NICE – PARIS

SAIGON-PARIS – SAIGON-NOUMEA

CLASSE DE LUXE (avec couchettes et sleeperettes) et CLASSE TOURISTE

AGENTS GÉNÉRAUX POUR L'INDOCHINE :

MESSAGERIES MARITIMES

46, rue Tu-Do — SAIGON—Tél. : 22.044 et 23.907

« BÁCH-KHOA ĐỌC THAY CÁC BẠN »

Bách-Khoa mở thêm mục « ĐỌC THAY CÁC BẠN » để hiến độc-giả những đoạn văn, giai-thoại đăng trong sách báo cổ-kim.

Có nhiều đoạn văn của những bậc văn-hào tự bao nhiêu thế-kỷ trước đến nay vẫn còn giá-trị, với thời-sự hãy còn gây được tác-dụng sâu-rộng.

Có những học-thuyết mà chúng ta thường hay lãng quên đến nay vẫn còn khả-năng dung-nạp những ý-niệm mới về nhân-phẩm, về tự-do và quyền sống.

Lượm-lặt sưu-tầm các đoạn văn, giai-thoại cổ-kim đó là mục-đích của trang « ĐỌC THAY CÁC BẠN ».

Có phẫn-uất mới nảy tuyệt-tài.

Tư-Mã-Thiên, tác-giả bộ SỬ-KÝ, người đời Tần, Hán, vì bênh-vực Lý-Lăng, một bề tôi trung-thành bấy giờ, bị vua bắt chịu tội hoạn là một trong những tội nhục-nhã nhất hồi xưa. Theo luật-lệ, ông có thể bỏ tiền ra chuộc tội, nhưng ông vốn nghèo mà bạn-bè không ai có lòng nghĩa-hiệp dám ra mặt giúp, sợ vua ghét lây, ông đành nuốt hận mà chịu nhục, dùng những ngày sống thừa để hoàn-thành bộ SỬ-KÝ.

Trong bài tựa bộ ấy, ông có mấy lời sau đây ;

ÔNG Thái-sử (1) gặp cái họa Lý-Lăng, bị giam trong cảnh xiềng-xích, bùi-ngùi than rằng : « Đó là lỗi của ta ư ? Đó là lỗi của ta ư ? Thân ta bị hủy không dùng được nữa ». Rồi mà nghĩ kỹ lại rằng : « Những lời nói bóng-bẩy trong Kinh Thi, Kinh Thư là để diễn cái chí của cổ-nhân. Hồi xưa, Tây-Bá bị giam trong ngục Dữu-Lý mà viết Chu-Dịch ; Khổng-Tử bị nguy ở Trần, Sái mà soạn Xuân-Thu ; Khuất-Nguyên bị phóng mà làm thiên Ly-tao ; Tả-Khâu mù mới có bộ Quốc-Sách ; Tôn-Tử què chân mới bàn về binh-pháp ; Bất-Vi phải đầy qua Thục mà bộ Lã-Thi truyền lại đời sau ; Hàn-Phi bị tù ở Tần mới có hai thiên thuyết-nạn cô-phẫn ; 300 thiên trong Kinh Thi đại để là thánh-hiền phát-phẫn mà làm ra. Những vị đó đều có nỗi uất-kết, không nói rõ được lòng mình, nên thuật việc cũ để người sau suy-nghĩ ».

(Bản dịch của ĐÀO-DUY-ANH)

(1) Ông tự xưng như vậy. Thái-sử là chức của quan viết sử.

« Di-chúc của Vua Lê-Thái-Tổ » để lại cho con cháu :

Duyên-cớ thịnh suy, được mất từ xưa đến nay

Lê-Thái-Tổ sau khi Bình-Ngô, có giao cho Nguyễn-Trãi soạn tập Lam-Sơn Thực-Lục, kể lại công-cuộc khởi-nghĩa ở Lam-Sơn. Trong đoạn thúc-kết, Nguyễn-Trãi có ghi một cuộc thảo-luận giữa vua và quần-thần về duyên-cớ thịnh suy, được, mất từ xưa đến nay. Với một giọng thống-thiết, Vua Lê-Thái-Tổ toán-kết và bình-luận bằng những lời thiết-thực và chí-lý, đến nay vẫn còn hợp thời, ta có thể coi như là di-chúc của ngài để lại cho con cháu, nghĩa là cho tất cả chúng ta ngày nay.

TRONG khi muôn việc có rỗi, Nhà-vua thường cùng các quan bàn-luận về duyên-cớ thịnh suy, được, mất từ xưa đến nay, cùng là giặc Ngô sở dĩ thua, Nhà-vua sở-dĩ thắng là vì cớ làm sao !

Các quan đều nói rằng :

— Người Ngô hình-phạt tàn-ác, chính-lệnh ngỗ-ngược, mất hết cả lòng dân. Nhà vua làm trái lại đạo của chúng, lấy nhân mà thay bạo, lấy trí mà thay loạn, vì thế cho nên thành-công được mau-chóng là thế !

Nhà vua phán rằng :

— Lời các thầy nói, tuy là đúng lẽ, nhưng cũng còn có điều chưa biết. Trẫm trước gặp lúc loạn-ly, nương mình ở Lam-Sơn, vốn cũng mong giữ toàn được tính-mệnh mà thôi ! Ban đầu cũng không có lòng muốn lấy thiên-hạ. Đến khi quân giặc càng ngày càng tàn-ác, dân không sao sống nổi ! Bao nhiêu người trí-thức đều bị chúng hãm-hại. Trẫm đã bị khánh-kiệt cả gia-tài để thờ-phụng chúng ! Vậy mà chúng vẫn muốn đem lòng muốn hại Trẫm, không chịu buông tha ! Việc khởi-nghĩa, thực cũng là bất-đắc-dĩ mà Trẫm phải làm ! Trong lúc ấy, Trẫm thân trọ quê người, vợ, con, thân-thích, đều tán-lạc hết ! Cơm không đủ hai bữa ! Áo không phân Đông, Hè ! Lần gặp nạn ở núi Chí-Linh, quân thua, lương hết ! Trời kia bắt lòng ta phải khổ, trí ta phải mệt, đến thế là cùng ! ... Trẫm thường dụ bảo các tướng-sĩ rằng : « Hoạn-nạn mới gây nổi nước ! Lo-phiền mới đúc nên tài ! Cái khốn-khổ ngày nay là trời thử ta đó mà thôi ! Các thầy nên giữ vững lòng xưa, cẩn-thận, chớ vì thế mà chán-nản ». Vậy mà tướng-sĩ cũng dần-dần lần trốn ! Theo Trẫm trong cơn hoạn-nạn, mười người không được lấy một, hai ! Còn bỏ Trẫm mà đi, thì đại-loại là phường ấy cả ! Kể như lúc ấy nào ngờ lại có ngày nay ! May mà Trời chán đứa giặc ! Phàm lúc giặc làm cho Trẫm cùn, trí Trẫm lại càng thêm rộng ! Phàm lúc giặc làm cho Trẫm khổ, lòng Trẫm lại càng thêm bền. Trước kia quân lính đói thiếu, giờ lại nhờ lương của giặc mà số trừ-súc của ta càng sẵn ! Trước kia quân-lính lần trốn, giờ lại mượn binh của giặc, mà trở giáo để chúng đánh nhau ! Giặc có bao nhiêu mác, mộc, cung, tên, ấy là giúp cho ta dùng làm chiến-cụ ! Giặc có bao nhiêu bạc, vàng, của báu, ấy là cũng cho ta lấy làm quân-lương ! Cái mà chúng mượn dùng để hại ta, lại trở lại làm hại chúng ! Cái mà chúng muốn dùng để đánh ta, lại trở lại để đánh chúng ! Chẳng những thế mà thôi : Kìa như nước Ai-lao, với Trẫm là nước láng-giềng, trước vẫn cùng nhau giao-hảo.

Khi Trẩm bị giặc vây khốn đem quân sang nương nhờ. Nghĩ rằng, môi hở, răng lạnh, thế nào chúng cũng chứa ta ! Nào ngờ quân dạ thú, lòng lang, thấy ta bị tai-vạ, thì lấy làm vui-sướng ! Rồi thông-tin với giặc, ngầm chứa mưu gian, muốn để bắt vợ con của quân ta ! Vậy mà ta tìm cách để đối-phó với chúng, thật là thong thả có thừa ! Nó vốn trông vào quân giặc để đánh úp ta ! Ta cũng nhân vào thế nó, để đánh lui giặc ! Nó vốn lấy khách đãi ta ! Ta cũng lấy khách mà xử nó ! Phàm ý nó muốn làm gì, ta tất biết trước ! Về nó muốn động đâu, ta tất chẹn trước ! Cho nên có thể lấy đất đai của nó làm nơi chứa quân cho ta ; lấy hiểm-trở của nó, làm nơi lừa giặc của ta ! Binh-pháp dậy : « Lấy khách làm chủ, lấy chủ làm khách », có lẽ như thế chăng ? Thế nhưng Trẩm đối-đãi với ai cũng hết lòng thành-thực. Thà người phụ ta, ta chớ phụ người ! Phàm kẻ bất-bình vì một việc nhỏ, mà đem lòng kia khác, Trẩm thường tha-thứ, dong cho có lỗi đổi lỗi. Tuy nhiều khi chúng trở mặt làm thù ngay, nhưng Trẩm thường tin dùng như gan-dạ ! Biết đổi lỗi thì thôi, không bới lông tìm vết, làm gì ! Ấy cũng là bởi Trẩm trải nhiều lo-nghĩ, nếm đủ gian-nan, cho nên biết nén lòng nhịn tức, không lấy việc nhỏ mà hại nghĩa lớn, không lấy ý gần mà nhãng mưu xa. Trong khoảng vua, tôi, lấy nghĩa cả mà xử với nhau, thân như ruột thịt, có gì mà phải ngờ-vực. Thế cho nên có thể được lòng người, mà ai ai cũng vui lòng tin theo. Tuy vậy, trong khi hoạn-nạn, mười chết, một sống, để lâm vào nguy-hiểm là thường ! Ngày nay may được thành-công, là do Hoàng-Thiên giúp đỡ, mà Tổ-Tiên Trẩm chứa nhân tích đức đã lâu, cũng ngầm-ngầm phù-hộ, cho nên mới được thế. Đời sau, kẻ làm con cháu Trẩm, hưởng cái giầu sang ấy, thì phải nghĩ đến Tổ-Tông Trẩm, tích-lũy nhân-đức đã bao nhiêu là ngày, tháng ; cùng công-phu Trẩm khai-sáng cơ-nghiệp bao nhiêu là khó-khăn ! Mặc những gấm-vóc rực-rỡ, thì phải nghĩ đến Trẩm ngày xưa áo quần lam-lũ, không kể Đông, Hè ! Hưởng những cỗ-bàn ngon-lành, thì phải nghĩ đến Trẩm ngày xưa hàng tháng thiếu lương, chịu đói nhịn khát ! Thấy đền-đài lộng-lẫy, thì phải nghĩ đến Trẩm ngày xưa ăn mưa, nằm cát, trốn lủi núi rừng ! Thấy cung-tần đông, đẹp, thì phải nghĩ đến Trẩm ngày xưa thất-thểu quê người, vợ con tan-tác ! Nên nhớ rằng Mệnh Trời nào chắc được không thường, tất phải suy tính nỗi khó khi mưu-toan việc dễ. Nghiệp lớn khó gây mà dễ hỏng, tất phải cẩn-thận lúc đầu mà lo tính về sau. Phải đề-phòng đầu mối hỏa-hoạn, có khi vì yên-ổn mà gây nên. Phải dón ngăn ý-nghĩ kiêu xa, có khi vì sung-sướng mà sinh sự ! Có như thế thì họa là mới giữ-gìn được. Nên Trẩm nghĩ làm ra bộ sách này, thực là rất trông mong cho con cháu đời sau.

(Dẫn dịch của MẠC-BẢO-THẦN)

CẢ đời đục cả, một mình ta trong ; mọi người say cả, một mình ta tỉnh.

KHUẤT-NGUYÊN

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES & CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632 - 21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20, Boulevard Norodom (Ex 20, Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

VINGT-CINQ ANS D'EXPERIENCE !

CHEZ **A. CH. MICHAUX**

102 rue Tu-Do (Ex Catinat)

PREMIER OPTICIEN DE SAIGON

diplômé de l'Institut d'Optique de Paris

Dépositaire officiel de CARL ZEISS

Correspondant des Frères LISSAC à Paris

Dépositaire officiel des Lunettes AMOR

doublé or 50/ooo et 60/ooo

Exécution de toutes ordonnances de MM. les Docteurs en 24 heures

J. M. MOHAMED ISMAEL FILS AZIZ & C°

Import — Export

■

REPRESENTATION

■

Téléphone : 21.219
Ad. tél : JASMIN

175—179 Đường Tự-Do — SAIGON

VIỆT-NAM KHUYẾCH-TRƯƠNG KỸ-NGHỆ ĐỒNG HỒ CTY

VIETNAM WATCH INDUSTRY DEVELOPPMENT COMPANY

NGƯỜI VIỆT-NAM
DÙNG ĐỒNG-HỒ

VINA

Ráp tại Việt-Nam bằng phụ-tùng Thụy-Sĩ

Dùng đồng-hồ VINA là trực-tiếp :

- Giúp công-nhân Việt-Nam có công ăn việc làm,
- Loại-trừ ảnh-hưởng ngoại-kiều để xây-dựng kinh-tế quốc-gia độc-lập.

VIỆT-NAM KHUẾCH-TRƯƠNG KỸ-NGHỆ ĐỒNG-HỒ CTY
Công-ty vô-danh vốn 12.000.000$ VN
108, Lê-văn-Duyệt — SAIGON

Điện-tín : VINAWA - SAIGON
Cable address :

«NÓI CÓ SÁCH, MÁCH CÓ CHỨNG»

Một số bạn đọc viết thư cho chúng tôi, yêu-cầu mở một mục có tính-chất nhắn-tin, mách-bảo về các vấn-đề thuộc phạm-vi bách-khoa.

Tự biết là nhận lời các bạn, chúng tôi sẽ phải gánh-vác một công việc rất khó-khăn và rất nặng-nề, nhưng để trung-thành với lý-tưởng và danh-hiệu Bách-Khoa, chúng tôi xin hết sức cố-gắng để chiều lòng các bạn.

Trong mục này, chúng tôi sẽ tuần-tự trả lời các bạn có những thắc-mắc hay nghi-vấn về một vấn-đề gì trong phạm-vi : văn-học, nghệ-thuật, xã-hội, kinh-tế, chính-trị, sau khi đã trao cho các bạn chuyên-môn trong nhóm nghiên-cứu, khảo-cứu kỹ-lưỡng từng vấn-đề một. Mỗi vấn-đề chúng tôi phúc-đáp, nếu có thể, đều có chua căn-cứ hoặc xuất-xứ để các bạn có thể tra-cứu được tường-tận hơn.

— Người thời-cổ chữa bệnh có dùng khoa mổ-xẻ không ? Khoa mổ-xẻ có từ bao giờ ?

Bạn Dương-đăng-Nguyệt (Phan-Rang)

KHOA mổ-xẻ có từ lâu lắm, có lẽ còn trước cả phương-pháp chữa bệnh bằng thuốc men. Ở nhiều sọ người tiền-sử đã có những dấu vết khoét, gọt. Trong các đền-đài Ai-Cập, ta còn thấy vẽ trên tường những cảnh chặt tay, cắt chân, giống như bây giờ. Thời Tam-quốc bên Tầu, Hoa-Đà đã từng mổ-xẻ cho Tào-Thảo và Quan-Công. Danh-y Hippocrate của Hy-Lạp, trước Thiên-Chúa, cũng đã nói tới các cách băng-bó, giác, trích, lể, cắt, rạch da, lấy mủ, rút nước bụng, chữa xương gẫy, thay thế các bộ phận trong thân-thể (chỉnh hình). Ở Á-Rập, La-Mã và các nước Thái Tây thời cổ giải-phẫu, là một khoa-học hẳn hoi.

— Học thuyết về nguồn gốc loài người, hiện nay gồm bao nhiêu thứ ? Xin cho biết sơ-lược mỗi thứ.

Bạn Hồng-Quảng (Qui-Nhơn)

HỌC-THUYẾT về nguồn gốc loài người, hiện nay có bốn thứ :

1°) Một thuyết thì cho rằng từ trước vô cùng, người ta vốn đã có và hiện nay còn lưu-truyền lại ;

2°) Một thuyết thì nói người ta do ngẫu-nhiên mà có ;

3°) Một thuyết thì cho người ta do Thần tạo ra ;

4°) Thuyết thứ tư là thuyết tiến-hóa trong đó lại chia ra nhiều ngành.

— Phong-kiến là gì ? Sao lại có tên phong-kiến.

Cô Thuận-Trinh (Đà-Nẵng)

PHONG-KIẾN là chế-độ phong-tước và kiến-địa : nhà vua phong-tước cho chư-hầu và cắt đất cho quản-lĩnh, đại-khái chia ra năm hạng bực : Công, Hầu, Bá, Tử, Nam. Tại Âu-Châu về thời Trung-cổ, ở Trung-Hoa về đời Tần, chế-độ ấy thịnh-hành nhất.

— Các kiểu y-phục cổ của đàn bà.

Bà Mỹ-Hưng (Saigon)

Tiếp theo kỳ trước, đã lục đăng kiểu y-phục đàn ông, kỳ này xin lục đăng kiểu y-phục đàn bà.

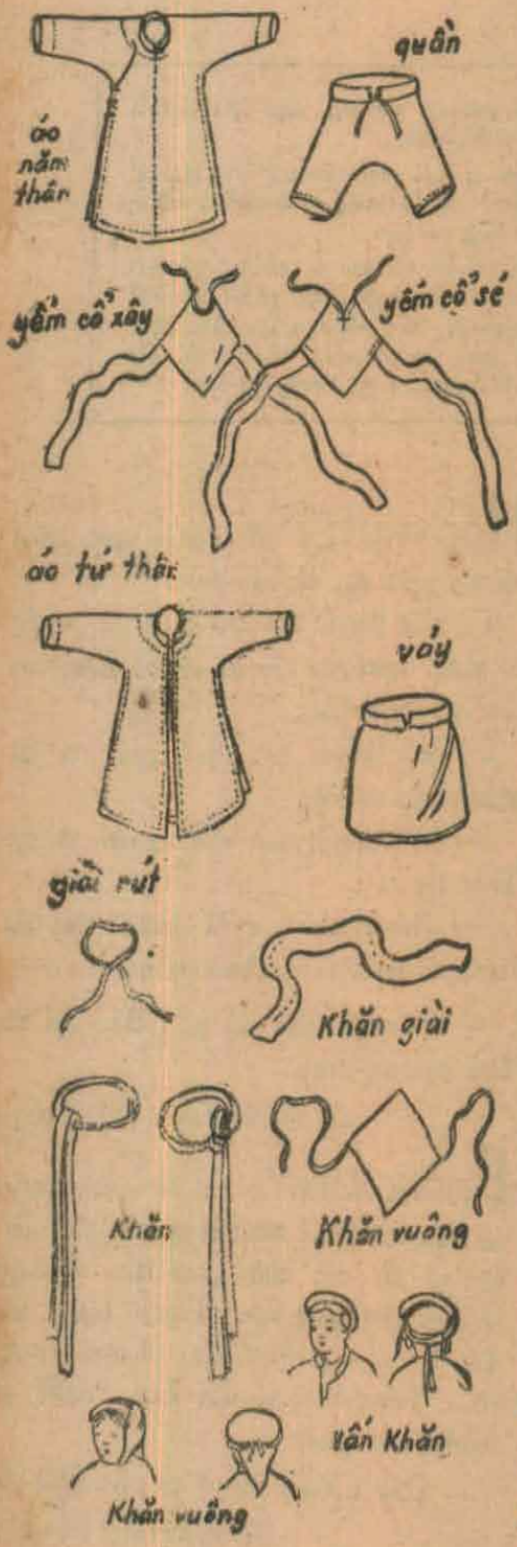

— Chúng tôi muốn biết rõ về nguồn-gốc dân-tộc Việt-Nam.

Nhóm học-sinh Khmer (Nam-Vang)

ĐỂ giải-đáp, BÁCH-KHOA xin giới-thiệu với anh em học-sinh cuốn « Lịch-sử Việt-Nam » quyển I, rất có giá-trị, do ông Phạm-Hoàn-Mĩ và một nhóm giáo-sư biên-soạn và nhà Tân-Việt xuất-bản. Mấy đoạn dưới đây chúng tôi đã trích trong cuốn sách đó :

I. — SỰ DI-CƯ CỦA GIỐNG ANH-ĐÔ-NÊ-DIÊNG

Nhiều sử-gia cho rằng tổ-tiên của người Việt là giống Tam-Miêu, một giống người ở Trung-quốc, sau bị Hán-tộc đánh đuổi chạy về phương Nam.

Nhưng theo sự nghiên-cứu của các nhà nhân-chủng-học hiện-thời, thì ở đời Thượng-cổ, có giống người Anh-đô-nê-diêng ở Ấn-độ bị giống người A-ri-ăng đánh đuổi bỏ chạy tràn sang miền Đông Nam Á-châu. Đến nơi, giống Anh-đô-nê-diêng đánh đuổi người bản-xứ, tức là giống Ba-bu Mê-la-nê-diêng.

Rồi một phần tràn sang Nam-dương quần-đảo, một phần ở lại phía Nam thành người Chiêm-thành và Cao-miên, phía Bắc thì hợp với người Tàu thành người Việt.

Cứ xem hai giống dân Hời (Chiem-thành) và Cơ-me (Cao-miên) thì cho đến ngày nay, họ vẫn còn giữ một vài di-tích của nghệ-thuật và phong-tục giống hệt với nghệ-thuật và phong-tục của người Ấn.

Người Việt vì ảnh-hưởng của Bắc-phương quá mạnh nên đã biến-đổi cuộc đời về vật-chất lẫn tinh-thần, tạo thành một cá-tính đặc-biệt mà ta đã học.

II.— NGƯỜI GIAO-CHỈ

Xét trong sách sử của người Trung-hoa, thì ở đời thái-cổ có một giống người ở phía Nam sông Dương-tử mà người Trung-hoa gọi là Man-di. Họ sinh-hoạt bằng nghề đánh cá. Họ cắt tóc để dễ bơi lội. Họ xâm mình cho hình-trạng giống giao-long để thuồng-luồng, cá sấu trông thấy tưởng đồng-loại mà không làm hại. Dần-dà, phần thì sợ nó mà cầu-khẩn cúng vái, phần thì biến hình-trạng mình cho giống nó, nên họ có cái ý-tưởng chính mình là đồng-chủng của giao-long. Nhân đó, có lẽ họ nghĩ rằng tổ-tiên mình do giao-long sinh ra. Rồi nhận giao-long làm vật-tổ (tô-tem). Người Trung-quốc mới vì lẽ ấy mà gọi là « người Giao-long » ; miền đất họ ở là Giao-chỉ.

III.— NGƯỜI VIỆT THƯỜNG

Phía Nam đất Giao-chỉ, lại có nước Việt-thường. Đời nhà Chu (1.109 tr. T. L.) bên Tầu, đã từng có sứ-giả Việt-thường đến dâng đôi chim trĩ trắng vì giao-hiếu. Người Việt-thường cũng như người Giao-chỉ, làm nghề đánh cá, nên họ cũng cắt-tóc, xâm mình. Người Trung-quốc coi họ là một trong các giống người mà Hán-tộc thường gọi là Man-Di.

Hiện nay, văn-hóa của những dân-tộc miền Đông-Nam châu Á vẫn còn di-tích văn-hóa Anh-đô-nê-diêng. Bởi vậy ta cũng có thể ngờ rằng trong dòng máu của người Việt, có lẽ có một ít yếu-tố của giống Anh-đô-nê-diêng chăng ?

■ TÌNH QUÂN-DÂN

Nước Trần và nước Lỗ đánh nhau. Vua nước Trần là Mục-công thua trận, tới hỏi Mạnh-Tử :

— Trong cuộc chiến-tranh vừa qua, ta có mươi võ-quan bị chết, mà chẳng có một tên dân nào liều chết để cứu kẻ bề trên. Nếu ta đem họ ra giết, thì giết không xiết, bởi họ đông lắm. Còn nếu ta không giết, họ vẫn cứ trơ trơ, nhìn bực trưởng-thượng chết mà không chịu tiếp-cứu. Như vậy thì nên làm thế nào ?

Mạnh-Tử đáp :

— Trong những năm tai biến, đói khát, dân-chúng của nhà vua, người già-cả yếu-đuối thì chết đói nằm ngang dọc đầy đường, người trẻ-trung mạnh-khỏe thì tản-mác lưu-lạc bốn-phương, số nạn-nhân già trẻ này kể có hàng mấy ngàn. Trong khi đó, vựa-lẫm nhà vua đầy-tràn lúa gạo, kho-tàng nhà vua dư-dật của tiền, mà các quan không chịu báo-cáo với vua. Đó là kẻ bề trên coi rẻ mạng dân và tàn hại dân vậy. Tăng-Tử đã từng nói : « Phải coi chừng ! Phải coi chừng ! ngươi làm cho ai việc gì thì việc ấy sẽ trả lại cho ngươi ». Nay dân không chịu tiếp-cứu quan, đó là họ trả lại quan sự quan đã bỏ rơi họ đó. Xin vua chớ oán-trách họ.

Nếu vua thi-hành chính-sách lấy nhân-đức làm gốc, khiến các quan phải lưu-ý đến dân, tự nhiên dân sẽ mến các quan và dám liều chết vì bề trên của họ.

GIAO-THÔNG NGÂN-HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

HÃNG CHÍNH:

ĐÀI-BẮC — TRUNG-QUỐC

ĐẠI-DIỆN TẠI VIỆT-NAM:

11, Nguyễn-Công-Trứ (Lefèbvre cũ) — Saigon
Đ. T. 21.549 — Saigon : 55

58, Đại-lộ Khổng-Tử (Gaudot cũ) — Cholon
Điện-Thoại: 904

ĐIỆN-BÁO : COMMUBANK

Đảm-nhiệm tất cả nghiệp-vụ về Ngân-Hàng và giao-dịch.

Có đại-lý thiết-lập trên các thành-thị lớn khắp thế-giới.

DISTILLERIES DE L'INDOCHINE

HÃNG RƯỢU BÌNH TÂY

Eaux de Cologne et Lotions de PREMIÈRE QUALITÉ

— ✻ —

Rượu luyên-tinh hảo-hạng làm bằng rượu nếp. Các thứ nước hoa đều chế bằng rượu luyên-tinh, tốt bậc nhất hoàn-cầu, cùng các chất hoa ở bên Pháp thuộc vùng Grasse (Alpes Maritimes)

Bán sỉ và lẻ tại : 135, Pasteur — SAIGON
Bán lẻ tại khắp các nhà buôn đứng-đắn.

Các nhà buôn muốn lãnh bán (dư trả lại), do nơi Văn-Phòng Công-Ty 135, Pasteur — SAIGON

Bata

NHÀ MÁY LÀM GIÀY

TO NHẤT TẠI VIỆT-NAM

CÔNG-TY BẢO-HIỂM PHÁP-Á

Bảo-hiểm mọi ngành

Vốn : 105.000.000 Phật-lăng

ASSURANCE FRANCO ASIATIQUE

Assurances toutes branches — Capital : 105.000.000 frs.

TỔNG BẢO-HIỂM CÔNG-TY

Bảo-hiểm hỏa-hoạn
Tai hại gây bởi chất nổ
Vốn : 1000 triệu phật lăng
Compagnie d'Assurances Générales contre l'Incendie et les Explosions
Capital : 1 Milliard de francs

TỔNG BẢO-HIỂM CÔNG-TY

Bảo-hiểm tai nạn
Gian-phi — Hàng-hải — Rủi ro
Vốn : 1000 triệu phật lăng
Compagnie d'Assurances Générales Accidents
Vol — Maritime — Risques divers
Capital : 1 milliard de francs

NHỮNG CÔNG-TY BẢO-HIỂM LỚN NHẤT VÀ ĐÃ HOẠT-ĐỘNG LÂU NHẤT CỦA PHÁP

Les plus anciennes et les plus importantes des sociétés françaises d'assurances

CHI-NHÁNH Succursale SAIGON : 26, Tôn-Thất-Đạm (tên cũ Chaigneau) 26

Giây nói : Tél. 21.253 — 23.913

MỘT GÓI THUỐC THƯỢNG HẢO HẠNG

TẠP-CHÍ BÁCH-KHOA

XUẤT-BẢN MỖI THÁNG HAI KỲ

DIỄN - ĐÀN CHUNG CỦA TẤT CẢ
NHỮNG NGƯỜI THA - THIẾT ĐẾN CÁC VẤN - ĐỀ
CHÍNH - TRỊ, KINH - TẾ, VĂN - HÓA,
XÃ - HỘI.

Chủ - nhiệm : HUỲNH - VĂN - LANG
hợp - tác cùng các bạn :

LÊ - ĐÌNH - CHÂN
TĂNG - VĂN - CHỈ
ĐỖ - TRỌNG - CHU
LÊ - THÀNH - CƯỜNG
TRẦN - LƯU - DY
LÊ - PHÁT - ĐẠT
NGUYỄN - VĂN - ĐẠT
NGUYỄN - LÊ - GIANG
PHẠM - NGỌC - THUẦN - GIAO
NGUYỄN - HỮU - HẠNH
LÊ - VĂN - HOÀNG
NGUYỄN - VĂN - KHẢI
PHẠM - DUY - LÂN
NGUYỄN - QUANG - LỆ
TRẦN - LONG

BÙI - BÁ - LƯ
DƯƠNG - CHÍ - SANH
NGUYỄN - HUY - THANH
BÙI - KIẾN - THÀNH
HOÀNG - KHẮC - THÀNH
PHẠM - NGỌC - THẢO
BÙI - VĂN - THỊNH
NGUYỄN - TẤN - THỊNH
VŨ - NGỌC - TIẾN
VÕ - THU - TỊNH
NGUYỄN - TẤN - TRUNG
PHẠM - KIM - TƯƠNG
HOÀNG - MINH - TUYNH
BÙI - CÔNG - VĂN

In tại nhà in AN - NINH (MAURICE cũ)
14, Nguyễn - An - Ninh -:- SAIGON

Giá : 8$
Công-sở : 10$